**BỘ GIÁO ÁN KHỐI 12 – HỌC KÌ II**

***Theo công văn 5512 BGDĐT tháng 12/2020***

**Ngày soạn: 5/01/2021**

**Ngày dạy *:***

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945- 1975**

**Tiết 52- 53 . TT tiết dạy theo KHDH:**

**TÊN BÀI DẠY:**

**VỢ CHỒNG A PHỦ**

***(Trích)* -Tô Hoài-**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

1. **MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; tóm tắt được tác phẩm; nhận biết đề tài, chi tiết sự việc tiêu biểu, nhân vật... | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết sự việc, các nhân vật; đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật | **Đ2** |
| **3** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ trần thuật… | **Đ3** |
| **4** | Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. | **Đ4** |
| **5** | Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm | **Đ5** |
| **6** | Đọc mở rộng các tác phẩm khác của tác giả và các tài liệu liên quan. | **Đ6** |
| **7** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **8** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **N2** |
| **9** | Tạo lập được đoạn văn về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm hay nghị luận văn học về tác phẩm. | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **10** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **11** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Nhân ái; Trách nhiệm** | | |
| **13** | Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp của con người lao động, biết yêu thương đồng cảm với những cảnh ngộ khổ đau trong cuộc sống. | **NA** |
| **14** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh chống lại các thế lực xấu trong xã hội. | **TN** |

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
2. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
3. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…
4. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**
5. **TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu** (10 phút) | **Đ1-Kết nối** | Huy động vốn kiến thức về văn hóa khu vực Tây Bắc; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Trò chơi, Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động **Hình thành** **kiến thức**  (50 phút) | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, N1; GT-HT** | I. Tìm hiểu chung  II. Đọc hiểu văn bản  1. Tìm hiểu nhân vật Mị  a. Trước khi về làm dầu  b. Bi kịch thân phận  c. Sức sống tiềm tàng  2. Tìm hiểu nhân vật A Phủ  III. Tổng kết | Đàm thoại gợi mở  Kĩ thuật sơ đồ tư duy  Kĩ thuật làm việc nhóm | GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  (15 phút) | **Đ3, Đ4, Đ5; TCTH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức và kĩ năng. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án và HDC |
| Hoạt động **Vận dụng**  (10 phút) | **Đ5; NA** | Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**5 phút) | **Đ 6, Đ 5 , V1, TC- TH** | Thiết kế dự án:   * Nhóm phóng viên: thiết kế clip giới thiệu Tô Hoài cùng những chia sẻ về tác phẩm Vợ chồng A Phủ., * Nhóm vẽ tranh: Hình dung và vẽ các cảnh tượng đặc sắc trong truyện. * Nhóm đóng kịch: đóng hoạt cảnh đặc sắc trong truyện | Phương pháp dự án; Dạy học hợp tác Thuyết trình; Kĩ thuật Phòng tranh,; sân khấu hóa tác phẩm; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1. MỞ ĐẦU (10p)**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu: Đ1**

Nhận biết được các nét văn hóa của người Tây Bắc vào các dịp lễ hội mùa xuân, từ đó

tạo tâm thế thoải mái, hứng thú khi đọc hiểu truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*.

1. **Nội dung:**

GV tổ chức trò chơi ***Nhìn hình đoán từ.***

1. **Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS, tìm ra các nét văn hóa mà các bức tranh mô tả và địa phương được nói tới qua các bức tranh.

1. **Tổ chức thực hiện:**

* **GV chuyển giao nhiệm vụ học tâp:**

+ GV cho HS lật mở từng bức tranh (có 4 bức tranh). Khi mỗi bức tranh được lật mở, HS phải trả lời về một nét đẹp văn hóa nào của các dân tộc ở vùng núi Tây Bắc được diễn tả qua bức tranh. Thời gian trả lời: 5s







* Ném pao
* Ném còn
* Múa khèn
* Chơi quay

+ Qua những bức tranh trên, GV hỏi: Những bức tranh nhắc đến địa phương nào của đất nước?

* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn lật tranh và trả lời theo thời gian quy định.

**GV trình chiếu các slide.**

* **GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, vào bài mới:**

Theo chân Tô Hoài đến với vùng núi Tây Bắc qua tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, người đọc không chỉ thấy được những vẻ đẹp thiên nhiên cũng như văn hóa vùng đất địa đầu Tổ quốc mà còn thấy nơi đây ấm áp tình người qua câu chuyện tình yêu giữa Mị và A Phủ.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (55 phút)**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2**

**b.Nội dung: Trả lời câu hỏi để làm nổi bật:**

- Những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của Tô Hoài.

- HCST, xuất xứ, tóm tắt được truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ.*

**Sản phẩm:1. Tác giả*:***

- Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại. Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

- Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*

- Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.

- Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\*Tìm hiểu mục 1. Tác giả Tô Hoài:**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ học tâp:** HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Tô Hoài.

* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.
* **GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide:**

**1. Tác giả*:***

- Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại. Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

- Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*

- Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.

- Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.

\***Tìm hiểu mục 2: Văn bản**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Đàm thoại:** HS nêu xuất xứ, HCST của truyện ngắn**.**

**+ GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản.**

**+ Đàm thoại:** HS tìm hiểu và trả lời về kết cấu truyện, vị trí đoạn trích SGK. Nêu cảm nhận chung về nội dung đoạn trích.

**- HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

**- HS báo cáo kết quả:**

**- GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.**

**2. Tác phẩm:**

\* Hoàn cảnh sáng tác: Trong chuyến đi thực tế cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc năm 1952.

\* Xuất xứ: In trong tập *Truyện Tây Bắc* (được tặng giải nhất - giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam 1954 -1955)

**\* Tóm tắt truyện:** Cần đảm bảo một số ý chính:

+ Mị, một cô gái xinh đẹp, yêu đời, có khát vọng tự do, hạnh phúc bị bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra.

+ Lúc đầu Mị phản kháng nhưng dần dần trở nên tê liệt, chỉ “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”.

+ Đêm tình mùa xuân đến, Mị muốn đi chơi nhưng bị A Sử (chồng Mị) trói đứng vào cột nhà.

+ A Phủ vì bất bình trước A Sử nên đã đánh nhau và bị bắt, bị phạt vạ và trở thành kẻ ở trừ nợ cho nhà Thống lí.

+ Không may hổ vồ mất 1 con bò, A Phủ đã bị đánh, bị trói đứng vào cọc đến gần chết.

+ Mị đã cắt dây trói cho A Phủ, 2 người chạy trốn đến Phiềng Sa.

+ Mị và A Phủ được giác ngộ, trở thành du kích.

\* **Kết cấu truyện**: Gồm 2 phần

P1: M & A ở nhà Thống lí Pa Tra

P2: M & A ở Phiềng Sa.

\* **Vị trí đoạn trích SGK**: Nằm ở phần đầu truyện

**\*Cảm nhận chung về đoạn trích**:

Nỗi khổ của người dân miền núi dưới ách áp bức của bọn phong kiến, thực dân. Đồng thời thấy được sức sống mãnh liệt, cá tính độc đáo & quá trình đấu tranh tự giải phóng của họ.

-> Hướng tìm hiểu đoạn trích SGK: theo nhân vật

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, N1, N2, TC-TH, GT-HT**

**b.Nội dung**:

- Hiểu được cuộc sống cơ cực, tối tăm của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách áp bức, thống trị của thực dân pháp và phong kiến tay sai; quá trình người dân tộc thiểu số thức tỉnh, từng bước giác ngộ cách mạng và vùng lên tự giải phóng đời mình và đi theo tiếng goi của Đảng.

- Thấy được những đóng góp của tác giả trong nghệ thuât khắc hoạ tính cách nhân vật, lối kể chuyện linh hoạt, sự tinh tế trong diễn tả thế giới nội tâm, am hiểu về phong tục tập quán người Mông, lời văn tinh tế mang màu sắc dân tộc và giàu chất thơ.

**Cụ thể:**

**Nội dung II. Đọc – hiểu chi tiết về văn bản**

1. **Hình tượng nhân vật Mị**
2. **Nhân vật A Phủ**

**Nội dung III. Tổng kết bài học**

1. **Giá trị nội dung: Hiện thực và nhân đạo**
2. **Giá trị nghệ thuật**

**c. Sản phẩm**: các sản phẩm của dạy học dự án, phiếu học tập, câu trả lời miệng, sơ đồ tư duy.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Mục II. Đọc – hiểu chi tiết**

**Nội dung 1. Nhân vật Mị**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Làm việc theo cặp: Nhận xét sự xuất hiện của Mị ở đầu tác phẩm qua các chi tiết sau: ngoại hình, tư thế, công việc. Những chi tiết đó dự báo điều gì về số phận Mị cho người đọc biết?

+ Có thể chia cuộc đời Mị thành mấy chặng?

+ Hoạt động nhóm (4 nhóm):

GV phát Phiếu học tập cho các nhóm:

Nhóm 1: Mị trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

Nhóm 2: Mị sau khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

Nhóm 3: Tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân

Nhóm 4: Tâm trạng và hành động của Mị khi chứng kiến A Phủ bị trói.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | |
| **Nhóm 1**: Mị trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra | * Trước khi về làm dâu nhà quan thống lý, Mị là cô gái như thế nào? * Mị có xứng đáng được sống hạnh phúc không? |
| **Nhóm 2**: Mị sau khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra | * Vì sao Mị phải làm dâu nhà quan thống lí? * Cuộc sống của Mị khi ở nhà quan thống lí? * Nhận xét về số phận của Mị khi ở nhà Pá Tra? |
| **Nhóm 3**: Tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân | * Khung cảnh mùa xuân ở Hồng Ngài như thế nào? Tác động đến tâm hồn Mị ntn? * Diễn biến tâm lí, hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân? |
| **Nhóm 4**: Tâm trạng và hành động của Mị khi chứng kiến A Phủ bị trói. | * Thái độ của Mị ban đầu và sau khi nhìn thấy giọt nước mắt của A Phủ? * Diễn biến tâm lí, hành động của Mị sau khi cứu A Phủ? |

* **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS thảo luận, trình bày sản phẩm ra giấy A0.
* **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV mời các nhóm nhận xét chéo kết quả thảo luận, có thể đưa ra câu hỏi cho nhóm thuyết trình.

* **GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức:**

**1. Nhân vật Mị**

**a. Sự xuất hiện của Mị**

- Hình ảnh: Một cô con gái *“ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa”.*

🡪 Một cô gái lẻ loi, âm thầm như lẫn vào các vật vô tri vô giác: cái quay sợi, tàu ngựa, tảng đá

*- “Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”*

🡪 Lúc nào cũng cúi đầu nhẫn nhục và luôn u buồn

=> Cách giới thiệu nhân vật ấn tượng để dẫn dắt vào trình tìm hiểu số phận nhân vật.

**b. Bi kịch thân phận làm dâu gạt nợ**

**\* Trước khi làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra:**: Một cô con gái(\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

- Là cô gái trẻ đẹp, có tài thổi sáo: “*Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buông Mị”, “Mị thổi sáo giỏi, Mị uốn chiếc lá trên môi,thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*

- Là cô gái ham làm, sẵn sàng lao động, không quản ngại khó khăn: “*Biết cuốc nương ngô, làm ngô trả nợ thay cho bố”*

- Là một cô gái yêu đời, yêu cuộc sống tự do, không ham giàu sang phú quý.

- Là người con hiếu thảo, tự trọng: *“Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”*

**\* Khi về làm dâu nhà thống lí:**

- Nguyên nhân: Vì món nợ truyền kiếp bố mẹ vay gia đình nhà thống lí Pá Tra nên Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ

🡪 Mị là con nợ đồng thời cũng là con dâu nên số phận đã trói buộc Mị đến lúc tàn đời.

**- Lúc đầu**: Mị phản kháng quyết liệt.

+ “*Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc”…*

+ Mị tính chuyện ăn lá ngón để tìm sự giải thoát.

+ Vì lòng hiếu thảo nên phải nén nỗi đau riêng, quay trở lại nhà thống lí.

*-* **Những ngày làm dâu:**

+ Bị vắt kiệt sức lao động:

*“Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa màu thì giặt đay, xe đay, đến mùa thi đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi”*

*“Con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày”*

🡪 Bị biến thành một thứ công cụ lao động, là nỗi cực nhục mà Mị phải chịu đựng.

+ Chịu nỗi đau khổ về tinh thần: Bị giam cầm trong căn phòng *“kín mít,có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”*

🡪 Sống với trạng thái gần như đã chết.

- Thái độ của Mị:

*+ “Ở lâu trong cái khổ, Mị cũng quen rồi.”*

*+ “Bây giờ Mị tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa … ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi”*

*+ “Mỗi ngày Mị không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa.”*

=> Sống tăm tối, nhẫn nhục, đau khổ, tê liệt về tinh thần, buông xuôi theo số phận..

**c. Sức sống tiềm tàng của Mị**:

**\* Cảnh mùa xuân:**

*-* Mùa xuân vui tươi, tràn đầy sức sống, nhiều màu sắc: *“Hồng Ngài năm ấy ăn tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét tất dữ dội. Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như những con bướm sặc sỡ”***;** *“Đám trẻ đợi tết, chơi quay cười ầm trên sân chơi trước nhà..”*

- Tiếng ai thổi sáo gọi bạn đi chơi: *Mị nghe tiếng sáo gọi bạn “vọng lại thiết tha, bổi hổi”. :*

*“Mày có con trai con gái rồi. Mày đi làm nương*

*Tao không có con trai con gái...Tao đi tìm người yêu”*

- Mị ngồi nhẩm bài hát của người đang thổi

*=>* Mùa xuân về ở Hồng Ngài đã có nhiều tác động tích cực đối với cuộc đời tăm tối và giá lạnh của Mị.

**\* Tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân:**

**- Lúc uống rượu đón xuân:**

*- “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát”*

🡪 Mị như đang uống cái đắng cay của phần đời đã qua, uống cái khao khát của phần đời chưa tới. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say nhưng tâm hồn đã tỉnh lại sau bao ngày câm nín, mụ mị vì bị đày đọa.

- **Khi nghe tiếng sáo gọi bạn:**

+ Nhớ lại những kỉ niệm ngọt ngào của quá khứ: thổi sáo, thổi lá giỏi, *“có biết bao người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*

*“… Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước… Mị muốn đi chơi…”*

+ Mị có ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực: muốn tự tử.

*“Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra”*

🡪 Mị đã ý thức được tình cảnh đau xót của mình.

+ Trong đầu Mị vẫn đang rập rờn tiếng sáo:

*“Anh ném Pao, em không bắt*

*Em không yêu quả Pao rơi rồi”.*

🡪 Tiếng sáo biểu tượng cho khát vọng tình yêu tự do đã thổi bùng lên ngọn lửa tâm hồn Mị

+ Những sục sôi trong tâm hồn đã thôi thúc Mị có những hành động:

* “*lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa dầu”*

🡪 Mị muốn thắp sáng lên căn phòng vốn bấy lâu chỉ là bóng tối, thắp ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.

* *“quấn lại tóc, với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách”*

🡪 Mị muốn được đi chơi xuân, quên hẳn sự có mặt của A Sử.

**- Khi bị A Sử trói đứng:**

*+ “Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượi còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”*

🡪 Quên hẳn mình đang bị trói, vẫn thả hồn theo những cuộc chơi, những tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết bên tai.

*+ “Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được...”*

🡪 Khát vọng đi chơi xuân đã bị chặn đứng.

*+ “Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.... Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ .... Mị lúc mê lúc tỉnh…”*

🡪 Tô Hoài đặt sự hồi sinh của Mị vào tình huống bi kịch: khát vọng mãnh liệt – hiện thực phũ phàng, khiến cho sức sống của Mị càng thêm mãnh liệt.

=> Tư tưởng của nhà văn:

Sức sống của con người cho dù bị giẫm đạp, trói buộc nhưng vẫn luôn âm ỉ và có cơ hội là bùng lên.

**\* Tâm trạng và hành động của Mị khi thấy A Phủ bị trói đứng:**

- Lúc đầu, khi chứng kiến cảnh thấy A Phủ bị trói mấy ngày đêm: *“Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay”*

🡪 Dấu ấn của sự tê liệt tinh thần.

- Khi nhìn thấy *“một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại…”* của A Phủ: Mị thức tỉnh dần.

*+ “Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị”, “Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được”*

🡪 Nhớ lại mình, nhận ra mình và xót xa cho mình.

+ Nhớ tới cảnh: Người đàn bà đời trước cũng bị trói đến chết

🡪 Thương người, thương mình.

+ Nhận thức được tội ác của nhà thống lí: *“Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Chúng nó thật độc ác...”*

+ Thương cảm cho A Phủ: *“Cơ chừng chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét”*

🡪 Từ lạnh lùng thương cảm, dần dần Mị nhận ra nỗi đau khổ của mình và của người khác.

+ Mị lo sợ hốt hoảng, tưởng tượng khi A Phủ đã trốn được: *“lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy”*

🡪 Nỗi sợ như tiếp thêm sức mạnh cho Mị đi đến hành động.

- Liều lĩnh hành động: cắt dây mây cứu A Phủ *“Mị rón rén bước lại… Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây…”*

🡪 Hành động bất ngờ nhưng hợp lí: Mị dám hi sinh vì cha mẹ, dám ăn lá ngón tự tử nên cũng dám cứu người.

*+ “Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi Mị cũng vụt chạy ra”*

🡪 Là hành động tất yếu: Đó là con đường giải thoát duy nhất, cứu người cũng là tự cứu mình.

**=>** Tài năng của nhà văn trong miêu tả tâm lí nhân vật: Diễn biến tâm lí tinh tế được miêu tả từ nội tâm đến hành động.

**=>** Giá trị nhân đạo sâu sắc:

+ Khi sức sống tiềm tàng trong con người được hồi sinh thì nó là ngọn lửa không thể dập tắt.

+ Nó tất yếu chuyển thành hành động phản kháng táo bạo, chống lại mọi sự chà đạp, lăng nhục để cứu cuộc đời mình.

**Nội dung 2. Nhân vật A Phủ**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ:** HS làm việc theo cặp trong bàn:

+ Vì sao nói A Phủ là nhân vật có số phận đặc biệt?

+ Nhân vật A Phủ có những tính cách đặc biệt nào?

+ Nhận xét về nghệ thuật thể hiện nhân vật A Phủ của Tô Hoài? Đối sánh với nhân vật Mị tìm ra điểm khác nhau, giống nhau của hai nhân vật?

* **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS thảo luận theo cặp các câu hỏi trên.
* **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV gọi đại diện 1 số cặp trả lời.
* **GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức**:

**2. Nhân vật A Phủ:**

**a. Số phận đặc biệt của A Phủ:**

- Từ nhỏ mồ côi cha mẹ, không người thân thích, sống sót qua nạn dịch

- Làm thuê, làm mướn, nghèo đến nỗi không thể lấy được vợ

- 10 tuổi bị bắt đem bán đổi lấy thóc của người Thái, sau đó trốn thoát và lưu lạc đến Hồng Ngài.

- Trở thành chàng trai khỏe mạnh, tháo vát, thông minh:*“chạy nhanh như ngựa”, “biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo”*

- Nhiều cô gái mơ ước được lấy A Phủ làm chồng: *“Đứa nào được A Phủ cúng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”*

- Nhưng A phủ vẫn rất nghèo, không lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.

**b. Tính cách đặc biệt của A Phủ :**

**-** Gan góc từ bé: “*A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp, A Phủ trốn lên núi, lạc đến Hồng Ngài”*

- Lớn lên: dám đánh con quan, sẵn sàng trừng trị kẻ ác: *“chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử .... Nó vừa kịp bưng tay lên. A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp”*

🡪 Hàng loạt các động từ cho thấy sức mạnh và tính cách của A Phủ, không quan tâm đến hậu quả sẽ xảy ra.

- Khi trở thành người làm công gạt nợ:

+ A Phủ vẫn là con người tự do: *“bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng”*, làm tất cả mọi thứ như trước đây.

+ Không sợ cường quyền, kẻ ác:

* Để mất bò, điềm nhiên vác nửa con bò hổ ăn dở về và nói chuyện đi bắt hổ một cách thản nhiên, điềm nhiên cãi lại thống lí Pá Tra.
* Lẳng lặng đi lấy cọc và dây mây để người ta trói đứng mình.

🡪 Không sợ cái uy của bất cứ ai, không sợ cả cái chết.

- Bị trói vào cột, A Phủ nhai đứt hai vòng dây mây định trốn thoát

🡪 Tinh thần phản kháng là cơ sở cho việc giác ngộ Cách mạng nhanh chóng sau này.

🡺 Nghệ thuật xây dựng nhân vật rất đặc trưng:

- Nét khác nhau giữa hai nhân vật:

+ Mị: được khắc họa với sức sống tiềm tàng bên trong tâm hồn.

+ A Phủ: được nhìn từ bên ngoài, tính cách được bộc lộ ở hành động, vẻ đẹp hiện lên qua sự gan góc, táo bạo, mạnh mẽ.

- Nét giống nhau:

+ Tính cách của những người dân lao động miền núi

* Mị: Bề ngoài lặng lẽ, âm thầm, nhẫn nhục nhưng bên trong luôn sôi nổi, ham sống, khao khát tự do và hạnh phúc.
* A Phủ: Táo bạo, gan góc mà chất phác, tự tin.

+ Cả hai: là nạn nhân của bọn chúa đất, quan lại tàn bạo nhưng trong họ tiềm ẩn sức mạnh phản kháng mãnh liệt .

**Mục III. Tổng kết**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân:

? Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?

? Thử liên hệ với một số tác phẩm cùng viết về đề tài người nông dân trước cách mạng và rút ra điểm mới trong tư tưởng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài so với các nhà văn trước CM.

**-HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS phát hiện, đánh giá.

* **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV gọi HS trả lời.
* **GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức:**

**III. Tổng kết**

1. **Nội dung:**
2. *Giá trị hiện thực*

- Miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi.

- Truyện cho thấy bản chất tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi.

*b*. *Giá trị nhân đạo*

- Thể hiện tình yêu thương, sự đổng cảm sâu sắc của tác giả với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng

- Trân trọng và ngợi ca và thể hiện niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt, khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;…

- Tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai thống trị

**2. Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu được khắc họa qua tâm tư, suy nghĩ…).

- Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

- Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.

- Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ…

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (15p)**

**a. . Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, N1, N2, GT-HT**

**b. Nội dung**: Thực hiện 1 bài tập để củng cố kiến thức vừa tìm hiểu về truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*

**c**. **Sản phẩm:** Phiếu học tập.

**d**. **Tổ chức hoạt động học**

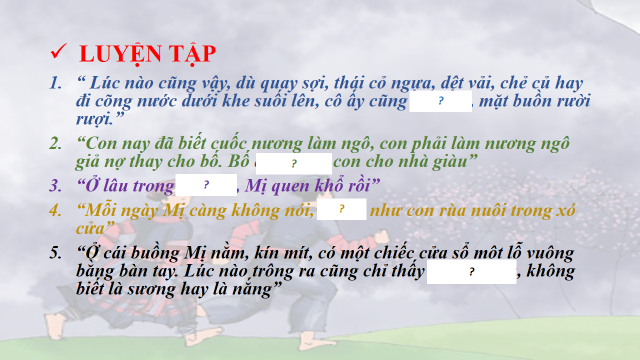
***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV chia làm làm 4 nhóm, thực hiện nhạnh 2 bài tập:

BT1: *Nối các ý 1,2,3,4,5,6  với các ý a,b,c,d,e,g  trong hai cột sau sao cho phù hợp:*

|  |  |
| --- | --- |
| 1/ Mị là người con gái hiếu thảo, yêu cuộc sống tự do và tự trọng | a/ Mị nhận ra Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Mị muốn chết. Mị đau khổ khi sống với A Sử. |
| 2/ Cha con thống lý Pá Tra đày đoạn Mị cả thể xác lẫn tinh thần. | b/ Mị xin bố: “Con nay đã lớn, biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.” |
| 3/ Mị đã hồi sinh trong đêm tình. | c/ Đánh pao, chơi quay … |
| 4/ Vì sao Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí? | d/ Mị như con rùa lùi lũi trong xó cửa. |
| 5/ Những đặc sắc nghệ thuật được Tô Hoài sử dụng? | e/ Độc thoại nội tâm, phân tích tâm lý nhân vật, ngôn ngữ đậm sắc thái vùng miền… |
| 6/ Những nét đẹp văn hóa vùng Tây Bắc được đề cập trong văn bản | g/ Cha mẹ Mị lấy nhau đã vay tiền cha của thống lí mà chưa trả hết nợ. |

*Đáp án: Câu 1-b, 2-d, 3-b, 4-g, 5-e, 6-c*

BT 2: Điền từ vào chỗ trống: ****

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS thảo luận theo nhóm, ghi nhanh kết qua ra phiếu Học tập và dán lên bảng. Nhóm nào trả lời xong nhanh nhất và chính xác nhất sẽ thắng cuộc.

* **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**.
* **GV nhận xét và cho điểm các nhóm**.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 phút)**

1. **Mục tiêu: N1, NG1, NA**
2. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi cá nhân, liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng lời nói theo phương thức nghị luận.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Kĩ thuật động não và phát vấn.

?*Vợ chồng A Phủ* là câu chuyện về một đôi trai gái người ông ở miền núi cao Tây bắc cách đây mấy chục năm. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đặt ra trong câu chuyện này không phải chỉ là chuyện của ngày hôm qua mà còn là chuyện của hôm nay. Anh/chị suy nghĩ gì về điều này?

Suy nghĩ và trao đổi với bạn bè.

🡪Gợi ý: Truyện đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa nhân sinh, nhân bản, vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự cho đến tận hôm nay:

+ Con người cần được sống cho ra sống, không thể sống mà như đã chết được.

+ Hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu đích thực. Mọi sự áp đặt, ép buộc đều có nguy cơ dẫn đến bi kịch trong cuộc sống gia đình.

+ Cần phải đấu tranh với những hủ tục lạc hậu vẫn còn rơi rớt trong xã hội hiện đại, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa...

+ Cần phải đấu tranh với nạn bạo hành gia đình.

...

* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo cặp hoặc theo bàn.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập**: GV gọi 1 số HS phát biểu suy nghĩ.
* GV nhận xét, định hướng bài học.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Đ6, Đ5, TC- TH**
2. **Nội dung: :** HS tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học
3. **Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Một số câu văn, đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV giao dự án học tập: 03 nhóm

+ Nhóm phóng viên: thiết kế clip giới thiệu Tô Hoài cùng những chia sẻ về tác phẩm *Vợ chồng A Phủ.*

+ Nhóm vẽ tranh: Hình dung và vẽ các cảnh tượng đặc sắc trong truyện.

+ Nhóm đóng kịch: đóng hoạt cảnh đặc sắc trong truyệnHS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: Các nhóm thực hiện sản phẩm trong 01 tuần.
* **Báo cáo sản phẩm:**

HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học tự chọn.

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:.....**

**Ngày dạy:**

**Tiết 54 – 55:**

**TÊN BÀI DẠY:**

**VỢ NHẶT – KIM LÂN**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; tóm tắt được tác phẩm; nhận biết đề tài, chi tiết sự việc tiêu biểu, nhân vật... | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết sự việc, các nhân vật; đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật | **Đ2** |
| **3** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ trần thuật… | **Đ3** |
| **4** | Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm | **Đ4** |
| **5** | Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm | **Đ5** |
| **6** | Đọc mở rộng các tác phẩm khác của tác giả và các tài liệu liên quan. | **Đ6** |
| **7** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **8** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **NG1** |
| **9** | Tạo lập được đoạn văn về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm hay nghị luận văn học về tác phẩm. | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **10** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **11** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Nhân ái; Trách nhiệm** | | |
| **13** | Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp của con người lao động, biết yêu thương đồng cảm với những cảnh ngộ khổ đau trong cuộc sống. | **NA** |
| **14** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh chống lại các thế lực xấu trong xã hội. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Các phiếu học tập, phiếu KWL và phần trả lời; rubric đánh giá học sinh
* Bảng phụ phục vụ cho kĩ thuật sơ đồ tư duy
* Bài trình chiếu Power Point
* Bảng, phấn, bút lông

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu** (5 phút) | **Kết nối** | Huy động vốn kiến thức về các tác phẩm cùng đề tài đã học; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động **Hình thành** **kiến thức**  (60 phút) | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT** | I. Tìm hiểu chung  II. Đọc hiểu văn bản  1. Tìm hiểu nhân vật người vợ nhặt  2. Tìm hiểu nhân vật Tràng  3. Tìm hiểu nhân vật bà cụ Tứ  III. Tổng kết | Dạy học dự án Đàm thoại gợi mở  Kĩ thuật sơ đồ tư duy  Kĩ thuật KWL  Kĩ thuật làm việc nhóm | GV sử dụng rubric đánh giá phiếu học tập , sản phẩm học tập của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  (10 phút) | **Đ3, Đ4, Đ5; TC-TH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức và kĩ năng. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án và HDC |
| Hoạt động **Vận dụng**  (10phút) | **Đ5; NA** | Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**5 phút) | **Đ 6, Đ 5 , V1, TC- TH** | Vẽ sơ đồ tư duy về bài học.  Đọc trọn vẹn truyện ngắn *Vợ nhặt* và đọc thêm các tác phẩm khác của Kim Lân. | Dạy học giải quyết vấn đề | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG (5p)**

* 1. **Mục tiêu**: **Đ1,Kết nối**

**2. Nội dung**: Nhận biết được về các tác phẩm viết về đề tài người nông dân, từ đó tạo tâm thế, hứng thú đọc hiểu tác phẩm *Vợ nhặt*

**3. Sản phẩm**:câu trả lời miệng.

**4. Tổ chức hoạt động**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

- Hãy kể các tác phẩm viết về đề tài người nông dân mà em đã học?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV

GV quan sát, theo dõi HS trả lời các câu hỏi, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

GV dẫn dắt vào bài mới.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV gọi từ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi

GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời các ý như sau:

- Tắt đèn, Lão Hạc, Chí Phèo...

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

HS vận dụng kiến thức đã học về các tác phẩm cùng đề tài để đọc hiểu tác phẩm V

**Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 p)**

* 1. **Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, N1, NG1, TC-TH, GT-HT**
  2. **Nội dung**:

- Hiểu được tình cảm thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.Hiểu được niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những con người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết.

- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của thiên truyện: sáng tạo tình huống, gợi không khí, miêu tả tâm lí, dựng đối thoại

**3. Sản phẩm**: các sản phẩm của dạy học dự án, phiếu học tập, câu trả lời miệng, sơ đồ tư duy.

**4. Tổ chức hoạt động**

**I**. **TÌM HIỂU CHUNG**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV chia lớp thành 4 nhóm HS theo 4 tổ giao nhiệm vụ cho các nhóm HS nghiên cứu thực hiện ở nhà

- Nhóm 1 và 2: Tìm hiểu những nét chính về nhà văn Kim Lân (quê quán, sáng tác, quan niệm về sáng tác, phong cách sáng tác, sự nghiệp sáng tác)

- Nhóm 3 và 4: Tìm hiểu những nét chính về tác phẩm: Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt tác phẩm theo sơ đồ

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm (trình bày bằng hình thức nào (trình chiếu p.p hoặc video), cách thể hiện sản phẩm ra sao)

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV gọi đại diện 2 nhóm HS báo cáo sản phẩm, 2 nhóm còn lại nhận xét, bổ sung

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý như sau:

**\* Tác giả:**

-Tên khai sinh: Nguyễn Văn Tài.Quê: làng Phù Lưu, tỉnh Bắc Ninh, là cây bút truyện ngắn.

- Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (1955) *Con chó xấu xí* (1962).



**\* Tác phẩm:**

a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

**-** “Vợ nhặt” viết năm 1955 được in trong tập truyện ngắn “Con chó xấu xí” (1962).

- Truyện ngắn có tiền thân là tiểu thuyết "Xóm ngụ cư", tác phẩm viết sau CMT8 nhưng còn dang dở và bị mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại (1954) tác giả dựa vào cốt truyện cũ đặt tên là Vợ nhặt.



**b. Tóm tắt:**

Câu chuyện trong tác phẩm [*Vợ nhặ*t](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%A3_nh%E1%BA%B7t) xảy ra tại thời điểm nạn đói vào năm 1945 đang xảy ra và cướp đi sinh mạng của hàng triệu người đã chết đói vì thiếu lương thực. Hoàn cảnh lúc bấy giờ rất thê lương, đến ăn cũng không đủ không nói đến những nhu cầu cơ bản khác.

Trong hoàn cảnh đó chàng trai tên là Tràng với ngoại hình xấu xí, thô kệch lại cưới được vợ mà đó lại là vợ nhặt. Khi nghe tin Tràng cưới vợ cả xóm đều ngạc nhiên và cả lo lắng, nhất là mẹ của Tràng, bà cụ Tứ vui buồn lẫn lộn, vui khi con trai xấu xí, thô kệch đã có vợ nhưng vô cùng lo lắng khi lại có thêm một miệng ăn trong khi hoàn cảnh thiếu ăn. Khi con có vợ bà chỉ đến chúc phúc khuyên vợ chồng hãy sống tốt.

Ngày hôm sau nhờ con dâu mới mà nhà cửa đều gọn gàng sạch sẽ. Bữa cơm gia đình lại có thêm sự xuất hiện của nàng dâu mới, bà cụ trò chuyện vui vẻ và hy vọng tương lai của hai đứa sẽ tươi sáng, cả nhà chỉ có “nồi chè khoán” do chính tay cụ Tứ nấu nhưng không khí lại rất vui vẻ, nồi chè tuy chát đắng khó ăn những thể hiện được tấm lòng người mẹ yêu thương và mong muốn con mình được hạnh phúc.

Đang trong bữa ăn vui vẻ thì tiếng trống thúc thuế vang lên, lúc này chàng trai Tràng nghĩ tới lá cờ đỏ đang tung bay phất phơ và nhiều người đang đi phá kho thóc chia cho dân nghèo.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS

**II**. **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**1. Nhân vật người vợ nhặt**

**a. Khi ở trên tỉnh**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV yêu cầu HS đọc đoạn văn giới thiệu sự xuất hiện của nhân vật người vợ nhặt

GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, đặt câu hỏi thảo luận:

* Người vợ nhặt xuất hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua sự xuất hiện của người vợ nhặt , em cảm nhận ban đầu như thế nào về người vợ nhặt?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS đọc đoạn văn và nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV

GV quan sát, theo dõi HS đọc và trả lời các câu hỏi, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS trả lời câu hỏi

GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời các ý như sau:

- Ngoại hình: quần áo tả tơi như tổ đỉa, gầy sọp, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.

 - Thị sưng sỉa mắng Tràng, từ chối ăn trầu để được ăn một thứ có giá trị hơn, khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”.

+ Khi nghe ràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ ... cùng về”, thị đã theo về thật bởi trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bấu víu lấy sự sống.

* Cái đói đã làm thị trở nên chao chát, đanh đá, liều lĩnh, đánh mất sĩ diện, sự e thẹn

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS

**b. Trên đường về**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV phát phiếu học tập theo nhóm, (mỗi bàn 1 nhóm) yêu cầu:

- Tìm chi tiết về các hình ảnh về người vợ nhặt

- Nhận xét, lí giải về sự thay đổi của người vợ nhặt

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Các nhóm HS trả lời câu hỏi trên phiếu học tập của GV

GV quan sát, theo dõi HS trả lời trên phiếu học tập, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV thu lại phiếu học tập, nhận xét

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

-Trên đường theo Tràng về, cái vẻ *"cong cớn"* biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ,

ngượng ngừng và cũng đầy nữ tính:

-Khi nhận thấy những cái nhìn tò mò của người xung quanh, *“thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước níu cả vào chân kia”*

->Thực ra hành động theo Tràng của thị xuất phát từ nhu cầu bám lấy sự sống, từ lòng khao khát được sống. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Thị chấp nhận theo không Tràng. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu các nhóm HS nhận xét, đánh giá chéo kết quả làm việc trên các phiếu học tập.

**c. Về đến nhà**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV chia lớp thành nhóm (4 HS) và thảo luận, điền thông tin vào phiếu học tập :

***-*** Tìm chi tiết hình ảnh miêu tả người vợ nhặt?

***-*** Diễn biến tâm trạng của người vợ nhặt được thể hiện ra sao?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Các nhóm HS trả lời câu hỏi trên phiếu học tập của GV

GV quan sát, theo dõi HS trả lời trên phiếu học tập, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, yêu cầu Hs đọc phiếu bài tập của nhóm bạn nêu nhận xét.

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

-Về đến nhà chồng, nhìn thấy “ngôi nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, thị “nén một tiếng thở dài”.

->Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách.

->Trong tiếng thở dài đó vừa có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của thị về gia cảnh nhà chồng. Đó phải chăng là thị đã ý thức được trách của mình đối với việc cùng chồng chung tay gây dựng gia đình. Tấm lòng của thị thật đáng quý biết bao.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu các nhóm HS nhận xét, đánh giá chéo kết quả làm việc trên các phiếu học tập.

**c. Buổi sáng hôm sau**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV đặt câu hỏi đàm thoại để dẫn dắt HS tìm hiểu về nhân vật người vợ nhặt

Câu hỏi đàm thoại:

- Sự thay đổi ở thị trong buổi sáng hôm sau

- Đánh giá về nhân vậtngười vợ nhặt trong đoạn truyện.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS lắng nghe câu hỏi, tìm câu trả lời

GV dẫn dắt gợi ý cho HS

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

- HS trả lời câu hỏi, thảo luận, tranh luận

- GV tổ chức cho HS đàm thoại, tranh luận, nhận xét lẫn nhau.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

 + Sau đêm tân hôn, người phụ nữ ấy có sự thay đổi hoàn toàn về tâm trạng và tính cách. Thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Sự thay đổi ấy người đọc cũng dễ nhận ra: nếu hôm qua thị chua ngoa, đanh đá, chỏng lỏn bao nhiêu thì hôm nay thị lại hiền lành bấy nhiêu. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đầy đủ sự thay đổi tuyệt vời ấy: “Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn như những lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh”. Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của Tràng trước sự đổi thay tích cực của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với thị.

+ Trong bữa cơm đầu tiên tại gia đình chồng, dù bữa ăn chỉ có “niêu cháo lõng bõng, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhẵn”, lại phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ, bằng lòng.

+ Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: “Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy”.

+ Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn “trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói ầm ầm đi trên đê Sộp, phía trước có lá cờ đỏ to lắm”.

-> Qua đó, ta thấy nhân vật vợ Tràng, “nàng dâu mới” cũng là Người truyền tin cách mạng.

=> Viết về sự đổi thay trong tâm lý của thị, Kim Lân bày tỏ tình cảm trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người dân lao động nghèo. Tình cảm nhân đạo của nhà văn thể hiện ở đây.

.***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

**2. Nhân vật bà cụ Tứ**

**a.Giới thiệu nhân vật**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV yêu cầu HS đọc đoạn văn giới thiệu sự xuất hiện của nhân vật bà cụ Tứ

GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, đặt câu hỏi thảo luận:

* Bà cụ Tứ xuất hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua sự xuất hiện của bà cụ Tứ , em cảm nhận ban đầu như thế nào về bà cụ Tứ ?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS đọc đoạn văn và nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV

GV quan sát, theo dõi HS đọc và trả lời các câu hỏi, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS trả lời câu hỏi

GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời các ý như sau:

+ Là một bà mẹ nghèo, già nua là dân ngụ cư.

+ Ngoại hình: dáng đi lọng khọng, chậm chạp, run rẩy, vừa đi vừa ho húng hắng, lẩm nhẩm tính toán theo thói quen người già.

**b. Diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ**

**\*** *Diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ khi anh Tràng dắt vợ về*

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV chia lớp thành nhóm (4 HS) và thảo luận, điền thông tin vào phiếu học tập :

***-*** Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ được thể hiện ra sao?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Các nhóm HS trả lời câu hỏi trên phiếu học tập của GV

GV quan sát, theo dõi HS trả lời trên phiếu học tập, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, yêu cầu Hs đọc phiếu bài tập của nhóm bạn nêu nhận xét.

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

\*Ngạc nhiên

- Con trai lấy vợ trong lúc bấy giờ rất khó khăn, với người như anh không dễ gì có vợ, nên cụ ngạc nhiên

- Bà cụ ngạc nhiên vì con mình xấu xí, nghèo mà vẫn có vợ trong thời khó khăn

- Bà cụ vẫn không tin vào những gì con trai mình nói “Kìa nhà tôi nó chào u”..”Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ”

- Bà vẫn không hiểu chuyện gì đang xảy ra

\* Vừa mừng vừa tủi

“Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rủ xuống hai dòng nước mắt”. “Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá!…” “ừ thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng…”. “Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân”. Bao nhiêu tình yêu thương chân thành tha thiết của người mẹ thể hiện trong những lời giản dị mộc mạc ấy.

- Vui vì con đã an bề gia thất, buồn phận làm mẹ mà không cưới nổi vợ cho con

- Cái tủi, cái buồn của người mẹ bị dồn vào cảnh nghèo cùng quẫn

- Bà cụ Tứ khóc vì mừng con có vợ, khóc vì thương con dâu không biết làm sao vượt qua nổi khó khăn này.

- Bà cụ xót thương cho con dâu, buồn tủi cho nà mình

\* Nỗi lo

- Bà lo cho con trai, con dâu, cái gia đình nhỏ của mình không biết phải qua những ngày khó khăn như thế nào

- Bà chỉ biết khuyên con, khuyên dâu thương nhau, vượt qua khó khăn

- Nỗi lo, nổi thương của người mẹ từng trải, hiểu đời có tấm lòng sâu thẳm đối với mình

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu các nhóm HS nhận xét, đánh giá chéo kết quả làm việc trên các phiếu học tập.

**\*** *Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ ở buổi sáng hôm sau*

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV đặt câu hỏi đàm thoại để dẫn dắt HS tìm hiểu về nhân vật bà cụ Tứ trong buổi sáng hôm sau

Câu hỏi đàm thoại:

-Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng bà cụ Tứ trong bữa cơm đón nàng dâu mới

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS lắng nghe câu hỏi, tìm câu trả lời

GV dẫn dắt gợi ý cho HS

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

- HS trả lời câu hỏi, thảo luận, tranh luận

- GV tổ chức cho HS đàm thoại, tranh luận, nhận xét lẫn nhau.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

\* Niềm vui, niềm hanh phúc và sự tin tưởng vào tương lai, vào cuộc sống của cụ Tứ

-Trong cái mừng, cái tủi, cái lo, người đọc vẫn thấy được niềm vui của cụ. Một niềm vui tội nghiệp không sao cất cánh lên được, cứ bị cái buồn, cái lo níu kéo xuống. Nhưng bà cụ Tứ cố vui và gắng làm cho con, cho dâu vui.

+ Vui trong ý nghĩ tốt đẹp về tương lai: “Rồi ra may mà ông giời cho khá…” ai giàu ba họ ai khó ba đời. Có ra thì con cái chúng mày về sau. Bà cụ “nói toàn: chuyện vui, toàn chuyện sung sướng sau này”.

+ Vui trong công việc sửa sang vườn tược, nhà cửa. Bà cụ giẫy cỏ cho sạch vườn. “Cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xăm thu dọn, quét tước nhà cửa”.

+ Vui trong bữa cơm sáng, bữa cơm đầu tiên có con dâu đó là một bữa “tiệc" với món cháo loãng và món “chè khoán” đắng chát – một bữa ăn ngày đói rất thảm hại nhưng bà cụ cố tạo ra niềm vui để động viên an ủi con trai, con dâu.

- Mặc dù cuộc sống khắc nghiệt, ngặt nghèo đến tàn bạo đã đầy đọa mẹ con bà. Bà vẫn cố tạo không khí hoà thuận ấm cúng trong gia đình và kể chuyện làm ăn, nuôi gà… tươi cười đon đả múc cho con dâu những bát cháo cám.

- Trong cái thân hình khẳng khiu, tàn tạ, với “cái mặt bủng beo, u tối”, ”bà vẫn nung nấu một ý chí sống mãnh liệt. Bà là hiện thân của những người mẹ nghèo khổ mà từng trải, hiểu biết: hết lòng thương yêu con, yêu thương những cảnh đời tội nghiệp, oái oăm. Bà nung nấu một khát vọng về cuộc sống gia đình hạnh phúc.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

**3. Nhân vật Tràng**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV đã giao cho HS thực hiện phiếu KWL ở nhà trước tiết học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K (thực hiện tại nhà)** | **W (thực hiện tại nhà)** | **L (thực hiện sau khi thảo luận trong tiết học)** |
| (HS ghi các thông tin đã biết về nhân vật Tràng sau khi đọc truyện)  .... | (HS tự đặt các câu hỏi: thông tin muốn tìm hiểu thêm, điều muốn lí giải về nhân vật Tràng)  .... | (HS ghi các câu trả lời, chốt các thông tin về Tràng)  .... |

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

**HS điền thông tin cột K và W ở nhà.**

**GV tổ chức các nhóm thảo luận để học sinh hợp tác tìm thông tin điền vào cột L.**

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV gọi từ 2 HS trình bày thông tin đã điền ở cột K và W. GV chốt các thông tin cột K.

GV tổ chức HS chia nhóm thảo luận. HS hợp tác tìm thông tin điền vào cột L. GV quan sát quá trình làm việc của các nhóm và giúp đỡ HS.

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

- Có vẻ ngoài thô kệch, xấu xí, thân phận nghèo hèn, …

- Nhưng có tấm lòng nhân hậu: sẵn lòng cho người đàn bà xa lạ một bữa ăn giữa lúc nạn đói, sau đó đưa về đùm bọc, cưu mang.

- Lúc đầu Tràng cũng có chút phân vân, lo lắng: Nhưng rồi, sau một cái “tặc lưỡi”, Tràng quyết định đánh đổi tất cả để có được người vợ, có được hạnh phúc.

🡪 Bên ngoài là sự liều lĩnh, nông nổi, nhưng bên trong chính là sự khao khát hạnh phúc lứa đôi. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng tình thương đối với người gặp cảnh khốn cùng.

- Trên đường về:

+ Anh rất vui, lòng lâng lâng khó tả:

*“hắn tủm tỉm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh”*

+ Cũng có lúc *“lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai bên kia người đàn bà”*

+ Sự xuất hiện của người vợ như mang đến một luồng sinh khí mới:

“*Trong một lúc, Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghe gớm đang đe doạ, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên”.*

+ Lần đầu tiên hưởng được cảm giác êm dịu khi đi cạnh cô vợ mới:

*“Một cái gì mới mẻ, lạ lắm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.”*

- Buổi sáng đầu tiên có vợ:

+ Tràng cảm nhận có một cái gì mới mẻ:

*“Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra”*

+ Tràng thay đổi hẳn:

- Tràng biết hướng tới một cuộc sống tương lai tốt đẹp hơn:

*“Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”*

=> Những con người đói khát gần kề cái chết vẫn khao khát hạnh phúc gia đình, vẫn cưu mang đùm bọc lẫn nhau và luôn có niềm tin vào tương lai.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của nhóm dựa trên phiếu KWL.

**III. TỔNG KẾT**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV yêu cầu các nhóm HS (4-5 HS) dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những đặc điểmnội dung và nghệ thuật của truyện *Vợ nhặt* thể hiệnvà ghi vào bảng phụ

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp ý chính về nội dung và nghệ thuật của truyện *Vợ nhặt*

GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách dùng từ khóa, biểu tượng, …)

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và tự nhận xét.

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý :

\* Giá trị nghệ thuật:

*Vợ nhặt* tạo được một tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, đối thoại sinh động.

\* Giá trị nội dung:

-Truyện thể hiện được thảm cảnh của nhân dân ta trong nạn đói năm 1945.

- Đặc biệt thể hiện được tấm lòng nhân ái, sức sống kì diệu của con người ngay bên bờ vực thẳm của cái chết vẫn hướng về sự sống và khát khao tổ ấm gia đình

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV lưu ý HS về cách vẽ sơ đồ tư duy.

GV đánh giá kết quả làm việc của nhóm dựa trên rubric.

***Rubric đánh giá kết quả:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Mức đánh giá** | | |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Phần thông tin | HS chỉ nêu một sốđặc điểm về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của truyện *Vợ nhặt* | HS nêu được gần hết cácđặc điểm về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện *Vợ nhặt* | HS nêu được đầy đủcácđặc điểm về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện *Vợ nhặt* |
| Phần hình thức | Sơ đồ của HS chưa có sự thể hiện ý lớn, nhỏ, chưa biết dùng từ  khóa, hình ảnh | Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Vài từ khóa, hình ảnh chưa phù hợp. | Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Từ khóa, hình ảnh phù hợp. |
| HS tự nhận xét được những ưu và nhược điểm của sản phẩm nhóm. | | | |

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP (15p)**

**1. Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, N1, NG1, GT-HT**

**2. Nội dung**: Trả lời câu hỏi để củng cố kiến thức vừa tìm hiểu về truyện ngắn *Vợ nhặt*

* 1. **Sản phẩm:** Phiếu học tập.
  2. **Tổ chức hoạt động học**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV phát phiếu bài tập:

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rủ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?

**Câu 1:** Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?

**Câu 2**: Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?

**Câu 3**:Xác định thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ đó ?

**Câu 4**: Dấu ba chấm (...) trong câu văn Còn mình thì... có ý nghĩa gì?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS làm bài tập trong phiếu bài tập

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV gọi HS trả lời các câu hỏi.

GV nhận xét, hướng dẫn HS trả lời:

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV tổng kết và đánh giá kết quả làm việc của HS dựa vào Đáp án và HD chấm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Phương thức biểu đạt: biểu cảm | **1,0** |
| **2** | Nội dung chính:  Nội dung chính của đoạn văn trên là: diễn tả tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ khi biết con trai (nhân vật Tràng) dẫn người đàn bà xa lạ về | **2,0** |
| **3** | Thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn: dựng vợ gả chồng, ăn nên làm nổi, sinh con đẻ cái. Hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ: chứng tỏ nhà văn thể hiện tài năng vận dụng sáng tạo ngôn ngữ dân gian, dòng tâm tư người kể hoà với dòng suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ. Tác giả hiểu được nỗi lòng, tâm trạng của người mẹ thương con. | **3,0** |
| **4** | Dấu ba chấm (...) trong câu văn Còn mình thì... có ý nghĩa:  -Gợi lời độc thoại nội tâm của nhân vật bà cụ Tứ bị đứt đoạn, khi bà so sánh giữa người ta với còn mình.  -Qua đó, người đọc thấy được tấm lòng của người mẹ già này. Bà thương con nhưng thấy mình chưa làm tròn bổn phận, trách nhiệm của một người mẹ, nhất là trong ngày hạnh phúc của con. Tấm lòng của bà cụ Tứ thật cao cả và thiêng liêng | **4,0** |

**Hoạt động 4. VẬN DỤNG (10p)**

1. **Mục tiêu**: **N1, NG1, NA**
2. **Nội dung**: HS thảo luận, liên hệ tác phẩm với đời sống, giải quyết vấn đề trong đời sống
3. **Sản phẩm**: **Đoạn văn của HS**
4. **Tổ chức hoạt động học**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

GV đặt vấn đề thảo luận:

Từ văn bản, viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ về tình mẫu tử.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS thảo luận cặp đôi nêu ý kiến.

GV quan sát và giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***

GV yêu cầu HS viết lên bảng những suy nghĩ về tình mẫu tử

GV yêu cầu 3 HS trình bày lí do cụ thể cho ý kiến của mình. GV tổ chức cả lớp bàn luận về tình mẫu tử ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV đánh giá trực tiếp câu trả lời của học sinh.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu: Đ5, Đ6, TC- TH**
2. **Nội dung:** HS tổng hợp kiến thức đã học, hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học
3. **Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

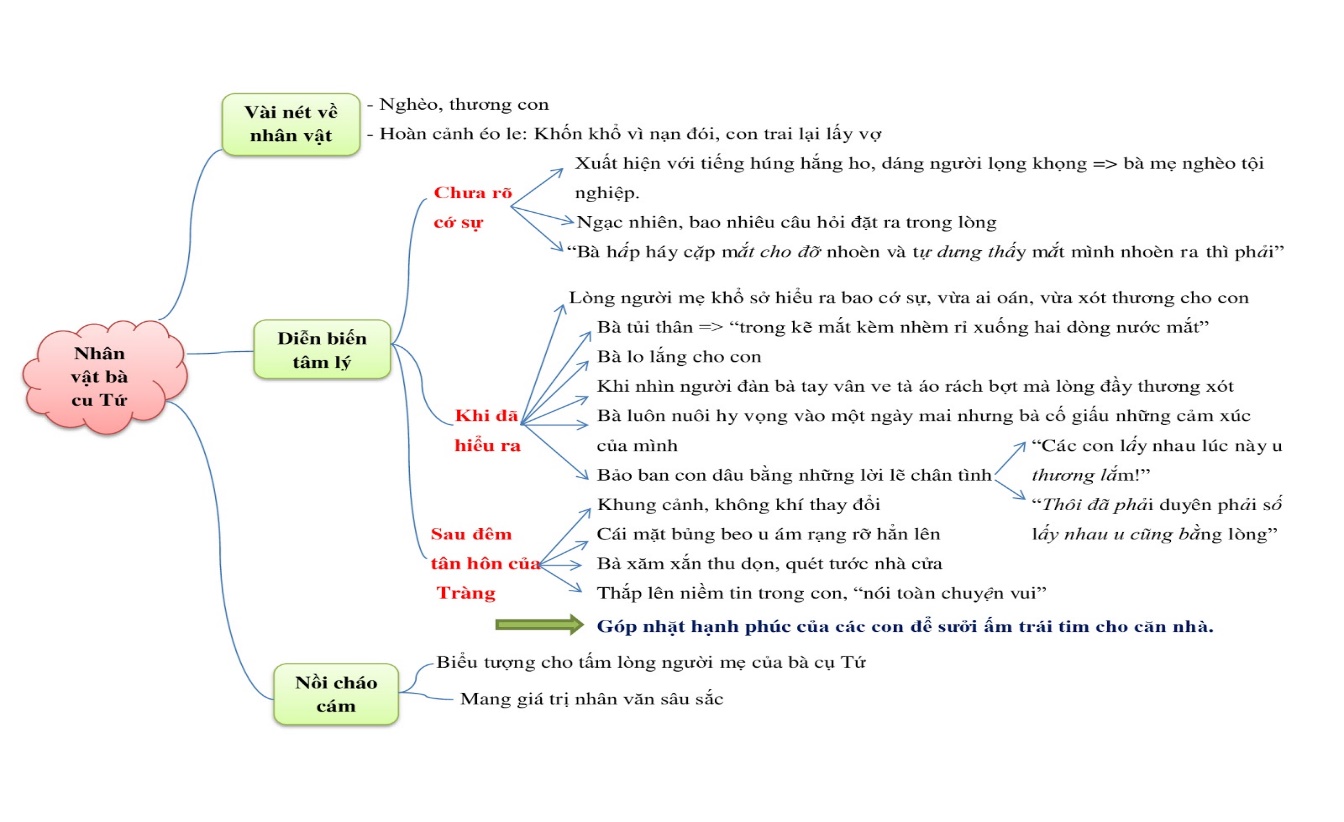
**- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

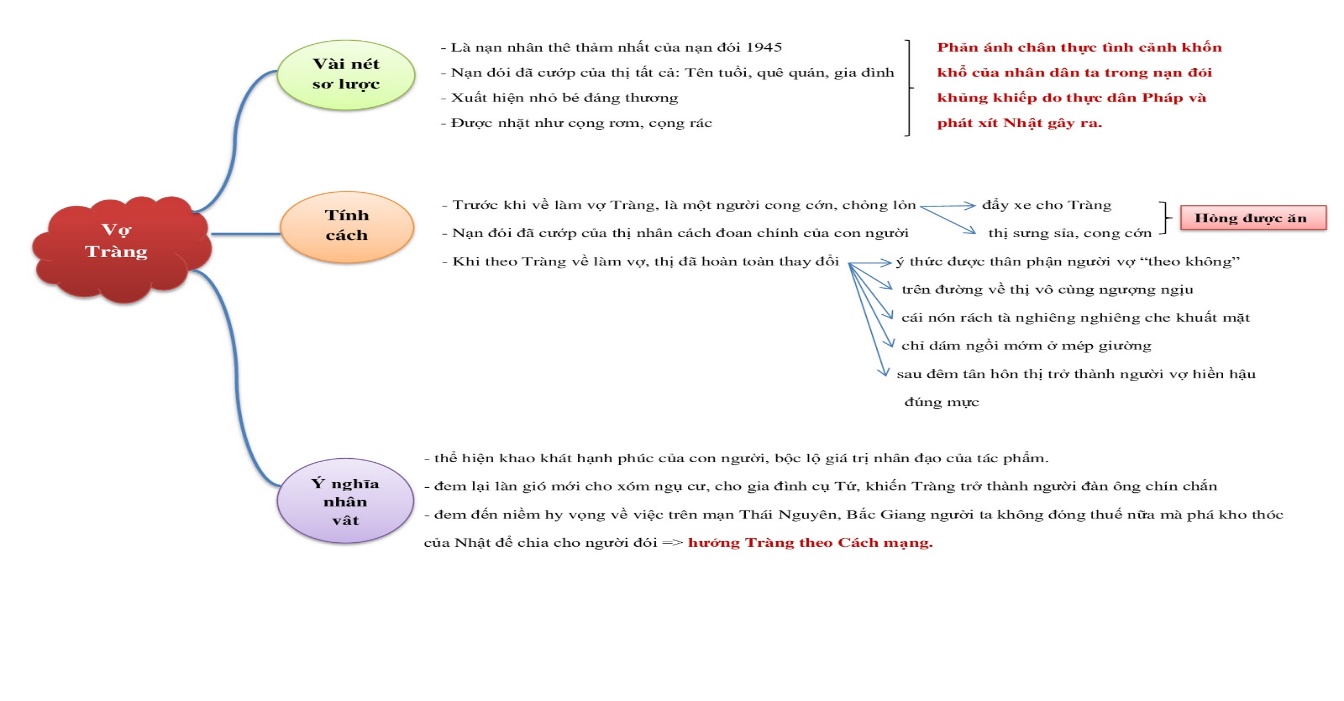
(1) Vẽ bản đồ tư duy bài học

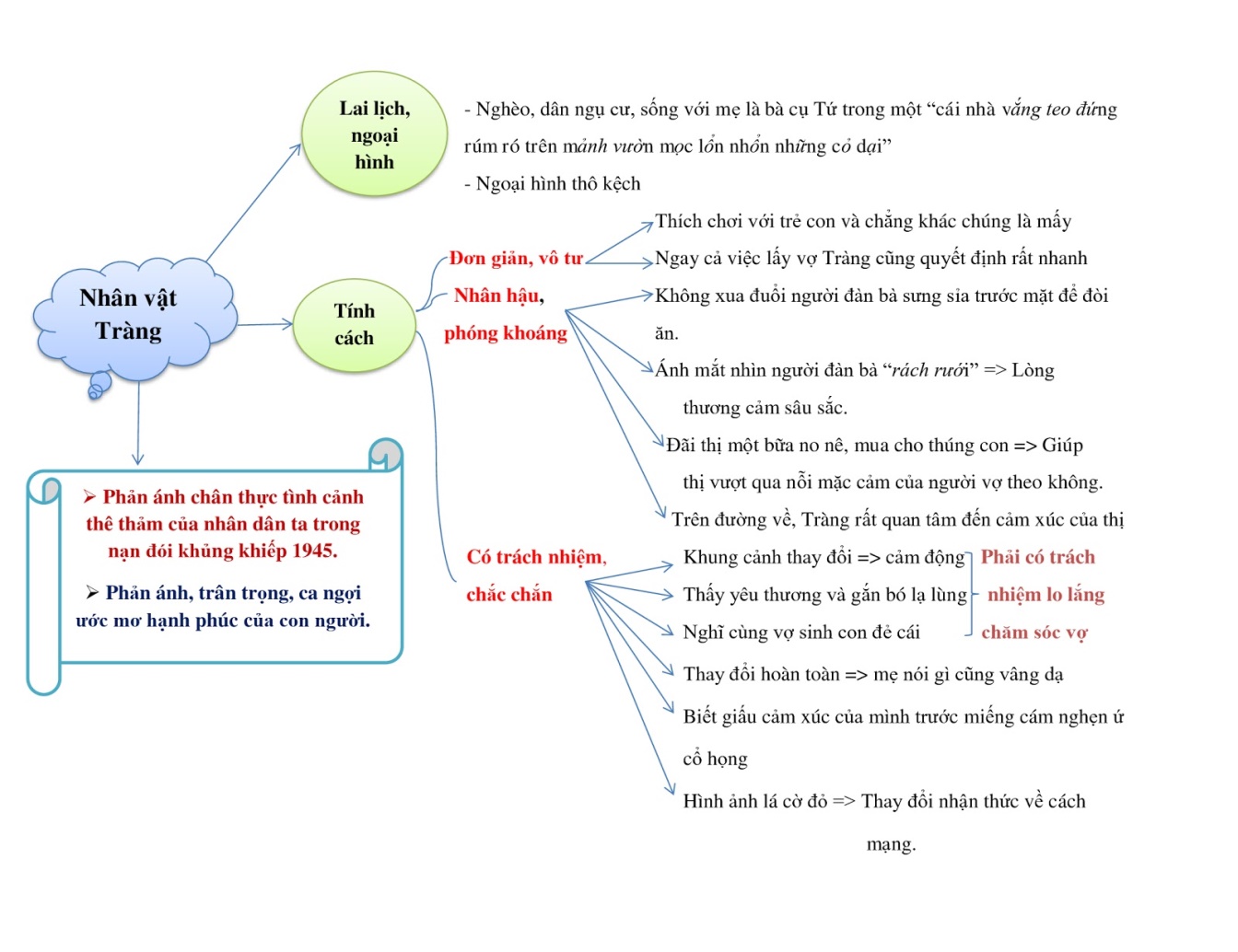
**(2)** Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm “Vợ nhặt”

(3) Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** trong tiết học sau







**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy *:***

**Tiết 56. TT tiết dạy theo KHDH:**

**TÊN BÀI HỌC:**

**THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nhớ lại các kiến thức cơ bản đã học về hàm ý trong chương trình Ngữ văn THCS | **Đ1** |
| **2** | Có năng lực lĩnh hội hàm ý | **Đ2** |
| **3** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **4** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **NG1** |
| **5** | Xây dựng lời nói chứa hàm ý | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **6** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **7** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **8** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm** | | |
| **9** | Tự hào, yêu quý hơn nữa tiếng Việt, quê hương, đất nước. | **YN** |
| **10** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, ; Phiếu học tập,…
3. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu**  (7 phút) | **Đ1** | Huy động vốn kiến thức về hàm ý đã học; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  (30 phút) | **Đ2, N1, NG1, ; TCTH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức trong SGK. | Hoạt động nhóm, Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án |
| Hoạt động **Vận dụng**  (5 phút) | **V1** | Tạo lập đoạn hội thoại có chứa hàm ý | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá qua bài làm về nhà của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**3 phút) | **YN, TC TH** | Mở rộng, tìm tòi thêm ý nghĩa, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp. | Dạy học giải quyết vấn đề | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ1-Kết nối**

(HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học).

**b. Nội dung:** HS ôn lại kiến thức đã học về hàm ý.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức về hàm ý đã được học trong chương trình Ngữ văn 9 với bài học *Nghĩa tường minh và hàm ý:*

? GV yêu cầu HS nhắc lại: Thế nào là nghĩa tường minh? Thế nào là hàm ý? Cho ví dụ?

**- HS làm việc cá nhân khoảng 3 phút.**

**- HS báo cáo kết quả.**

**- GV nhận xét và kết luận:**

* *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.( Nghĩa tường minh còn gọi là hiển ngôn ).

Nghĩa tường minh dễ nhận ra bởi nó thể hiện qua nguyên văn câu nói, người nghe không phải suy luận, ai cũng hiểu như vậy.

* *Hàm ý* là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. ( Nghĩa hàm ý còn gọi là hàm ngôn hoặc hàm ẩn )

? Mục đích của việc sử dụng hàm ý trong câu nói?

* Hàm ý được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau: mời mọc, rủ rê, từ chối, đề nghị kín đáo, hoặc có khi là lời thiếu thiện chí.

? Tạo hàm ý bằng cách nào?

* Cách thức tạo ra hàm ý:
* Cách 1: Cố tình/chủ ý vi phạm phương châm hội thoại:

+ Vi phạm phương châm về lượng: nói thừa hoặc thiếu thông tin yêu cầu

+ Vi phạm phương châm quan hệ: đi lệch đề tài cuộc giao tiếp

+ Vi phạm phương châm cách thức: nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng, rành mạch

* Cách 2: sử dụng các hành động nói gián tiếp (dùng kiểu câu này nhưng hướng đến mục đích của hành động nói ở kiểu câu khác).

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập về hàm ý.

**b. Nội dung:** HS thực hiện các bài tập về hàm ý trong SGK.

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** **Thảo luận nhóm:**  - Nhóm 1: Bài tập 1  - Nhóm 2: Bài tập 2  - Nhóm 3 + 4: Bài tập 3   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận nhóm trong 05 phút. * **Báo cáo sản phẩm:** Các nhóm cử đại diện lên bảng trình bày * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt kiến thức**.**   **Bài tập 4: Làm việc cá nhân.** | **1.Bài tập 1**.  **a-**Nếu căn cứ vào nghĩa tường minh trong lời đáp của A Phủ thì:  (1) Lời đáp thiếu thông tin về số lượng bò bị mất.  (2) Lời đáp thừa thông tin về việc : “lấy súng đi bắt con hổ”.  (3) Cách trả lời của A Phủ có hàm ý công nhận việc để mất bò nhưng muốn lấy công chuộc tội.  b-Như vậy, ***hàm ý là những nội dung ,ý nghĩ mà người nói muốn truyền báo đến người nghe.nhưng không nói trực tiếp qua câu chữ , mà chỉ ngụ ý để người nghe suy ra.*** Trong lời hội thoại trên .A Phủ nói vừa thiếu vừa thừa lượng thông tin cần thiết chủ yếu tạo ra hàm ý.  **2-Bài tập 2.**  a) Câu nói của Bá Kiến với Chí Phèo: *“Tôi không phải là cái kho”* có hàm ý từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo . Cách nói vi phạm phương châm cách thức , không nói rõ ràng rành mạch mà thông qua một biểu tượng : *Cái kho* để bóng gió đến chuyện tiền của.  b) Tại lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá kiến có sử dụng đến những câu hỏi *(* *Chí Phèo đấy hở? ; Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?)* ,nhưng không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích hô gọi, cảnh báo, thúc giục Chí Phèo làm mà ăn chứ không thể luôn đến xin tiền .Đó là dùng hành động gián tiếp, một cách thức tạo hàm ý.  c)Tại hai lượt lời nói đầu tiên của Chí Phèo, hắn đều không nói hết ý (đến đây làm gì ?) , phần hàm ý được tường minh hoá ở lượt lời thứ ba của hắn (Tao muốn làm người lương thiện) , Như vậy cách nói của Chí Phèo ở hai lượt lời đầu vừa không bảo đảm phương châm về lượng , vừa không bảo đảm phương châm về cách thức( Nói không rõ ràng).  **3-Bài tập 3.**  a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ có hình thức của một câu hỏi *(Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?)* nhưng không dùng để hỏi mà thực hiện một hành động khuyên rất thực dụng: khuyên ông đồ viết bằng giấy khổ to.  Qua lượt lời thứ hai của bà đồ còn cho thấy lượt lời thứ nhất của bà ta còn có hàm ý không tin tưởng vào tài vănchương của ông đồ.  b) Bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trên vì còn nể trọng ông đồ , giữ thể diện cho ông, và cũng không muốn chịu trách nhiệm về cái hàm ý của câu nói.  **4-Bài tập 4.**  Qua ba bài tập trên ta thấy rằng: ***Để tạo cách nói có hàm ý, tuỳ thuộc vào ngữ cảnh mà người nói có thể sử dụng một cách thức hoặc phối hợp một vài cách thức khác nhau.*** Như vậy cần chọn phương án D. |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (5 PHÚT)**

**a.Mục tiêu**: **V1**

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao có liên quan đến sử dụng hàm ý.

**b. Nội dung:** Tạo cuộc hội thoại có sử dụng hàm ý.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

? Tạo lập một cuộc hội thoại có sử dụng hàm ý với đề tài tự chọn.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo sản phẩm vào tiết sau hoặc nộp sản phẩm.**

**- GV nhận xét, cho điểm.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG ( 3PHÚT)**

**Mục tiêu**: **V1,TC-TH, YN**

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao có liên quan đến sử dụng hàm ý.

**b. Nội dung:** HS bổ sung thêm kiến thức về bài học sau tiết học.

**c. Sản phẩm:** Tư liệu HS sưu tầm, nghiên cứu mở rộng thêm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

+ Tìm hiểu tác dụng và hiệu quả của cách nói hàm ý trong giao tiếp

+ Xem lại các bài tập và phần lí thuyết.

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo sản phẩm qua thảo luận đầu tiết học sau.**

**- GV nhận xét, đánh giá hoạt động tự học của HS.**

**V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**VI. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 57, 58, 59, 60, 61. KHDH:**

CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP:

**VĂN XUÔI VIỆT NAM THỜI CHỐNG MĨ**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

Kĩ năng phân tích tác phẩm văn xuôi thời chống Mĩ, kĩ năng làm tập làm văn nghị luận về tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

**II. XÂY DỰNG NỘI DUNG CHỦ ĐỀ**

**1. Chủ đề gồm các bài**

Gồm 3 bài xây dựng tích hợp:

- ***Rừng xà nu*** – Nguyễn Trung Thành (2 tiết)

- ***Những đứa con trong gia đình*** – Nguyễn Thi (2 tiết)

***- Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi*** (1 tiết)

***2*. Thời lượng**: 5 tiết

**3. Hình thức**:

- Tổ chức dạy học trong lớp.

- Ở nhà thực hành, nghiên cứu.

**III. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; tóm tắt được tác phẩm; nhận biết đề tài, chi tiết sự việc tiêu biểu, nhân vật... | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết sự việc, các nhân vật; đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật | **Đ2** |
| **3** | Phân tích được một số yếu tố nghệ thuật nổi bật: khuynh hướng sử thi, cảm hướng lãng mạn, nghệ thuật trần thuật,… | **Đ3** |
| **4** | Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm | **Đ4** |
| **5** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi chống Mĩ cứu nước | **Đ5** |
| **6** | Đọc mở rộng các tác phẩm khác của tác giả và các tài liệu liên quan. | **Đ6** |
| **7** | Năm được các bước làm một bài văn nghị luận về tác phẩm/đoạn trích văn xuôi. | **Đ7** |
| **8** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **9** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **NG1** |
| **10** | * Tạo lập được đoạn văn về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm hay nghị luận văn học về tác phẩm. * Biết cách lập dàn ý và viết bài văn nghị luận về tác phẩm/đoạn trích văn xuôi | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **11** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **12** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **13** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Nhân ái; Trách nhiệm** | | |
| **14** | Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp của con người lao động, biết yêu thương đồng cảm với những cảnh ngộ khổ đau trong cuộc sống. | **NA** |
| **15** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh chống lại các thế lực xấu trong xã hội. | **TN** |

1. **XÁC ĐỊNH & MÔ TẢ MỨC ĐỘ YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức độ nhận biết** | **Mức độ thông hiểu** | **Mức độ vận dụng**  **và vận dụng cao** |
| Nêu được các thông tin về tác giả, tác phẩm (HĐ hình thành kiến thức về tác giả) | Hiểu đặc điểm thể loại truyện ngắn. | Tóm tắt được các các văn bản.  Tóm tắt sáng tạo các văn bản. |
| Liệt kê các nhân vật trong truyện. | Chia nhân vật theo nhóm hoặc nêu được hình tượng nhân vật chính. | Tóm tắt truyện theo nhân vật chính hoặc theo kết cấu văn bản.  Phân tích, đánh giá đặc điểm nhân vật theo đặc trưng thể loại |
| Liệt kê được những chi tiết, sự việc tiêu biểu liên quan đến từng nhân vật của mỗi tác phẩm | Lý giải thái độ của các nhà văn khi xây dựng hình tượng nhân vật. | Lí  giải được ý nghĩa của những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong truyện.  Trình bày những quan điểm riêng, phát hiện sáng tạo về văn bản |
| Liệt kê được những chi tiết nghệ thuật liên quan đến giá trị nội dung của truyện. | Lí giải thái độ, quan điểm của nhà văn trong mỗi truyện ngắn  Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của mỗi truyện ngắn | Thấy được hiện thực chiến tranh được khắc hoạ qua hình tượng nghệ thuật  trong mỗi  truyện ngắn  Thấy được vẻ đẹp tương đồng và khác biệt giữa 2 truyện ngắn  Tự đọc và khám phá giá trị của một văn bản  mới cùng thể loại, cùng thời kì  Phân biệt truyện ngắn thời kì chống Mỹ và truyện ngắn các giai đoạn khác |

1. **BIÊN SOẠN CÂU HỎI/BÀI TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức độ nhận biết** | **Mức độ thông hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| Dựa vào tiểu dẫn trong sách giáo khoa và tài liệu tham khảo về Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi, em hãy trình bày những nét chính về 2 tác giả nêu trên? |  | Viết được bài văn nghị luận về tác phẩm văn xuôi 45- 75. |
| Xác định hoàn cảnh ra đời, xuất xứ và vị trí của mỗi tác phẩm? | Xét ở phương diện hoàn cảnh ra đời và vị trí, hai tác phẩm này có điểm gì chung?  Em hiểu thế nào về chủ nghĩa anh hùng Cách mạng? |  |
| Dựa vào bài khái quát văn học 1945-1975, hãy cho biết thế nào là khuynh hướng sử thi trong văn học? Khuynh hướng đó thể hiện trên những phương diện nào? | Vậy chất sử thi thể hiện trên những phương diện nào trong 2 tác phẩm *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong  một gia đình*? |  |
|  | Nắm được các bước nghị luận về tác phẩm/đoạn trích văn xuôi | Viết được bài văn nghị luận về tác phẩm văn xuôi 45- 75. |

**VI. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**VII. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

- Tiết 1: Khởi động chủ đề, giao nhiệm vụ và tìm hiểu chung về hai tác phẩm.

- Tiết 2, 3, 4: Đọc hiểu chi tiết truyện ngắn *Rừng xà nu* và đoạn trích *Những đứa con trong gia đình và* học lí thuyết bài Nghị luận về một tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi.

**-** Tiết 5: Nghị luận về một tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi; Hoạt động Luyện tập, Vận dụng và Mở rộng.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu** (10 phút) | **Đ1** | Xem video về phong trào Đồng Khời; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động **Hình thành** **kiến thức**  (170phút) | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; Đ7, N1, NG1; GT-HT** | A. Tìm hiểu hai văn bản văn xuôi chống Mĩ  I. Tìm hiểu chung  II. Đọc hiểu văn bản   * 1. Tìm hiểu hình tượng cây xà nu   2. Tìm hiểu vẻ đẹp của các nhân vật trong 2 văn bản.  1. Tổng kết   B.Tích hợp bài Nghị luận về một tác phẩm/đoạn trích văn xuôi | Đàm thoại gợi mở  Kĩ thuật sơ đồ tư duy  Kĩ thuật làm việc nhóm | GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  (25 phút) | **Đ3, Đ4, Đ5; TCTH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức và kĩ năng: Lập dàn ý cho 2 đề văn nghị luận về 2 văn bản văn xuôi chống Mĩ | Hoạt động nhóm; Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án và HDC |
| Hoạt động **Vận dụng**  (20 phút) | **Đ5; NA** | Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp các tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**5 phút) | **Đ 6, Đ 5 , V1, TC- TH** | Tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức sau tiết học | Dạy học giải quyết vấn đề | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B.CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (10 phút)**

1. **Mục tiêu**: **Đ1**: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.
2. **Nội dung:**

HS xem đoạn phim ngắn về cuộc kháng chiến chống Mĩ sau phong trào ***Đồng khởi***

và HS trình bày cảm nhận về đoạn video.

**c. Sản phẩm:**

HS phát biểu bằng lời nói cảm nhận chân thực của mình sau khi xem.

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** GV chiếu cho HS xem đoạn phim ngắn về cuộc kháng chiến chống Mĩ sau phong trào ***Đồng khởi***. Học sinh trình bày suy nghĩ về đoạn phim trên.

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem video và bày tỏ suy nghĩ.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS nêu suy nghĩ.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức, vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (170 phút)**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: Đọc - hiểu hai tác phẩm truyện ngắn *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) và *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi)**

**\*Nội dung I: Tìm hiểu chung (20 phút)**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT**

HS hình thành những kiến thức khái quát về 2 tác giả và 2 tác phẩm.

**b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi tập trung vào:**

- Những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi.

- HCST, xuất xứ, tóm tắt được 2 truyện ngắn.

- Vị trí đoạn trích.

1. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Dựa vào tiểu dẫn trong sách giáo khoa và tài liệu tham khảo về Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi, em hãy trình bày những nét chính về 2 tác giả nêu trên?  +Xác định hoàn cảnh ra đời, xuất xứ và vị trí của mỗi tác phẩm?   + Xét ở phương diện hoàn cảnh ra đời và vị trí, hai tác phẩm này có điểm gì chung?  + Tuy cùng viết về cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nhưng mỗi tác phẩm có một cách kết cấu riêng, viết về một vùng đất riêng. Hãy tóm tắt nội dung của từng tác phẩm?   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chuẩn hóa kiến thức. | **A. TÌM HIỂU HAI TÁC PHẨM VĂN XUÔI CHỐNG MĨ**  **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn  Trung Thành (bút danh khác là Nguyên Ngọc) là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên.  - Nguyễn Thi (1928-1958) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng Miền Nam thời kì chống Nỹ-cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo.    **2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm**  **a. Bối cảnh xã hội**  Cuộc kháng chiến chống Mĩ đang vào thời kì ác liệt nhất  **b. Hoàn cảnh cụ thể**  - *Những đứa con trong gia đình* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Thi được sáng tác năm 1966.  - Truyện ngắn *Rừng xà nu*  được viết năm 1965; đăng trên tạp chí văn nghệ quân đội giải phóng Trung Trung bộ(Số 2-1965), sau đó được in trong tập ***Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc***.  **3. Đề tài**  Viết về cuộc đấu tranh chống Mĩ cứu nước  – Đề tài quen thuộc  – Mỗi tác phẩm có những độc đáo riêng  **4.** **Tóm tắt tác phẩm**  **a. *Rừng xà nu***  Bằng kiểu kết cấu truyện lồng truyện và đầu cuối tương ứng, truyện ngắn bắt đầu vào một buổi chiều….  **b. *Những đứa con trong gia đình***  Bằng lối trần thuật độc đáo, Nguyễn Thi đã xây dựng toàn bộ câu chuyện dựa vào tình huống nhân vật Việt bị thương nặng, nằm ở  chiến trường và hồi tưởng về quá khứ.. |

**\*Nội dung II: Những đặc sắc riêng về nội dung và nghệ thuật của từng tác phẩm (đặt trong sự so sánh, đối chiếu) (120 phút)**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT**

**b. Nội dung:**

- Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình tượng rừng xà nu trong tác phẩm *Rừng xà nu.*

- Rút ra những đặc điểm chung của các nhân vật trong hai tác phẩm.

- Những đặc điểm, tính cách riêng của từng nhân vật trong hai tác phẩm và đoạn trích.

**-** Những đặc sắc về nghệ thuật của mỗi tác phẩm.

Hoàn thành phiếu họt tập sau:

**PHIẾU HỌC TẬP: THẢO LUẬN NHÓM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhóm 1 + 2**  ***Rừng xà nu*** | **Nhóm 3+ 4**  ***Những đứa con trong gia đình*** |
| **Nét chung** |  |  |
| **Nét riêng mỗi nhân vật** | **(Tnú – cụ Mết – Mai, Dít)** | **Việt – Chiến** |
| **Nghệ thuật + Ý nghĩa văn bản** |  |  |

1. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| ***Thao tác 1: Tìm hiểu hình tượng cây xà nu***  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Phần đầu truyện ngắn rừng xà nu được miêu tả qua đặc điểm nào? Phân tích ý nghĩa biểu tượng của những đặc điểm đó?  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức. | **1. Hình tượng cây xà nu:**  + Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.  + Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh CM. Vẻ đẹp , những thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu, những đặc tính của xà nu…là hiện thân cho vẻ đẹp, những mất mát, đau thương, sự khát khao tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung. |
| ***Thao tác 2: Tìm hiểu* vẻ đẹp hình tượng các nhân vật văn xuôi chống Mĩ**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Rút ra những đặc điểm chung của các nhân vật trong hai tác phẩm.  + Những đặc điểm, tính cách riêng của từng nhân vật trong hai tác phẩm và đoạn trích.  **+** Những đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của mỗi tác phẩm?  **GV yêu cầu thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1+ 2**: Tìm hiểu nhân vật trong tp Rừng xà nu (Tnú, Mai, Dít, cụ Mết)  **Nhóm 3 + 4:** Tìm hiểu các nhân vật trong đoạn trích NĐCTGĐ (Việt, Chiến)  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận nhóm.  **-Báo cáo sản phẩm:** Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhận xét, phản biện nhóm bạn**.**  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | 1. **Vẻ đẹp hình tượng các nhân vật văn xuôi chống Mĩ** |
| **Các nhóm báo cáo sản phẩm.**  **GV nhận xét , chốt kiến thức.** | **2. Vẻ đẹp hình tượng các nhân vật văn xuôi chống Mĩ**  **a. Nét chung**  – Căm thù giặc sâu sắc  – Gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu giết giặc.  – Giàu tình nghĩa, rất mực thuỷ chung son sắt với quê hương và Cách mạng.  – Biểu hiện rõ nét cho nét đẹp chủ nghĩa anh hùng  **b. Nét riêng:**  b1. Nét riêng về nhân vật:  \* Hình tượng nhân vật Tnú:  + Mưu trí;  + Có tính kỉ luật cao, trung thành với CM;  + Có một trái tim yêu thương và sôi sục căm thù  + Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của Tnú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.  **\* Cụ Mết:**  – Hình dáng bên ngoài tựa như một nhân vật huyền thoại, Quắc thước, râu dài tới ngực và đen bóng, mắt sáng, xếch ngược, ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn.  – Lời nói chắc nịch, dứt khoát, giọng ồ ồ dội vang lồng ngực. Là đại diện của quần chúng, gạch nối giữa Đảng và đồng bào dân tộc.  – Hành động: Cụ mết đã đứng dậy, lưỡi mác dài trong tay… Thằng Dục nằm dưới lưỡi  **\* Việt:** Là một thanh niên mới lớn, rất hồn nhiên, có một tình yêu thương gia đình sâu đậm, một tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, kiên cường. Trong anh có dòng máu của những con người gan góc, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc  **– Chiến:** Là một cô gái mới lớn, biết lo toan, tháo vát. Khao khát tòng quân, giết giặc để trả thù  **b2. Nghệ thuật:**    ***\* Rừng xà nu***  – Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên; ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.  – Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu (cụ Mết; T nú, Dít…)  – Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu – một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc-tạo nên màu sắc sử thi và lãng mạn bay bổng cho thiên truyện.  – Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm,…  ***\*Những đứa con trong gia đình***  – Tình huống truyện: Việt-một chiến sĩ Quân giải phóng-bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liền mạch (lúc tỉnh), khi gián đoạn(lúc ngất) của người trong cuộc làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.  – Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam bộ.  – Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh…  **b3.Ý nghĩa văn bản:**  ***\*Rừng xà nu:***  +Ngợi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người VN nói chung trong cuộc đấu tranh GP dân tộc;  + Khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.  ***\*Những đứa con trong gia đình:***  Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với CM, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước; giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người VN, dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ – cứu nước. |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2:: TÍCH HỢP KIẾN THỨC VĂN NGHỊ LUẬN (30 phút)**

Tên bài: ***Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôiâ.***

**a.Mục tiêu: Đ7, V1**

Nắm được cách làm bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi; áp dụng để lập dàn ý và viết bài văn nghị luận về tác phẩm/đoạn trích văn xuôi.

**b. Nội dung:**

GV hướng dẫn HS khái quát các vấn đề cần lưu ý đối với kiểu bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** GV yêu câu HS thảo luận theo bàn:

+ Nêu các bước tiến hành khi viết một bài văn nghị luận về tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi.

+ Những lưu ý quan trọng khi nghị luận về tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi.

**- Thực hiện nhiệm vụ**: Hs thảo luận các câu hỏi.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. GV gọi đại diện 1 số bàn trả lời.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại
* Trường hợp đề nêu yêu cầu cụ thể, bài làm cần tập trung đáp ứng các yêu cầu đó:

+ Cần đọc kĩ và nhận thức được kía cạnh mà đề yêu cầu.

+ Tìm và phân tích những chi tiết phù hợp với khía cạnh mà đề yâu cầu

* Trường hợp đề để tự chọn nội dung viết:

+ Cần phải khảo sát và nhận xét toàn truyện. Sau đó chọn ra 2, 3 điểm nổi bật nhất, sắp xếp theo thứ tự hợp lí để trình bày.

+ Các phần khác nói lướt qua. Như thế bài làm sẽ nổi bật trọng tâm, không lan man, vụn vặt.

* Các bước làm bài :

Bước 1: Phân tích đề – xác định các yêu cầu của đề :

– Xác định dạng đề;

– Yêu cầu nội dung (đối tượng);

– Yêu cầu vê phương pháp;

– Yêu cầu phạm vi tư liệu, dẫn chứng.

Học sinh cần đọc kĩ tác phẩm/đoạn trích; xác định được yêu cầu của đề; triển khai luận điểm, luận cứ phù hợp; biết vận dụng các thao tác nghị luận để viết bài văn.

b) Bước 2: Lập dàn ý – tìm ý, sắp xếp ý: Theo bố cục ba phần

– Mở bài:

* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi cần nghị luận.
* Giới thiệu vấn đề nghị luận

– Thân bài: Phân tích những giá trị nội dung, nghệ thuật tác phẩm/đoạn trích để làm rõ vấn đề cần nghị luận hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của  tác phẩm/đoạn trích.

– Kết bài: Đánh giá chung về tác phẩm/ đoạn trích.

c) Bước 3: Viết bài.

Dựa theo dàn bài đã xây dựng, viết thành bài văn hoàn chỉnh.

Chú ý viết đoạn văn phải thể hiện được nổi bật luận điểm và chứng minh bằng những luận cứ rõ ràng. Các đoạn phải có liên kết, chuyển tiếp nhau.

d) Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa.

* **Lưu ý:**
* **Nếu nghị luận về một đoạn trích trong một tác phẩm:**

+ Phải phân biệt được nghị luận về một đoạn trích và nghị luận về một tác phẩm. Nghĩa là tránh việc đề cập tới tất cả các nội dung của tác phẩm còn nội dung của đoạn trích lại sơ lược.

+ Tập trung vào đoạn trích nhưng phải biết vận dụng kiến thức của toàn tác phẩm như nội dung tư tưởng, cách kể chuyện, cách sử dụng chi tiết, cách xây dựng nhân vật, các biện pháp tu từ. Nhất thiết phải đặt đoạn văn trong chỉnh thể của tác phẩm mới có cách đánh giá chính xác.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH (25 phút)**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, NG1, GT-HT**

**b. Nội dung:** Tích hợp kiến thức đọc – hiểu văn bản và kĩ năng nghị luận về tác phẩm/đoạn trích văn xuôi, HS lập dàn ý cho đề văn nghị luận về đoạn trích/tác phẩm văn xuôi.

**c. Sản phẩm:**Phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động nhóm:**

**+ Nhóm 1+ 2:**

**Đề 01:** Phân tích vẻ đẹp hình tượng một nhân vật trong một tác phẩm văn xuôi chống Mỹ đã để lại cho anh/chị ấn tượng sâu sắc.

**+ Nhóm 3+ 4:**

**Đề 02:** *“Văn xuôi những năm kháng chiến chống Mỹ xứng đáng là bản anh hùng ca ca ngợi những con người miền Nam anh hùng, kiên cường, bất khuất, căm thù giặc cháy bỏng, yêu thương quê hương đất nước tha thiết, thủy chung, nghĩa tình son sắt với cách mạng, với kháng chiến”.*

Qua việc phân tích các tác phẩm tiêu biểu đã học trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên ?

**GV yêu cầu các nhóm hoàn thành Phiếu học tập**:

1. Đề bài yêu cầu bàn luận về vấn đề gì?
2. Lập dàn ý cho đề bài:

*Mở bài*: Giơi thiệu tác giả, tác phẩm

*Thân bài*: Đảm bảo những nội dung nào? Các ý đó được sắp xếp theo trình tự như thế nào?

*Kết bài*: Đánh giá về vấn đề nghị luận.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: HS sau 5 phút thảo luận, thống nhất lại nội dung đã chuẩn bị thì cử người lên thuyết trình.
* **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.

Nhóm 1 thuyết trình, nhóm 2 nhận xét, bổ sung.

Nhóm 3 thuyết trình, nhóm 4 nhận xét, bổ sung.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại

**Gợi ý**

**Đề 01: Cảm nhận hình tượng Tnú trong truyện ngắn “Rừng xà nu“ (Nguyễn Trung Thành)**

**A.Mở bài :**

Giới thiệu Nguyễn Trung Thành và truyện ngắn Rừng xà nu.

**B.Thân bài :**

Phân tích hình tượng nhân vật Tnú.

– Tnú là nhân vật chính của truyện ngắn Rừng xà nu. Đó là một đứa trẻ cha mẹ mất sớm, Tnú gắn bó với dân làng và có những phẩm chất của dân làng. Tnú được cụ Mết nhận xét : “Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta’’.

– Tnú là người con gan góc, táo bạo của núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ.

+ Học chữ thua Mai, Tnú đập vỡ bảng, bỏ ra ngoài suối ngồi suốt ngày, sau đó, lấy một hòn đá “tự đập vào đầu, máu chảy ròng ròng’’ để sáng hôm sau lại ngượng ngùng gọi Mai ra phía sau hốc đá hỏi xem “chữ o có móc là chữ chi’’.

+ Nhưng “đi đường núi thì đầu nó sáng lạ lùng’’. Khi làm liên lạc, Tnú không đi đường mòn. Qua sông, khôn lội chỗ nước êm, mà “cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cưỡi lên thác băng băng như một con cá kình’’.

+ Khi bị giặc bắt và tra tấn, Tnú không hé răng một lời dù bị địch tra tấn dã man.

+ Khi bị địch đốt cháy mười ngón tay, Tnú nghiến răng chịu đựng chứ quyết “không thèm kêu van’’.

– Đây cũng là một con người có mối thù chồng chất với quân giặc. Chúng không chỉ giết hại dân làng mà còn giết hại vợ con anh và khiến hai bàn tay anh “mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt’’.

– Tnú còn là một chàng trai dũng cảm và trung thành với cách mạng.

+ Những ngày ấy, làng Xô Man bị kẻ thù khủng bố điên cuồng “không bữa nào nó không đi lùng, không đêm nào chó của nó và súng của nó không sủa vang cả rừng’’. Anh Xút bị giặc treo cổ lên cây vả đầu làng ; bà Nhan bị chặt đầu cột tóc treo đầu súng vì đã vào rừng nuôi cán bộ. Sau cùng đến lũ trẻ thay người già làm việc này. Tnú và Mai là hai đứa trẻ hăng hái nhất. Có đêm, chúng ngủ luôn ở ngoài rừng, vì đề phòng giặc lùng phải có người “dẫn cán bộ chạy’’.

+ Lòng trung thành với cách mạng của Tnú đã được bộc lộ qua nhiều thử thách. Khi bị giặc bắt, giải về làng, tra hỏi chỗ ở của cộng sản, Tnú đặt tay lên bụng mình và nói : “ở đây này’’. Lưng Tnú ngang dọc biết bao vết dao chém của bọn lính.

+ Khi chứng kiến cảnh vợ con bị giặc tra tấn dã man bằng gậy sắt, mặc dù tay không, Tnú dũng cảm nhảy vào giữa lũ giặc đang điên cuồng. Nhưng anh không cứu được vợ con, bản thân bị giặc bắt và đốt hai bàn tay bằng giẻ tẩm dầu xà nu.

+ Khi được dân làng cứu thoát, dù hai bàn tay đã cụt đốt, Tnú gia nhập giải phóng quân như một tất yếu… Phẩm chất anh hùng của Tnú là ở chỗ biết vượt lên mọi đau đớn và bi kịch cá nhân : gia nhập bộ đội, chiến đấu dũng cảm, giết giặc để trả thù cho quê hương và gia đình.

– Căm thù mãnh liệt, Tnú cũng la người biết yêu thương sâu sắc. Ba năm đi bộ đội, Tnú da diết cảnh và người của buôn làng quê hương.

**C. Kết luận**

– Số phận và tính cách của nhân vật Tnú tiêu biểu cho dân làng Xô Man và con người Tây Nguyên.

– Nhân vật Tnú góp phần tô đậm chủ đề và làm nên màu sắc sử thu của truyện ngắn “Rừng xà nu’’.

* **Đề 02:** Học sinh có thể lấy dẫn chứng từ 2 tác phẩm tiêu biểu “Rừng xà nu” – Nguyễn Trung Thành và “Những đứa con trong gia đình” – Nguyễn Thi.

**1: Giải thích ý kiến:**

Đang tải...

+ Ý kiến trên đề cập đến chủ nghĩa anh hùng cách mạng – nguồn cảm hứng chủ đạo trong văn học Việt Nam, đặc biệt là văn học giai đoạn 1945 – 1975 mà biểu hiện cụ thể là ca ngợi phẩm chất của *những con người miền Nam anh hùng, kiên cường, bất khuất, căm thù giặc cháy bỏng, yêu thương quê hương đất nước tha thiết, thủy chung, nghĩa tình son sắt với cách mạng, với kháng chiến.*

+ Cả hai tác giả Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đều gắn bó với cuộc chiến đấu chống Mỹ, là những nhà văn chiến sĩ ở tuyến đầu máu lửa. Tác phẩm của họ mang hơi thở nóng hổi của cuộc chiến đấu với những hình tượng nhân vật sinh động, bước vào văn học từ thực tế chiến đấu.

+ Hai truyện ngắn “Rừng xà nu” (1965), “Những đứa con trong gia đình” (1966) đều ra đời trong giai đoạn ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khi đế quốc Mỹ đem quân vào miền Nam nước ta, dân tộc ta đứng trước trận chiến một mất một còn để bảo vệ độc lập tự do, bảo vệ quyền sống. Ra đời trong bối cảnh đó, hai tác phẩm ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với chất sử thi đậm đà.

**2: Chứng minh ý kiến:**

* Những con người miền Nam chịu đựng nhiều đau thương, mất mát – nỗi đau tiêu biểu cho đau thương của cả dân tộc. Ở họ, có *tình yêu quê hương đất nước và lòng căm thù giặc sâu sắc*.
* Dẫn chứng:

+Tnú phải chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn đến chết, bản thân anh bị giặc đốt mười đầu ngón tay.

Đang tải...

+Việt và Chiến chứng kiến cái chết của ba má: ba bị chặt đầu, má chết vì đạn giặc.

* Những đau thương đó hun đúc *tinh thần chiến đấu, lòng căm thù giặc sâu sắc* của con người Việt Nam. Biến đau thương thành sức mạnh chiến đấu cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng:

+ Tnú lên đường đi “lực lượng” dù mỗi ngón tay mất đi một đốt.

+ Việt và Chiến cùng vào bộ đội, coi việc đánh giặc trả nợ nước, thù nhà là lẽ sống.

* Họ chiến đấu bởi sức mạnh của lòng căm thù giặc, cũng là bởi sức mạnh của tình yêu thương, vì: chỉ có cầm vũ khí đứng lên, ta mới có thể bảo vệ được những gì thiêng liêng nhất, bảo vệ tình yêu và sự sống. Chân lí đó đã được minh chứng qua số phận và con người cách mạng của những người dân Nam Bộ trong hai tác phẩm trên, chân lí đó cũng được rút ra từ thực tế đau thương mất mát nên nó càng có giá trị, càng khắc sâu vào lòng người.
* *Những con người miền Nam anh hùng, kiên cường, bất khuất, thủy chung, nghĩa tình son sắt với cách mạng, với kháng chiến***:**
* Nhân vật Tnú:

+ Từ nhỏ đã gan dạ, đi liên lạc bị giặc bắt được, tra tấn dã man vẫn quyết không chịu khai.

+ Anh vượt ngục trở về, lại là người lãnh đạo thanh niên làng Xô Man chống giặc, bị đốt mười đầu ngón tay vẫn không kêu rên trước mặt kẻ thù.

* Ở Tnú toát lên vẻ đẹp của người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên và vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời đại chống Mĩ.
* Nhân vật Việt: bị thương trong trận đánh lại lạc mất đơn vị, vẫn chắc tay súng quyết tâm tiêu diệt kẻ thù. Đối với chị Chiến, Việt ngây thơ, nhỏ bé, còn trước kẻ thù, Việt vụt lớn lên, chững chạc trong tư thế người anh hùng.
* Nhân vật Chiến: cùng em bắn cháy tàu địch trên sông Định Thủy; quyết tâm lên đường trả thù cho gia đình với lời nói như dao chém đá “Tao đã thưa với chú Năm rồi, đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất, vậy à”.
* Các nhân vật khác:

+ Cụ Mết: luôn tự hào về buôn làng, về người Strá; luôn dặn dò con cháu giữ gìn niềm tin sắt đá “Cán bộ là Đảng, Đảng còn núi nước mình còn” và quyết tâm chống lại kẻ thù “Chúng nó cầm súng mình phải cầm giáo”.

+ Mai: một cô gái gan dạ, dũng cảm, sẵn sàng đi nuôi cán bộ, thà chết chứ không chịu khai ra chồng ở đâu.

+ Dít: trước súng đạn kẻ thù, đôi mắt nó vẫn bình thản lạ lùng.

+ Ba má Việt và chú Năm: đều nhiệt tình tham gia cách mạng. Đặc biệt, chú Năm là người lưu giữ truyền thống gia đình, là khúc thượng nguồn trong dòng sông lịch sử gia đình.

+Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng trong “Rừng xà nu”; ba, má, chú Năm trong “Những đứa con trong gia đình” đều là những con người yêu quê hương đất nước, gắn bó với buôn làng, với gia đình, với người thân yêu. Tình yêu Tổ Quốc của họ bắt đầu từ những tình cảm bình dị đó, cho nên nó càng bền bỉ, càng có sức mạnh lớn lao khiến kẻ thù phải run sợ.

* ***TÓM LẠI:*** Các nhân vật của hai truyện ngắn đều đã vượt lên nỗi đau và bi kịch cá nhân để sống có ích cho đất nước. Những đau thương của họ cũng chính là đau thương của dân tộc trong những năm tháng chiến tranh. *Tinh thần quả cảm, kiên cường của họ cũng chính là tinh thần của cả dân tộc Việt Nam, là biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.*

**3: ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

* Với nghệ thuật miêu tả và khắc họa nhân vật tài tình, các tác giả đã dựng nên những chân dung anh hùng rất sinh động; đồng thời tái hiện lại không khí và tinh thần của dân tộc trong thời đại chống Mỹ cứu nước.
* Qua đó chúng ta cảm nhận được tấm lòng yêu nước của các nhà văn. Họ đã khơi dậy trong mỗi con người Việt Nam lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm với vận mệnh non sông.

Lưu ý : Học sinh có thể lấy dẫn chứng từ các tác phẩm cùng thời.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu: N1, NG1, NA**

**b. Nội dung:** HS liênhệ tác phẩm với cuộc sống ngày nay.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng lời nói theo phương thức nghị luận:

**\*Về tác phẩm *Rừng xà nu*:**

* *Rừng xà nu* nêu cao bài học về tinh thần yêu nước, ý thức về cộng đồng dân tộc. Đây là phẩm chất cần có ở mỗi người ở mọi thời đại.
* *Rừng xà nu* là bài học về ý chí, nghị lực sống, vượt qua đau thương để tiếp tục sống có ích như Tnú.
* *Rừng xà nu* là bài học về cách sống có lí tưởng, trung thành với lí tưởng và theo đuổi thực hiện hoài bão, lí tưởng tới cùng.
* *Rừng xà nu* là bài học về cách ứng xử trong các quan hệt thân thuộc gia đình.
* *Rừng xà nu* là bài học về ý thức trân trọng và bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương xứ sở, chống lại hành động hủy diệt môi trường sống.

***\**Về tác phẩm *Những đứa con trong gia đình:*** sức mạnh tinh thần kì diệu của Việt Nam trong thời chống Mỹ, ý nghĩa của tình cảm gia đình trong cuộc sống mỗi người

**d.Tổ chức thực hiện:**

* **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** GV nêu vấn đề:

1.Các tác phẩm chống Mỹ miêu tả quá khứ đã lùi xa hơn 40 năm. Hiện tại chiến tranh đã kết thúc, nhưng 2 tác phẩm vẫn đặt ra những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay. Anh/chị hãy bày tỏ những bài học rút ra qua 2 truyện ngắn.

2. Viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh/chị về chủ đề:

* *Hạnh phúc là đấu tranh.*
* *Ý nghĩa của tình cảm gia đình đối với mỗi người.*

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận trong bàn/theo cặp.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại **.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu: Đ5, Đ6, TC - TH**
2. **Nội dung:** HS bổ sung thêm kiến thức sau tiết học qua một số hoạt động tìm tòi.
3. **Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Dàn ý một số đề văn nghị luận.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

(1) Vẽ bản đồ tư duy bài học

(2) Tìm thêm những tác phẩm văn xuôi viết về đề tài cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước để so sánh làm rõ biểu hiện vẻ đẹp chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

(3) Lập dàn ý các đề bài nghị luận văn học về hai tác phẩm văn xuôi chống Mỹ.

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** trong tiết học sau.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN**

**TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

**Tiết 62 - 63. TT tiêt dạy theo KHDH:**

**TÊN BÀI DẠY:**

**CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

**(Nguyễn Minh Châu)**

*(Thực hiện:02 tiết)*

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; tóm tắt được tác phẩm; nhận biết đề tài, chi tiết sự việc tiêu biểu, nhân vật... | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết sự việc, các nhân vật; đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật | **Đ2** |
| **3** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ trần thuật… | **Đ3** |
| **4** | Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm | **Đ4** |
| **5** | Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm | **Đ5** |
| **6** | Đọc mở rộng các tác phẩm khác của tác giả và các tài liệu liên quan. | **Đ6** |
| **7** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **8** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **NG1** |
| **9** | Tạo lập được đoạn văn về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm hay nghị luận văn học về tác phẩm. | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **10** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **11** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Nhân ái; Trách nhiệm** | | |
| **13** | Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp của con người lao động, biết yêu thương đồng cảm với những cảnh ngộ khổ đau trong cuộc sống. | **NA** |
| **14** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh chống lại các thế lực xấu trong xã hội. | **TN** |

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
   * 1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
     2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…
2. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu** (10 phút) | **Kết nối -Đ1** | Huy động vốn kiến thức đã học trong bài *Khái quát văn học VN từ 1945 đến hết thế kỉ XX*; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Trò chơi, Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động **Hình thành** **kiến thức**  (50 phút) | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT** | I. Tìm hiểu chung  II. Đọc hiểu văn bản  1. Hai phát hiện của nhiếp ảnh Phùng  2. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài tại tòa án  3. Câu chuyện về tấm ảnh được chọn vào bộ III. Tổng kết | Đàm thoại gợi mở  Kĩ thuật sơ đồ tư duy  Kĩ thuật làm việc nhóm | GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  (15 phút) | **Đ3, Đ4, Đ5; TCTH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức và kĩ năng. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án và HDC |
| Hoạt động **Vận dụng**  (10 phút) | **Đ5; NA** | Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**5 phút) | **Đ 6, Đ 5 , V1, TC- TH** | Thiết kế dự án:  -Nhóm phóng viên: thiết kế clip giới thiệu Nguyễn Minh Châu cùng những tác phẩm của ông, trong đó có *Chiếc thuyền ngoài xa.*   * Nhóm vẽ tranh: Hình dung và vẽ các cảnh tượng đặc sắc trong truyện. * Nhóm đóng kịch: đóng hoạt cảnh đặc sắc trong truyện | Phương pháp dự án; Dạy học hợp tác Thuyết trình; Kĩ thuật Phòng tranh,; sân khấu hóa tác phẩm; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (10 phút)**

1. **Mục tiêu**: **Đ1 –Kết nối**
2. **Nội dung:**

Nhắc lại những chuyển biến của văn học Việt Nam từ sau 1975 và kể tên một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn này, từ đó tạo tâm thế, hứng thú đọc hiểu tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa.*

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời miệng của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

*? Nhắc lại những chuyển biến của văn học Việt Nam từ sau 1975, đặc biệt là từ 1986 trở đi?Tại sao văn học giai đoạn này phải đổi mới?*

*? Nêu tên một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn này? Đánh giá điểm chung cuả các tác phẩm đó?*

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, có thể trao đổi trong bàn khoảng 3 phút..

**- Báo cáo sản phẩm:** HS phát biểu.

**- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức, vào bài mới.

Văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX phải đổi mới. vì công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản lãnh đạo và đã từng bước chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường, văn hóa nước ta cũng có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với văn hóa nhiều nước trên thế giới. Văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông khác phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của văn học. Đất nước bước vào công cuộc đổi mới thúc đẩy nền văn học cũng phải đổi mới phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

*Biểu hiện:* Văn học trong giai đoạn này bộc lộ tiếng lòng và những trắc ẩn đối với con người; nó nở rộ những trường ca với mục đích tổng kết, khái quát về chiến tranh; chất nhân dân, nhân văn được đề cao hơn, đi sâu vào những nỗi đau và bất hạnh của từng thân phận con người sau chiến tranh; đối mới cách nhìn nhận về con người, khám phá ra trong con người những mối quan hệ đa dạng, phức tạp chứ không đơn điệu như trước đây.

* *Một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn này:*  (Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Chế Lan Viên, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Minh Châu,…)
* **GV dẫn vào bài:**

Văn học từ 1986 trở đi đặc biệt quan tâm đến số phận con người cá nhân, đặt con người cá nhân trong các mối quan hệ phức tạp của c/s đời thường. Nguyễn Minh Châu là một trong những nhà văn mở đường cho xu hướng văn học này với các truyện ngắn nổi tiếng: Bến quê (1985), Chiếc thuyền ngoài xa (1986),…

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (50 phút)**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: Đ1: Giúp HS hình thành những kiến thức khái quát về tác giả Nguyễn Minh Châu và truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa.*

**b. Nội dung: Trả lời câu hỏi tập trung vào các nội dung:**

* Những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Minh Châu.

- HCST, xuất xứ, tóm tắt được truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa.*

**c**.**Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Sản phẩm*** |
| **\*Tìm hiểu mục 1. Tác giả Kim Lân**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Nguyễn Minh Châu.   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide.   \***Tìm hiểu mục 2: Tác phẩm**  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đàm thoại: HS nêu xuất xứ, HCST của truyện ngắn;  + GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản.  + HS tóm tắt và nêu bố cục của truyện.  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.** | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Minh Châu (1930-1989): trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh.  -Thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng(Nguyên Ngọc)của VHVN thời kì đổi mới.  **2. Tác phẩm**  - *Chiếc thuyền ngoài xa* tiêu biểu cho xu hướng chung của VHVN thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.  - Tóm tắt tác phẩm  - Bố cục  Truyện chia làm 3 đoạn:  + Đoạn 1: (Từ đầu đến “chiếc thuyền lới vó đã biến mất"). Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.  + Đoạn 2: (Từ “Ngay lúc ấy … với sóng gió giữa phá”): Câu chuyện của người đàn bà làng chài.  + Đoạn 3: Còn lại: Tấm ảnh trong bộ lịch năm ấy. |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, N1, NG1, TC-TH, GT-HT**

**b**. **Nội dung: HS hoàn thiện phiếu HT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Phát hiện 1: Chiếc thuyền ở xa**  **(Nhóm 1 + 2)** | **Phát hiện 2: Chiếc thuyền vào bờ**  **(Nhóm 3 + 4)** |
| Cảnh vật |  |  |
| Thái độ, cảm xúc, nhận thức của Phùng |  |  |
| Hành động |  |  |
| Bài học rút ra |  |  |

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Thao tác 1: Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh**  **- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Hoạt động nhóm (4 nhóm):  **Giáo viên giao nhiệm vụ:**  **+Nhóm 1,2:** Tìm hiểu về phát hiện thứ nhất của Phùng.  **+Nhóm 3,4**: Tìm hiểu về phát hiện thứ hai của Phùng.  GV phát Phiếu học tập cho các nhóm:   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo theo nhóm trong thời gian 5 phút.. * **Báo cáo sản phẩm:** Các nhóm cử đại diện nhóm báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | | **1. Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:**  **a. Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng của người nghệ sĩ nhiếp ảnh**  *- "Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu .... tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn".*  - Đôi mắt tinh tường, "nhà nghề” của người nghệ sĩ đã phát hiện vẻ đẹp “trời cho” trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy anh chỉ gặp một lần. Người nghệ sĩ cảm thấy hạnh phúc - đó là niềm hạnh phúc của khám phá và sáng tạo, của sự cảm nhận cái đẹp tuyệt diệu . Trong hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa giữa biển trời mờ sương, anh đã cảm nhận cái đẹp toàn bích, hài hoà, lãng mạn của cuộc đời, thấy tâm hồn mình được thanh lọc.  **b. Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí của người nghệ sĩ nhiếp ảnh**  - Người nghệ sĩ đã tận mắt chứng kiến: từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu; một lão đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải toả những uất ức, khổ đau... Đây là hình ảnh đằng sau cái đẹp “toàn bích, toàn thiện” mà anh vừa bắt gặp trên biển. Nó hiện ra bất ngờ, trớ trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống.  - Chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo, Phùng đã “kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu .... vứt chiếc máy ảnh xuống đất, chạy nhào tới”. Hành động đó nói lên nhiều điều.  **c. Ý nghĩa:**  - Phùng đã cay đắng nhận ra những ngang trái, xấu xa trong gia đình kia đã làm cho những điều huyền diệu mà anh đã phát hiện hiện hình ra thật khủng khiếp, ghê sợ.  - Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều, không phải bao giờ cũng đẹp, cũng là nghệ thuật, mà chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn giữa cái đẹp - xấu, thiện – ác.  - Người nghệ sĩ phải tìm hiểu cuộc đời trong mối quan hệ đa chiều. |
| **Thao tác 2: Câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện** | | |
| **\*Tìm hiểu câu chuyện của người đàn bà:**   * **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**   + Tại sao người đàn bà không nghe theo lời đề nghị bỏ chồng của chánh án Đẩu?  +Qua giãi bày của người đàn bà, ta nhận thấy người đàn bà hàng chài là một người như thế nào? / Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của người đàn bà hàng chài?  + Nhân xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật người đàn bà hàng chài?  + Tích hợp kiến thức GDCD: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 có định nghĩa *Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.* Em có suy nghĩ gì về hậu quả, nguyên nhân của hành vi bạo lực gia đình qua lời kể của người đàn bà hàng chài tại toà án huyện?   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.   - | 1. **Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện:**   **a. Câu chuyện của người đàn bà**  - **Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ…**      +Theo lời mời của Đẩu, chánh án toà án huyện, người đàn bà hàng chài đã có mặt ở toà án huyện. Trước lời đề nghị và giúp đỡ của Đẩu và Phùng, người đàn bà dứt khoát từ chối.      +Tại toà án, chị kể về cuộc đời mình và gián tiếp giải thích lí do vì sao chị nhất quyết không thể bỏ lão chồng vũ phu      +Nếu ban đầu mới đến toà, chị sợ sệt, lúng túng, một lạy quý toà, hai lạy quý toà thì sau khi nghe lời khuyên của Đẩu, chị trở nên mạnh dạn, chủ động.  **- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài *(một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha);* về người chồng của chị (*bất kể lúc nào thấy khổ quá* là lôi vợ ra đánh); chánh án Đẩu *(có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều)* và về chính mình *(sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ).***      +Trước khi nghe câu chuyện của người đàn bà, thái độ của anh rất cương quyết.      +Nhưng khi nghe xong câu chuyện “một cái gì đó vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ”.      +Cũng như Đẩu, nghệ sĩ Phùng im lặng sau câu chuyện của người đàn bà. Phùng nhận thấy mình đã đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người; anh chỉ nhìn người một cách phiến diện, nông nổi ngây thơ .    *\* Thông điệp nghệ thuật:*  Đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.  **- Nhận xét về nghệ thuật thể hiện câu chuyện người đàn bà hàng chài:**  **+**Nguyễn Minh Châu đã xây dựng được tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện đời sống.       +Ngôn ngữ người kể chuyện: Thể hiện qua nhân vật Phùng, sự hóa thân của tác giả. Chọn người kể chuyện như thế đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống, lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục.       + Ngôn ngữ nhân vật: Phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.  **b. Vẻ đẹp của người đàn bà hàng**  *-Nhân vật người đàn bà hàng chài*  Người đàn bà  Vẻ bề ngoài Phẩm chất bên trong  Xấu xí Vị tha, giàu đức hi sinh  Lam lũ, rách rưới Chắt chiu hạnh phúc  Cam chịu Sâu sắc trải đời  đáng thương  \* Ngoại hình: có vẻ ngoài xấu xí, thô kệch và mệt mỏi:  \* Số phận, cuộc đời:  + Số phận kém may mắn:  + Cuộc đời lam lũ, vất vả..gia đình đông con và nghèo khổ *suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái ăn toàn cây xương rồng luộc chấm muối*, có khi bị chồng đánh thô bạo *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.*  *+* Nỗi đau lớn trong tâm hồn: Nhận biết hoàn cảnh gia đình mình nếu tiếp tục con chị sẽ phạm tội, gia đình tan nát.  \* Tính cách:  - *Một người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục*.  - *Giàu lòng tự trọng.*  - *Sống rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, hiểu chồng, thương con vô bờ bến, một người phụ nữ vị tha, giàu đức hy sinh.*  → Cuộc đời, con người đầy những nghịch lí, không xuôi chiều.  *→ Cần phải nhìn nhận con người trong từng hoàn cảnh cụ thể*. | |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu về tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”** | | |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  HS đọc lại đoạn văn cuối cùng của truyện.  (?) *Tại sao trong bức ảnh được chọn, dù là tấm ảnh đen trắng nhưng khi nhìn vào, Phùng lại thấy “màu hồng hồng của ánh sương mai” và hình ảnh “người đàn bà” hòa lẫn vào đám đông? Phải chăng đây là một kết thúc có dụng ý của nhà văn? Em hãy chỉ ra dụng ý đó?*  (?) *Từ đó, Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời?*  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp, phát hiện, đánh giá.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS trả lời * **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **3. Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:**  - Mỗi lần nhìn kĩ bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy “hiện lên cái mùa hồng hồng của ánh sương mai”  🡪 Chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời.  - Nhưng nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy *“người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh”*  🡪 Hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường, là sự thật cuộc đời đằng sau bức tranh.  => Quan niệm: nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời và phải là cuộc đời, luôn luôn vì cuộc đời. | |

**2.3. Hoạt động khám phá kiến thức 3: III. TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4:** Giúp HS khái quát lại những nét nổi bật về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi để khái quát:**

- Giá trị nội dung: Hiện thực và nhân đạo

- Giá trị nghệ thuật

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **-- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  *+ Nêu đánh giá thành công về nội dung của truyện.*  + *Cách xây dựng cốt truyện, ngôn ngữ truyện của Nguyễn Minh Châu trong tác phẩm này có gì độc đáo?*  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS phát hiện, đánh giá.  biện cho nhóm bạn.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS trả lời * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung:**  *Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.*  **2. Đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm:**  **a. Xây dựng tình huống truyện:**  - Độc đáo, hấp dẫn, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống  🡪 Tình huống được đẩy lên cao trào và ngày càng xoáy sâu để thể hiện tính cách con người và cuộc đời.  **b. Nghệ thuật kể chuyện:** sinh động  - Người kể chuyện: là nhân vật Phùng  🡪 tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, có khả năng khám phá đời sống; lời kể khách quan, chân thực, thuyết phục  **c. Ngôn ngữ nhân vật:** phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người  + Giọng điệu lão đàn ông: thô bỉ, tàn nhẫn, tục tằn, hung bạo  + Những lời của người đàn bà: dịu dàng, xót xa khi nói với con, đơn đau và thấu trải lẽ đời khi nói về mình  + Lời của Đẩu: giọng điệu của người tốt bụng, nhiệt thành.  🡪 Góp phần khắc sâu thêm chủ đề - tư tưởng của truyện. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu. Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, NG1, GT-HT**

**b. Nội dung**: Củng cố kiến thức vừa tìm hiểu về truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* qua giải quyết tình huống có vấn đề.

**c.** **Sản phẩm:** Phiếu học tập.

**d.** **Tổ chức hoạt động học**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV nêu tình huống giả định**: Giả sử, có ai đó muốn can thiệp vào tác phẩm của nhà văn bằng cách đảo vị trí sự xuất hiện của 2 phát hiện của nhiếp ảnh Phùng (để cho người nghệ sĩ chứng kiến bi kịch của gia đình hàng chài hôm trước rồi sáng hôm sau mới phát hiện vẻ đẹp của cảnh biển mờ sương. Theo anh/chị, điều đó có được không? Vì sao?

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân khoảng 5 phút

**- Báo cáo kết quả:** GV gọi 1 số HS phát biểu

**- Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét và cho điểm HS.

Câu trả lời của HS: (Không thể đảo như thế vì nhà văn đã có dụng ý khi để cảnh tượng trời cho hiện ra tước như vỏ bọc bên ngoài hòng che giấu bên trong bản chất thật của đời sống. Qua đó nhà văn khẳng định: đừng nhầm lẫn hiện tượng và bản chất. Đừng vội đánh giá con người, sự vật ở dáng vẻ bên ngoài).

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** : **N1, V1, NG1, NA**

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.

**c. Sản phẩm:**

+ Nhiệm vụ 1: HS phát biểu bằng lời nói, trình bày trong 1 phút

+ Nhiệm vụ 2: Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

(1)Nếu là chánh án Đẩu, anh/chị có chấp nhận những lí do mà người đàn bà vùng biển ấy đưa ra không?Nếu chứng kiến nạn bạo hành trong gia đình (xung quanh ta hoặc ngay chính người thân chúng ta), anh/chị sẽ làm thế nào?

(2) Viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh/chị về 01 trong hai chủ đề sau:

- *Bạo lực gia đình hiện nay.*

*- Tình mẫu tử thiêng liêng*

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo sản phẩm vào tiết tự chọn.**

**- GV nhận xét và kết luận**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, Đ6, TC – TH:**

HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b.Nội dung:**

**c.Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**GV giao dự án học tập theo nhóm: 03 nhóm:**

+ Nhóm phóng viên: thiết kế clip giới thiệu Nguyễn Minh Châu cùng những tác phẩm của ông, trong đó có *Chiếc thuyền ngoài xa.*

+ Nhóm vẽ tranh: Hình dung và vẽ các cảnh tượng đặc sắc trong truyện.

+ Nhóm đóng kịch: đóng hoạt cảnh đặc sắc trong truyện

Ngoài ra, HS có thể thực hiện thêm một số hoạt động tự học sau:

+ Tự vẽ bản đồ tư duy bài học

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**+** Tìm đọc những tác phẩm khác của Nguyễn Minh Châu về xu hướng thế sự.

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** trong tiết học tự chọn.

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Tiết 64. TT tiết dạy theo KHDH:**

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI**

**TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HOÁ** |
| **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết** | | |
| **1** | Nhớ lại các kiến thức cơ bản đã học về cách mở bài, kết bài trong văn nghị luận | **Đ1** |
| **2** | Hiểu sâu hơn về chức năng của mở bài, kết bài trong văn nghị luận. | **Đ2** |
| **3** | Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp | **N1** |
| **4** | Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi | **NG1** |
| **5** | Biết viết mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận đúng yêu cầu của đề và sáng tạo.  Biết tạo lập văn bản nghị luận văn học hoàn chỉnh. | **V1** |
| **Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề** | | |
| **6** | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **TC-TH** |
| **7** | Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. | **GT- HT** |
| **8** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm** | | |
| **9** | Tự hào, yêu quý hơn nữa tiếng Việt, quê hương, đất nước. | **YN** |
| **10** | Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, ; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP, KTDH** | **Phương án kiểm tra đánh giá** |
| Hoạt động **Mở đầu**  (7 phút) | **Đ1** | Huy động vốn kiến thức về văn nghị luận đã học; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới | Đàm thoại gợi mở | GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS. |
| Hoạt động **Hình thành** **kiến thức**  (20 phút) | **Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT** | 1. Tìm hiểu viết mở bài 2. Tìm hiểu viết kết bài | Đàm thoại gợi mở  Kĩ thuật sơ đồ tư duy  Kĩ thuật làm việc nhóm | GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS. |
| Hoạt động  **Luyện tập**  ( 10 phút) | **Đ2, N1, NG1, ; TCTH** | Thực hành bài tập luyện tập kiến thức trong SGK. | Hoạt động nhóm, Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án |
| Hoạt động **Vận dụng**  (5 phút) | V1 | Viết MB, KB cho một đề bài tự chọn. | Dạy học giải quyết vấn đề | GV đánh giá qua bài làm về nhà của HS. |
| **Hoạt động**  **Mở rộng**  **(**3 phút) | YN, TCTH | Mở rộng, tự trau dồi cách viết thêm các cách mở bài, kết bài sáng tạo cho các đề văn sưu tầm được. | Dạy học giải quyết vấn đề | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B.CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (7 phút)**

1. **Mục tiêu: Đ1-Kết nối**

HS chia sẻ những khó khăn khi làm bài văn nghị luận

Tạo tâm thế thoải mái, cởi mở đầu học; kết nối kiến thức đã học với kiến thức mới.

1. **Nội dung:** Tổ chức cho HS trao đổi kinh nghiệm khi làm một bài văn nghị luận.

**c. Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

? HS chia sẻ những khó khăn khi viết bài làm văn nghị luận văn học (gặp khó khăn ở khâu nào? Khâu lập dàn ý gặp những khó khăn gì?)

? Đứng trước một đề làm văn, em thường mở bài và kết bài như thế nào? Chia sẻ nhanh kinh nghiệm với các bạn.

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS trình bày ý kiến.**

**- GV nhận xét và kết luận .**

*Tiết học hôm nay sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận*.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 phút)**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. VIẾT PHẦN MỞ BÀI**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,Đ2,V1**

**b. Nội dung:** Từ phân tích ví dụ, rút ra các yêu cầu của một mở bài cho bài văn nghị luận.

1. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** **\*Thực hiện yêu cầu phần I.1/SGK: tìm hiểu các cách mở bài cho đề bài**  + Đề bài: *Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm* ***Vợ nhặt*** *(Kim Lân).*  + Yêu cầu HS đọc kĩ các mở bài SGK/T112.  + Các mở bài có phù hợp không? Lí do?   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc kĩ các mở bài SGK, thảo luận theo cặp. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận .   - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** \***Thực hiện yêu cầu phần I.2/SGK**: **Phân tích các mở bài.**  Đoán định đề tài được triển khai trong văn bản?   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc kĩ các mở bài SGK, thảo luận theo cặp. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận .   - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  \* **Thực hiện yêu cầu phần I.3/SGK: Tìm hiểu yêu cầu của phần mở bài.**  Từ hai bài tập trên, cho biết phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản?   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận . | **I. VIẾT PHẦN MỞ BÀI**  **1. Tìm hiểu cách mở bài**  **a. Bài tập 1/Tr 112**  - Đề tài được trình bày: giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong *Vợ nhặt* của Kim Lân.  - **Mở bài 1** => không phù hợp vì nêu thông tin thừa. Không nêu rõ đề tài chính. Nêu tiền đề quá rộng.  - **Mở bài 2** => Nêu đề tài ngắn gọn, rõ ràng, nổi bật.  - **Mở bài 3** => phù hợp. Nêu đúng đề tài, gợi hứng thú dẫn dắt vấn đề tự nhiên.  Cách mở bài thứ 3: mở bài gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo ra sự hấp dẫn, chú ý và phù hợp hơn cả với yêu cầu trình bày đề tài  **2. Phân tích cách mở bài**  - Đề tài:  + MB1: quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam  + MB2: Nét đặc sắc của tư tưởng, nghệ thuật bài thơ *Tống biệt hành* của Thâm Tâm.  + MB3: Những khám phá độc đáo, sâu sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trong tác phẩm Chí Phèo.  - Cả 3 mở bài đều theo cách gián tiếp, dẫn đắt tự nhiên, tạo được ấn tượng, hấp dẫn sự chú ý của người đọc hướng tới đề tài.  **3. Yêu cầu phần mở bài**  - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài  - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.  \*Ghi nhớ: SGK/116 |

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. VIẾT PHẦN KẾT BÀI**

**a. Mục tiêu:** **Đ1,Đ2,N1,NG1.**

**b. Nội dung:** Từ phân tích ví dụ, rút ra các yêu cầu của một kết bài cho bài văn nghị luận.

1. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **+ Thực hiện yêu cầu phần II.1/SGK:** Tìm hiểu các kết bài (SGK) cho đề bài: **Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân)**  **+** HS đọc kĩ các kết bài (SGK) phát biểu ý kiến: *Các kết bài có phù hợp không? Lí do?*   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận .  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **Thực hiện các yêu cầu phần II.2SGK: Phân tích các kết bài (SGK)**   * **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp. * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận . | **II. VIẾT PHẦN KẾT BÀI**  **1. Tìm hiểu các kết bài mục 1**  - Đề tài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).  + **KB1**: Không phù hợp. không chốt được vấn đề; phạm vi kết luận quá rộng so với đề tài, thiếu phương tiện liên kết…  + **KB2**: Phù hợp. Kêt luận rõ ràng, khái quát được vấn đề, có dấu hiệu liên kết rõ ràng.  - Cách kết bài 2 phù hợp hơn với yêu cầu trình bày đề tài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa của hình tượng nhân vật ông lái đò, đồng thời gợi suy nghĩ, liên tưởng sâu sắc cho người đọc.  **2. Tìm hiểu các kết bài mục 2**  - Kết bài 1: Tuyên bố độc lập và khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam đem tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững độc lập.  - Kết bài 2: ấn tượng đẹp đẽ, không bao giờ phai nhòa về hình ảnh một phố huyện nghèo trong câu chuyện *Hai đức trẻ* của Thạch Lam.  - Cả hai kết bài đều tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP (10 phút)**

**a.Mục tiêu: Đ2, N1, NG1, ; TCTH**

Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học, vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập.

**b. Nội dung:** Thảo luận nhóm:

+ Nhóm 1+ 2: Bài tập 1/Tr116

+ Nhóm 3 + 4: Bài tập 2/Tr 117

**c.Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS theo nhóm

**Câu 1:** Với đề bài: "*Cảm nhận của anh (chị) về số phận con người và qua hình tượng ông lão đánh cá Xan-ti-a-gô trong tác phẩm****Ông già và biển cả****của nhà văn Ơ. Hê-minh-uê*"

- Cách mở bài (1):

   + Giới thiệu trực tiếp vấn đề, ngắn gọn, khái quát về tác phẩm và nội dung cần nghị luận.

   + Ưu điểm: nhấn mạnh ngay phạm vi vấn đề, nêu bật luận điểm quan trọng giúp người đọc tiếp nhận văn bản, nắm bắt cụ thể vấn đề.

- Cách mở bài (2):

   + Giới thiệu nội dung bằng cách gợi mở vấn đề liên quan đến nội dung chính qua luận cứ, luận chứng.

   + Ưu điểm: giới thiệu vấn đề tự nhiên, sinh động, tạo hứng thú cho người tiếp nhận.

**Câu 2:**

**Đề bài:** Suy nghĩ của anh (chị) về hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của nhà văn Tô Hoài.

Cách mở bài và kết bài trong SGK chưa đạt yêu cầu vì:

- Mở bài: đưa nhiều thông tin về tác giả là không cần thiết. Giới thiệu luận điểm: bi kịch của Mị quá tỉ mỉ, còn luận điểm về vẻ đẹp phẩm chất của Mị thì chỉ giới thiệu một luận cứ cơ bản: sức sống tiềm tàng.

- Kết bài: tiếp tục tóm tắt vấn đề đã trình bày, không nêu được nhận định về ý nghĩa của vấn đề, trùng lặp với mở bài. Câu thứ hai lặp ý câu thứ nhất. Câu thứ ba rời rạc.

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Thảo luận nhóm:

+ Nhóm 1+ 2: Bài tập 1/Tr116

+ Nhóm 3 + 4: Bài tập 2/Tr 117

**-Thực hiện nhiệm vụ**: Các nhóm thảo luận trong thời gian 5 phút

**- Báo cáo sản phẩm:** Đại diện các nhóm báo cáo kết quả tìm hiểu:

**Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại.

**- GV hướng dẫn HS** :Tham khảo cách mở bài, kết bài với đề bài trên:

**Mở bài:**

*Nhà văn Tô Hoài là một người có vốn hiểu biết khá phong phú và sâu rộng về những vùng miền trên khắp Tổ Quốc nhưng có lẽ hiểu biết nhất vẫn là vùng đất Tây Bắc, không chỉ khắc nghiệt về khí hậu thời tiết địa hình mà con người ở đây cũng phải chịu những đau thương của xã hội hủ tục lạc hậu thời bấy giờ. Với văn phong hấp dẫn người đọc bởi lối trần thuật hóm hỉnh sinh động với biệt tài miêu tả nội tâm nhân vật sâu sắc Tô Hoài đã mang đến cho chúng ta một hình tượng nhân vật người phụ nữ Tây Bắc điển hình. Điển hình cho số phận, cho nỗi khổ hạnh phúc lứa đôi và những giá trị hiện thực và nhân đạo qua hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm Vợ Chồng A Phủ. Có thể nói tác phẩm này đã mang đến những cảm xúc cho chúng ta khi thấu hiểu số phận người con gái tên Mị.*

**Kết bài:**

*Như vậy có thể thấy Mị là một cô gái điển hình cho số phận những người phụ nữ Mông thời bấy giờ. Họ có tài năng có nhan sắc nhưng lại bị chính những thần quyền hủ tục và cường quyền bạo lực trà đạp về thể xác cũng như tinh thần. họ đã biết vùng dậy đi theo cách mạng để chống lại những thế lực kia.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

**a.Mục tiêu: V1**

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung**: Viết Mở bài, Kết bài cho 01 đề bài tự chọn.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS – Phiếu học tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Thực hiện bài tập 3/SGK:

+ Tự chọn một đề bài để viết mở bài và kết bài.

+ Trao đổi với bạn cùng bàn để sửa chữa.

**- HS làm việc cá nhân khoảng 3 phút.**

**- HS báo cáo kết quả.**

**- GV nhận xét và kết luận**

**Ví dụ:**

**Đề bài: Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ “Sóng” (Xuân Quỳnh)Mở bài:**

*Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ viết về tình yêu hay nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Chị đã dể lại nhiều bài thơ tình đặc sắc: Thuyền và biển, Dẫu em biết ràng anh trở lại, Tự hát, Hoa cỏ may, Thơ tình cuối mùa thu, ... . Trong đó bài thơ Sóng ngay từ khi ra đời đã được nhiều thế hệ thanh niên ưa thích. Sóng là hình tượng trung tâm của bài thơ đã góp phần diễn tả sức sống, niềm khát khao mãnh liệt của tâm hồn nhà thơ về tình yêu, về cuộc sống.*

**Kết bài:**

*Nỗi khát vọng tình yêu xôn xao, rạo rực trong trái tim con người trong quan niệm của Xuân Quỳnh, là khát vọng muôn đời của nhân loại mà mãnh liệt nhất là của tuổi trẻ. Nó cũng như sóng, mãi mãi trường tồn, vĩnh hằng với thời gian. Từ ngàn xưa, con người đã đến với tình yêu và mãi mãi cứ đến với tình yêu. Với con người, tình yêu bao giờ cũng là một khát vọng bồi hồi.*

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG (3 phút)**

**a.Mục tiêu**: **YN, TCTH**

**b.Nội dung**: HS tìm tài liệu trên mạng internet tìm tòi thêm sau tiết học tại nhà

**c.Sản phẩm**: HS tự viết các kết bài cho các đề nghị luận hay sưu tàm được.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

**+** Sửa lại phần mở bài, kết bài trong các bài làm văn từ đầu năm.

+ Tự luyện tập viết mở bài, kết bài cho các đề thi THPTQG sưu tầm được.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà**

**- Tiết sau HS báo cáo.**

**- GV nhận xét.**

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN**

**TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY:**

**Tiết 65. TT tiết dạy theo KHDH:**

**Đọc thêm: MỘT NGƯỜI HÀ NỘI**

**( Trích)** - ***Nguyễn Khải*** -

1. **MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **NL ĐỌC** |  |  |
| **1** | Hiểu được nét đẹp của văn hoá “kinh kì” qua cách sống của bà Hiền, một phụ nữ tiêu biểu cho *“người Hà Nội”.* | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong truyện ngắn. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của truyện ngắn. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Một người Hà Nội* và các tác phẩm của Nguyễn Khải nói riêng. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG: GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | - Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống.  - Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. | TN |

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

1. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**
2. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản Một người Hà Nội. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,**  **GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung.**  **II.Đọc hiểu văn bản**.  1.Nhân vật cô Hiền.  2.Ý nghĩa chi tiết Hạt bụi vàng.  **III.Tổng kết**:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1 V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Tổng hợp** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HOC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Đ1**
2. **Nội dung:** HS xem video và phát biểu suy nghĩ
3. **Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

+ GV trình chiếu 1 video về con người Hà Nội thế kỉ XX.

+ HS quan sát, cảm nhận về cốt cách văn hóa con người HN.

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem video và nêu cảm nhận, suy nghĩ của mình.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS phát biểu suy nghĩ về văn hóa người Hà Nội thế kỉ XX.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại, vào bài mới.

***GV nhấn mạnh***: Bên cạnh truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” – NMC thì hai “Một người Hà Nội” - NK cũng là một tác phẩm thuộc xu hướng thế sự, đi sâu khai tác đời sống gia đình , xã hội khi đất nước thay đổi.

Vậy các tác phẩm này đặt ra vấn đề gì thì tiết học hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu: (Đ2,Đ3)** Giúp HS hình thành những kiến thức khái quát về tác giả Nguyễn Khải và truyện ngắn *Một người Hà Nội.*

**b**.**Nội dung:Trả lời câu hỏi để làm nổi bật:**

- những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Nguyễn Khải.

- HCST, xuất xứ, tóm tắt được truyện ngắn *Một người Hà Nội.*

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\*Tìm hiểu mục 1. Tác giả Nguyễn Khải**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Nguyễn Khải.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide.  **Tìm hiểu mục 2: Tác phẩm *Một người Hà Nội***  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đàm thoại: HS nêu xuất xứ, khái quát chủ đề truyện.  + GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản.  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.** | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Tác giả:**  - Nguyễn Khải (1930 - 2008), tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi.  - Nguyễn Khải viết văn từ năm 1950, bắt đầu được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột*.  - Trước cách mạng, sáng tác của Nguyễn Khải tập trung về đời sống nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới; và hình tượng người lính trong kháng chiến chống Mĩ.  - Sau năm 1975, sáng tác của ông đề cập đến nhiều vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự và đặc biệt quan tâm đến tính cách, tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống:  **2. Tác phẩm:**  - *Một người Hà Nội* in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Khải (1990).  - Truyện đã thể hiện những khám phá, phát hiện của Nguyễn Khải về vẻ đẹp trong chiều sâu tâm hồn, tính cách con người Việt Nam qua bao biến động thăng trầm của đất nước. |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu: Đ3,Đ4,Đ5,Đ6**

**b.Nội dung:**

* Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của truyện:

+ Tìm hiểu các nhân vật: cô Hiền, các nhân vật khác

- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của truyện.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| \***Thao tác 1: Tìm hiểu nội dung của truyện**   * **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**   + Suy nghĩ, thảo luận về tính cách nhân vật cô Hiền.  + Vì sao tác giả cho cô Hiền là “một hạt bụi vàng” của Hà Nội?  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   * **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức   **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + GV tổ chức các nhóm học tập, giao việc cho mỗi nhóm tìm hiểu về một nhân vật còn lại trong tác phẩm:  + + Nhân vật Dũng- con trai cô Hiền.  + + Những thanh niên Hà Nội và cả những người đã tạo nên “nhận xét không mấy vui vẻ" của nhân vật “tôi” về Hà Nội.  + HS thảo luận về ý nghĩa câu chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức  \***Thao tác 1: Tìm hiểu nghệ thuật của truyện**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Nhận xét về giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Khải trong tác phẩm.  -**Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   * **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | | **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Nội dung**  **a. Nhân vật cô Hiền**  *\* Tính cách, phẩm chất:*  - Cô Hiền cũng như những người Hà Nội khác, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua nhiều biến động thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách người Hà Nội.  - Cô sống thẳng thắn, không giấu giếm quan điểm, thái độ với mọi hiện tượng xung quanh.  + Việc hôn nhân: thời còn trẻ, cô giao thiệp với nhiều loại người, nhưng cô chọn bạn trăm năm “là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ”  + Việc sinh con: Sinh năm đứa con, đến con gái út, cô quyết định “chấm dứt chuyện sinh đẻ để sau này có thể lo cho các con chu đáo".  + Việc dạy con: Cô dạy cho con cháu cách sống làm người Hà Nội lịch sự , tế nhị, hào hoa, biết giữ gìn phẩm chất, giá trị của người Hà Nội.  + Chiêm nghiệm lẽ đời: Trước niềm vui thắng lợi, cô Hiền nhận xét “vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều”, “chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá” ....  + Cô hoà mình cùng dân tộc, cùng đất nước: Cô chỉ làm những việc gì có lợi cho đất nước, cho lí tưởng xã hội. Cô mở cửa hàng lưu niệm và tự mình làm ra sản phẩm. Cô không đồng ý việc mua máy in và thợ làm vì muốn thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ.  + Cô luôn đề cao lòng tự trọng: Kháng chiến chống Mĩ cứu nước: Cô vô cùng thương xót, lo lắng cho con nhưng sẵn sàng cho con ra trận như những bà mẹ, thanh niên Việt Nam khác: *“Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”*  + Sau chiến thắng mùa xuân 1975, đất nước trong thời kì đổi mới, giữa không khí xô bồ của thời kinh tế thị trường, cô Hiền vẫn là *“một người Hà nội của hôm nay, thuần tuý Hà Nội, không pha trộn”.*  *\* Cô Hiền- "một hạt bụi vàng của Hà Nội":*  - Nói đến hạt bụi, người ta nghĩ đến vật nhỏ bé, tầm thường. Nhưng là hạt bụi vàng thì dù nhỏ bé nhưng có giá trị quí báu. Cô Hiền là một người Hà Nội bình thường, vô danh nhưng cô thấm sâu những cái tinh hoa trong bản chất người Hà Nội.  - Bao nhiêu hạt bụi vàng, bao nhiêu người như cô Hiền sẽ hợp lại thành những “áng vàng” chói sáng. Ánh vàng ấy là phẩm giá người Hà Nội, là cái truyền thống cốt cách người Hà Nội.  **b. Các nhân vật khác trong truyện**  *- Nhân vật Dũng- con trai đầu của cô Hiền:*  + Anh đã sống đúng với những lời mẹ dạy về cách sống của người Hà Nội. Anh cùng với 660 thanh niên ưu tú của Hà Nội lên đường hiến dâng tuổi xuân của mình cho đất nước.  + Dũng, Tuất và tất cả những chàng trai Hà Nội ấy đã góp phần tô thắm thêm cốt cách tinh thần người Hà Nội.  - Bên cạnh đó, còn có những người tạo nên “*nhận xét không mấy vui vẻ*” của nhân vật “tôi” về Hà Nội.  + Đó là “ông bạn trẻ đạp xe như gió” đã làm xe người ta suýt đổ lại còn phóng xe vượt qua rồi quay mặt lại chửi “Tiên sư cái anh già”...  + là những người mà nhân vật tôi quên đường phải hỏi thăm...  🡪 Đó là những “hạt sạn”, làm mờ đi nét đẹp tế nhị, thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống của người Hà Nội nay cần phải làm nhiều điểm để giữ gìn và phát huy cái đẹp trong tính cách người Hà Nội.  **c. Ý nghĩa của câu chuyện "cây si cổ thụ"**  - Hình ảnh cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh 🡪 nói lên qui luật khắc nghiệt của tự nhiên, cũng là quy luật vận động của xã hội.  - Cây si là một hình ảnh ẩn dụ về vẻ đẹp của Hà Nội: Hà Nội đẹp đẽ, thanh bình, trải qua nhiều biến cố dữ dội trong lịch sử nhưng vẫn là một Hà Nội với truyền thống văn hoá đã được nuôi dưỡng và mãi trường tồn.  **2. Nghệ thuật**  -Giọng điệu trần thuật:Một giọng điệu rất trải đời, vừa tự nhiên, dân dã vừa trĩu nặng suy tư, vừa giàu chất khái quát, triết lí, vừa đậm tính đa thanh  -Nghệ thuật xây dựng nhân vật*,* tạo dựng tình huống truyện (gặp gỡ giữa nhân vật “tôi” và các nhân vật khác)  - Ngôn ngữ nhân vật góp phần khắc hoạ tính cách từng người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:** **Đ5,Đ6,Đ7**

**b.Nội dung:** HS lập dàn ý để chứng minh một nhận định văn học.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

? Vì sao tác giả lại ví cô Hiền như *“hạt bụi vàng”* của Hà Nội?

**- HS làm việc cá nhân khoảng 5 phút**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và cho điểm HS.**

**Dự kiến sản phẩm của mục c**

Tác giả đã bỏ công phu tìm hiểu, phân tích chiều sâu đời sống tâm hồn của cô Hiền để rồi bất chợt nảy ra một hình ảnh so sánh vô cùng thú vị: cô Hiền là hạt bụi vàng của Hà Nội. Đây là sáng tạo nghệ thuật chứa đựng nhiều ý nghĩa. Hạt bụi vàng là hình ảnh một sự vật nhỏ bé, khiêm nhường mà đẹp đẽ, quý báu. Nhưng nhiều hạt bụi vàng hợp lại sẽ thành ánh vàng chói sáng. Đó là phẩm giá, là bản sắc truyền thống của người Hà Nội nghìn năm vân hiến.

Hạt bụi vàng là ẩn dụ nghệ thuật đặc sắc có ý nghĩa khái quát cao, thể hiện thái độ trân trọng và tự hào của tác giả đối với nhân vật của mình. Nguyễn Khải cô đúc toàn bộ phẩm chất tốt đẹp của nhân vật vào một hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng: Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hay mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ảnh vàng! Nhân vật cô Hiền đã chiếm được thiện cảm của người đọc qua cách kể chuyện, miêu tả tự nhiên, linh hoạt và tinh tế của tác giả. Đọc tác phẩm, chúng ta hiểu thêm về tính cách thanh lịch, hào hoa của con người và lối sống Hà Nội, từ đó càng yêu mến, tự hào về Thủ đô – trái tim của Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ5,N1, V1.**

**b. Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Đoạn trích gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì về ý nghĩa của những giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống hiện đại ngày nay.Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo vào tiết học sau hoặc nộp sản phẩm cho GV.**

**- GV nhận xét và kết luận .**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a.Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi, mở rộng kiến thức đã học.

**b.Nội dung**: HS tự thiết kế sơ đồ tư duy.

**c.Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật trong đoạn trích đã học .

**+** Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN**

**Tiết 66 - 67. TT tiết dạy theo KHDH:**

**DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

1. **MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | - Hiểu được một cách đầy đủ về chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận. | **Đ1** |
| **2** | -Biết cách tránh lỗi về dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận. | **Đ2** |
| **3** | Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo. | **Đ3** |
| **4** | Biết dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu chính xác, phù hợp với chuẩn mực diễn đạt văn nghị luận | **Đ4** |
| **5** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các văn bản nghị luận. | **N1** |
| **6** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **7** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **8** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: CHĂM CHỈ** | | |
| **9** | - Chăm chỉ tìm tòi, học hỏi và rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận. | **CC** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, Phiếu học tập,…

**II.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,N1,**  **GT-HT,GQVĐ** | I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận  II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận  III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận. | Đàm thoại gợi mở; dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm, qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3, Đ4, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não, | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ4, N1, V1** | Vận dụng kiến thức để giải quyết một vấn đề nâng cao. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Tổng hợp.** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác,  Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu: Kết nối - Đ1**
2. **Nội dung:** Tổ chức cho HS trao đổi kinh nghiệm khi làm một bài văn nghị luận.

**c. Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** *HS chia sẻ những điểm yếu/hạn chế khiến cho bài văn nghị luận của em bị điểm kém?*

**- HS làm việc cá nhân khoảng 1 phút**

**- HS trình bày ý kiến:** HS chia sẻ những điểm yếu/hạn chế khiến cho bài văn nghị luận của em bị điểm kém:

**- GV nhận xét, chốt vấn đề:**

+ Do không nắm được cách làm từng dạng bài cho phù hợp.

+ Lỗi nhầm lẫn kiến thức (kiến thức văn học sử, lí luận văn học, tác giả, tác phẩm)

+ Lỗi diến đạt

* Lỗi diến đạt là một trong những lỗi mà HS dễ làm mất thiện cảm với người chấm bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: **Đ2,Đ3,Đ4**

**b**. **Nội dung:**

Hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu các nội dung kiến thức về bài học trong SGK:

+ Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận

+ Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận

+ Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận

1. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| --- | --- |
| **\* Bước 1: Hướng dẫn tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **+ Nhóm 1,2:** Tìm hiểu ngữ liệu 1, 3 trong mục I. SGK  **+ Nhóm 3,4:** Tìm hiểu ngữ liệu 2, 3 trong mục I. SGK  + HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận khoảng 5-7 phút.  **- Báo cáo sản phẩm:**  **+ Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **+ Các nhóm khác có thể hỏi và bổ sung.**  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide. | **I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**    **1. Tìm hiểu ngữ liệu (1):**  - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau.  - Nhược điểm lớn nhất của đoạn văn (1) là dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp vói đối tượng được nói tới. Đó là những từ ngữ: *nhàn rỗi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh.*  - Ở đoạn văn (2): cũng còn mắc một số lỗi về dùng từ. Tuy nhiên, ở đoạn văn này đã biết cách trích lại các từ ngữ được dùng để nó chính xác cái thần trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh sinh động, giàu tính thuyết phục.  **2. Tìm hiểu ngữ liệu 2:**  - Các từ ngữ: *linh hồn Huy Cận; nỗi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...* được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩa chung: u sầu, lặng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập *Lửa thiêng*.  **3. Tìm hiểu ngữ liệu 3:**  - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (*đìu hiu, ngậm ngùi dài, than van, cảm thương*) cùng với lối xưng hô đặc biệt (*chàng*) và hàng loạt các thành phần chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận.  - Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn:  + Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: *Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...*  + Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: người ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh. |
| **\* Bước 2: Hướng dẫn học sinh tổng hợp lại vấn đề**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **+ Nhóm 1,2:** Tìm hiểu ngữ liệu 1, 3 trong mục II. SGK  **+ Nhóm 3,4:** Tìm hiểu ngữ liệu 2, 3 trong mục II. SGK  + HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng các kiểu câu trong văn nghị luận.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận khoảng 5-7 phút.  **- Báo cáo sản phẩm:**  **+** Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  **+** Các nhóm khác có thể hỏi và bổ sung.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide. | **II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận**  Kết cấu phần này cũng tương tự như phần một: ba bài tập tự luận và một câu hỏi tổng hợp. Do đó cách tiến hành cũng tương tự như ở phần trên. |
| **\* Bước 3: Hướng dẫn tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **+ Nhóm 1,2:** Tìm hiểu ngữ liệu 1 trong mục II. SGK  **+ Nhóm 3,4:** Tìm hiểu ngữ liệu 2 trong mục II. SGK  + HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng các kiểu câu trong văn nghị luận.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận khoảng 5-7 phút.  **- Báo cáo sản phẩm:**  **+** Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  **+** Các nhóm khác có thể hỏi và bổ sung.   * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide. | **Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.**  1. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận  - Đối tượng bình luận và nội dung cụ thể của hai đoạn văn khác nhau.  + Đoạn văn của chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự như nhau.  + Đoạn văn của Nguyễn Minh Vĩ được diễn đạt theo kiểu nêu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách hành văn như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi đồng thời cũng khẳng định sự trả lời dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật (anh).  - Sự khác biệt giọng điệu đầu tiên là do đối tượng bình luận, quan hệ giữa người viết với nội dung bình luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu... cũng tạo nên sự khác nhau đó.  - Đoạn trích (1) sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn, câu dài một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết.  - Đoạn trích (2) sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm xúc, nhiều thành phần đồng chức năng, thành phần biệt lập, tạo giọng văn giàu cảm xúc.  Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở các phần trong bài văncó thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu: Đ4,N1**
2. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập SGK
3. **Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **- Giáo viên giao nhiệm vụ: 2 nhóm:**  + Nhóm 1: BT1  + Nhóm 2: BT2  **- HS thảo luận khoảng 5 phút**  **- Báo cáo kết quả thảo luận:**  + Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  + Các nhóm kháccó thể hỏi và bổ sung.  **- GV nhận xét và kết luận** | **Bài tập 1**: Phân tích rõ những đặc điểm cụ thể trong cách vận dụng từ ngữ, vận dụng và kết hợp các kiểu câu, biểu hiện giọng điệu của lời văn trong những đoạn văn nghị luận Sgk.   * Giáo viên gợi ý, học sinh và giao việc cho các nhóm (3 nhóm, mỗi nhóm khảo sát một đoạn).   Học sinh các nhóm làm việc, tập trung ý kiến, cử đại diện trình bày.  Bài tập 2: Chọn một trong các đề tài Sgk để viết một bài nghị luận ngắn trong đó chú ý vận dụng từ ngữ, kiểu câu và giọng điệu phù hợp.   * Giáo viên hướng dẫn, gợi ý.   Học sinh làm việc cá nhân, chuẩn bị dàn ý ra giấy nháp và thử viết một đoạn.  ***1. Bài tập 1:***  - Đoạn 1: Hồ Chí Minh đã sử dụng từ ngữ một cách chính xác, phù hợp với việc tuyên bố thoát li mọi quan hệ với thực dân Pháp, đặc biệt là việc sử dụng nhiều từ ngữ chính trị. Về câu, điểm nổi bật là đoạn văn sử dụng kiểu câu lặp cú pháp và kiểu câu song hành, với những câu ngắn để nhấn mạnh những điều khẳng định. Vì vậy, giọng điệu ngôn từ của đoạn văn rất rắn rỏi, dứt khoát, mạnh mẽ và cương quyết.  - Đoạn 2 nói về thời và thơ Tú Xương, Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ rất tài hoa *(lưu đãng hão huyền, con nhà nho khái, cái tâm hồn thèm chan hoà, con người khái, lần hồi đắp đổi, lại xoay ra ba dọi,…).* Tác giả còn sử dụng kiểu câu điệp cấu trúc, song hành cú pháp (đoạn đầu) tạo nên một giọng điệu rất riêng, một giọng điệu "rất Nguyễn Tuân" - tài hoa, uyên bác, đầy biến hoá triong việc sử dụng ngôn từ.  - Đoạn 3: Tác giả viết theo lối so sánh để làm nổi bật những điểm khác biệt trong tính cách, phẩm chất, tâm hồn, tình cảm,…của Kiều và Từ Hải. Vì vậy, đoạn văn sử dụng rất nhiều cặp tính từ tương phản *(yếu đuối - hùng mạnh, tủi nhục - vinh quang, chịu đựng - bất bình, tiếng khóc - tiếng cười, lê lết - vùng vẫy, tự ti - tự tôn,…).* Người viết cũng sử dụng hàng loạt câu có kết cấu ngữ pháp song trùng *(nêu Kiều… thì Từ…).* Đoạn văn vì thế mà mang âm hưởng nhịp nhàng, cân đối.  ***2. Bài tập 2:***  - Nhìn chung, cả bốn vấn đề nêu ra đều là những vấn đề nghị luận xã hội.  - Người viết nên sử dụng từ ngữ một cách chính xác, tránh dùng từ ngữ sáo rỗng, cầu kì, tránh dùng khẩu ngữ, nên kết hợp sử dụng các biện pháp tu từ vựng và cú pháp để tăng tính biểu cảm và taọ nên cho bài viết giọng điệu ngôn từ riêng: vấn đề (a) nên viết với giọng rắn rỏi tràn đầy tâm huyết; vấn đề (b) xen lẫn với giọng nghiêm túc, trang trọng là một chút châm biếm khi phê phán lối sống vị kỉ; vấn đề (c) nên gia tăng yếu tố cảm xúc để giọng điệu sâu sắc, truyền cảm hơn khi bàn về *"ý nghĩa của tình yêu và trách nhiệm của tuổi trẻ trong tình yêu"*; vấn đề (d) nên có những đoạn viết theo lối song hành để làm rõ hai vấn đề: *"thành công" - "thất bại"* của đời sống con người. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu: V1**
2. **Nội dung:** Hs tự viết 1 đoạn văn nghị luận.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

? Viết một đoạn văn nghị luận theo đề bài tự chọn, sau đó trao đổi trong bàn chấm và sửa lỗi diễn đạt cho nhau.

**- HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.

**- HS báo cáo kết quả:** GV gọi 1 số em HS phát biểu, lấy điểm.

**- GV nhận xét và kết luận .**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.
2. **Nội dung:**
3. **Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

**+** Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Tập sửa các lỗi diễn đạt trong các bài viết văn nghị luận của chính bản thân.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- Tiết sau HS báo cáo**

**- GV nhận xét.**

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 68 - 69. TT tiết dạy theo KHDH:**

**SỐ PHẬN CON NGƯỜI**

**(Trích) - Sô lô khốp -**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong đoạn trích.. | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong truyện ngắn. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của truyện ngắn. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Số phận con người.* | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI**  **TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | - Sống có lí tưởng, đủ bản lĩnh và trách nhiệm để làm chủ số phận của mình, vượt lên sự cô đơn, mất mát, đau thương. | **TN** |
| **11** | - Bồi đắp lòng nhân ái, sự bao dung với mọi người xung quanh. | **NA** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10 phút) |  | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản *Số phận con người*. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,**  **GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung.**  **II.Đọc hiểu văn bản.**  1.Nhân vật Anđrây Xôcôlốp.  2.Bé Vania  **III.Tổng kết**:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,N1**  **GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1,V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; | Đánh giá qua sản phẩm trình bày. do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **TỔNG HỢP** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Dạy học hợp tác, Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu: (Đ1)** HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.
2. **Nội dung:** GV yêu cầu HS kể tên những tác phẩm văn học đưa câu hỏi về văn học Nga chương trình lớp 11, nêu cảm nghĩ về nước Nga và con người Nga.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. HS phát biểu cá nhân.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** GV đưa ra câu hỏi:

**?** Trong chương tình Ngữ văn 11, các em đã có dịp làm quen với văn học Nga. Em hãy kể tên các tác giả, tác phẩm văn học Nga mà em đã học?

? Qua những tác phẩm của các tác giả đó, em hiểu gì về nước Nga và con người Nga?

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp.

**- Báo cáo sản phẩm:** GV gọi một vài HS trả lời.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại, vào bài mới.

(Tác phẩm: *Tôi yêu em* – Pus kin; *Người trong bao* – Sê –khốp,...)

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,Đ2,Đ3**

**GQVĐ, GT-HT**

(Giúp HS hình thành những kiến thức khái quát về tác giả Sô – cô – lốp và truyện ngắn *Số phận con người*).

b.**Nội dung: HS trả lời câu hỏi để làm nổi bật:**

-Những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Sô – cô- lốp.

- HCST, tóm tắt được truyện ngắn *Số phận con người.*

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\* Thao tác 1: Tìm hiểu chung về tác giả.**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Nguyễn Khải.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức và cung cấp thêm một số kiến thức về tác giả. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - A. Sô – lô - khốp (1905 - 1984)  - Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở thị trấn Vi – ô – sen – xcai - a, một địa phương thuộc tỉnh Rô - xtốp trên vùng thảo nguyên sông Đông.  - Ông tham gia nhiều công tác cách mạng từ khá sớm: làm thư kí uỷ ban trấn, nhân viên thu mua lương thực, tiễu phỉ...  - Cuối 1922, ông đến Mát – xcơ – va, chấp nhận làm mọi nghề để sinh sống và thực hiện *“giấc mơ viết văn”.*  - Năm 1925, ông trở lại quê hương và bắt đầu viết *“Sông Đông êm đềm”*- một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ dựng lại bức tranh sinh động về cuộc sống của những người nông dân Cô - dắc cùng những biến động xã hội và đấu tranh giai cấp ở vùng này sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917.  - Năm 1926, ông đã in hai tập truyện ngắn *“Truyện sông Đông”* và *“Thảo nguyên xanh”.*  - Trong thời kì chiến tranh vệ quốc, với tư cách là phóng viên mặt trận, Sô – lô - khốp xông pha nhiều chiến trường, viết nhiều bài chính luận, kí, truyện ngắn nổi tiếng.  - Sau chiến tranh, ông tập trung chủ yếu vào sáng tác.  - Năm 1965, ông được tặng Giải thưởng Nô – ben về văn học.  - Những tác phẩm chính:  + Tập truyện: *“Truyện sông Đông”*  + Các tiểu thuyết: *“Sông Đông êm đềm”, “Đất vỡ hoang”, “Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc”...* |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác phẩm.**  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác của truyện.  + Truyện ngắn này có vị trí như thế nào trong nền văn học Nga?  + GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản.  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.** | **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Truyện được công bố lần đầu trên báo Sự thật, số ra ngày 31 – 12 – 1956 và 1 – 1 – 1957.  - Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết. Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực.  - Về sau, truyện được in trong tập *“Truyện sông Đông”.*  **b. Tóm tắt:** |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu: Đ2,Đ3,Đ4, Đ5**

(Hiểu rõ tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.

- Nắm được nghệ thuật kể chuyện, khắc hoạ tính cách và sử dụng chi tiết của Sô-lô-khốp.

- Giúp HS rút ra bài học về nghị lực và lòng yêu thương con người trong cuộc sống\_.

**b.Nội dung: Sử dụng phiếu học tập.**

**Phiếu học tập: Những thân phận đau khổ, bất hạnh:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xô – cô – lốp** | **Bé Va – ni- a** |
|  |  |

HS hoàn thiện phiếu học tập, tìm hiểu nội dung của truyện:

+ Tìm hiểu hoàn cảnh của Xô – cô – lốp và bé Va-ni-a trước khi gặp nhau

+ Tìm hiểu cuộc gặp gỡ giữa Xô – cô – lốp và bé Va-ni- a.

+ Phân tích nghị lực sống, ý chí của Xô – cô – lốp

- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của truyện ngắn.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện*:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\*Thao tác 1: GV định hướng để HS phân tích Hoàn cảnh và bé Va-ni-a trước khi gặp nhau**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  Hoàn thành Phiếu học tập:  Cuộc đời của nhân vật Xô – cô – lốp và bé Va – ni - a có những đau khổ, bất hạnh nào trước khi họ gặp nhau?  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn trong 3 phút  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **1. Hoàn cảnh của Xô – cô – lốp và bé Va-ni-a trước khi gặp nhau** |
| **HS thảo luận, phát biểu ý kiến.**  **GV chốt kiến thức.** | \***Xô – cô – lốp**:  - Bản thân anh chịu nhiều cay đắng:  + Bị thương hai lần, hai năm bị đoạ đày trong trại tù binh Đức.  + Sau khi thoát khỏi cảnh nô lệ tù binh, Xô-cô-lốp được biết một tin đau đớn:  o Vợ và hai con gái anh đã bị bom phát xít giết hại,  o Đứa con trai yêu quí của anh bị *“một tên thiện xạ Đức”* giết chết ngay ngày chiến thắng.  🡪 Vì độc lập và sự sống còn của nhân dân, anh đã chịu đựng những mất mát ghê gớm.  - Sau chiến tranh:  + Anh không còn quê, không còn nhà, không còn người thân, phải sống nhờ nhà người đồng đội cũ  🡪 Sống trong nỗi đau khổ, thất vọng và cô đơn.  - Anh tìm đến chén rượu để dịu bớt nỗi đau: *“Phải nói rằng tôi đã thật sự say mê cái món nguy hại ấy!”*  🡪 Bị đẩy vào tình cảnh bế tắc, anh suýt rơi vào nguy cơ nghiện rượu.  \***Bé Va – ni – a:**  - Bố chết ở mặt trận, mẹ bị bom chết trên tàu khi 2 mẹ con đang đi tàu, không còn gia đình, không có người thân.  - Quần áo rách rưới, mặt mũi lem luốc: “Nó ăn ngay hiệu giải khát, ai cho gì ăn nấy”.  - “Một con chim non nớt như thế đã học thở dài?”  🡪Một chú bé đáng thương, tội nghiệp, chịu nhiều mất mát trong chiến tranh. |
| **\* Thao tác 2: GV định hướng để HS phân tích Cuộc gặp gỡ giữa Xô – cô – lốp và bé Va-ni- a:** | **2. Cuộc gặp gỡ giữa Xô – cô – lốp và bé Va-ni- a:**  **- Xô – cô – lốp:**  **+** Qua một cuộc gặp gỡ và những câu hỏi ngẫu nhiên, anh biết được bé Va – ni – a mồ côi, cha mẹ đều đã chết dưới bom đạn chiến tranh, không còn bà con thân thích.  + Cảm thương cho tình cảnh của chú bé, anh lập tức quyết định nhận bé làm con nuôi.  🡪 Đây là quyết định có tính chất bộc phát, hồn nhiên, không có một chút suy tính hay tư lợi nào, một quyết định xuất phát từ tình yêu thương thật sự.  + Khi đưa đứa con trai mới nhận về nhà, cả hai vợ chồng người bạn anh đề rất vui: “*Bà chủ múc súp bắp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt ròng ròng”*  o Đó là tiếng khóc thương cho hoàn cảnh tội nghiệp của chú bé;  o Là cả tiếng khóc thương cho cả Xô – cô – lốp  o Là tiếng khóc cảm phục trước lòng tốt của Xô - cô- lốp  o Là tiếng khóc tự thương cho hoàn cảnh của bà.  + Xô – cô - lốp yêu thương bé Va – ni – a rất mực: anh luôn tận tâm chăm sóc đứa con một cách vụng về nhưng rất đáng yêu  🡪 Tình thương bộc trực của người cha đau khổ và hạnh phúc.  + Có bé Va – ni – a, anh thấy mình như được hồi sinh: anh thấy mọi thứ như bắt đầu *“trở nên êm dịu hơn”*  🡪 Chính lòng nhân ái đã giúp anh vượt qua cô đơn  - **Bé Va – ni – a:**  **+** Khi được Xô – cô – lốp nhận làm con, Va – ni – a vô cùng sung sướng và xúc động:  o *“nhảy chồm lên cổ tôi, hôn vào má, vào môi, vào trán”*  o “*nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió”*  + Cậu vô cùng vui vẻ, hồn nhiên, gắn bó, quyến luyến chẳng rời người bố: áp sát vào người, ôm chặt lấy cổ, áp chặt má, bố đi vắng thì *“khóc suốt từ sáng đến tối”*  🡪 Tình cảm giữa họ là tình cảm chân thành thắm thiết của hai con người đều phải chịu nhiều mất mát lớn lao trong chiến tranh. Họ gặp nhau một cách ngẫu nhiên nhưng khi gặp nhau rồi thì gắn bó khăng khít với nhau, bù đắp cho nhau.  - Điểm nhìn của tác giả và nhân vật Xô – lô – cốp hoàn toàn trùng khớp nhau:  *“Cái chính ở đây là phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính ở đây là đừng làm tổn thương em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lăn trên má anh”*  🡪 Cần phải tổ chức cuộc sống như thế nào để trẻ em được sung sướng, hạnh phúc; phải chăm sóc cho bao đứa trẻ bất hạnh vì chiến tranh. |
| **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Qua cuộc gặp gỡ và trò chuyện với cậu bé Va – ni – a, anh biết được những gì về hoàn cảnh của cậu bé?  +An-đrây đã nhận bé Va-ri-a làm con như thế nào? Điều gì đã khiến anh có quyết định nhanh chóng như vậy?  + Từ khi hai người gặp nhau, cuộc sống của họ thay đổi như thế nào?  + Thông điệp tác giả gửi gắm?  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức |
| **\*Thao tác 3: GV định hướng để HS phân tích Xô-cô-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Cuộc sống của Xô – cô – lốp sau khi nhận chú bé làm con diễn biến như thế nào? Anh gặp phải những khó khăn gì?  **+**Nỗi đau về tinh thần ám ảnh anh như thế nào?  + Vẻ đẹp của con người Nga qua nhân vật Xô – cô – lốp.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức | **3. Xô-cô-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn**  - Sô – lô – khốp là nhà văn hiện thực nghiêm khắc, ông không tô hồng cuộc sống khó khăn mà Xô-cô-lốp phải vượt qua:  Xe anh quét nhẹ phải con bò nhưng anh bị tước bằng, bị mất việc, phải đi phiêu bạt để kiếm sống.  - Thể chất anh cũng dần yếu đi: “*trái tim tôi đã suy kiệt, đã chai sạn vì đau khổ...”, “có khi tự nhiên nó nhói lên, thắt lại và giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi...”*  - Nỗi đau ám ảnh anh không dứt: “*hầu như đêm nào ... cũng chiêm bao thấy nhưng người thân quá cố”*, đêm nào thức giấc gối “*cũng ướt đẫm nước mắt”*  🡪 Anh đã và đang gánh chịu những nỗi đau không gì bù đắp nỗi, thời gian cũng không xoa dịu được vết thương lòng. Anh đã cứng cỏi nuốt thầm giọt lệ để cho bé Va – ni – a không phỉa khóc.  => Cái nhìn nhân đạo của tác giả.  **-** Tác giả thể hiện nghị lực kiên cường của Xô – lô – cốp trong cuộc đời thường đầy khó khăn sau chiến tranh.  - Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần càng làm nổi bật tấm lòng nhân đạo của anh. Trái tim anh rực sáng trong thế giới còn đầy hận thù và đau khổ.  🡪 Truyện khám phá và ca ngợi tính cách Nga *“con người có ý chí kiên cường*” và lòng nhân ái.  - Tác giả còn miêu tả con người bình thường với phẩm chất yêu nước tiềm tàng, thầm lặng.  - Khi chia tay với hai cha con Xô – lô- lốp, tác giả nghĩ ngay tới *“hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng cuả bão tố chiến tranh thổi bạt tới những mền xa lạ”*  🡪 Sô – lô – khốp nhắc nhở và kêu gọi sự quan tâm của xã hội đối với nhân cách con người và góp tiếng nói lên án chiến tranh phi nghĩa.  => Tác giả dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc |
| **\* Thao tác 4: GV định hướng cho HS tìm hiểu về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Nhận xét về cách xây dựng cốt truyện của tác giả?  + Trong truyện, người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả những gì? Miêu tả như vậy có tác dụng gì?  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức | **4. Nghệ thuật kể chuyện**  - Truyện được xây dựng theo lối truyện lồng trong truyện, có hai người kể là Xô – cô – lốp và tác giả.  🡪 Người kể chuyện phải tuân theo cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của nhân vật Xô – lô – cốp và trực tiếp bộc lộ tâm trạng.  - Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả bối cảnh và thời gian gặp gỡ nhân vật chính, khung cảnh thiên nhiên, chân dung các nhân vật, những ấn tượng và đánh giá về các nhân vật đó.  🡪 Tác giả không che giấu tình cảm, sự xúc động trước số phận con người.  - Thái độ của người kể còn bộc lộ ở đoạn trữ tình ngoại đề cuối truyện:  *+ Trữ tình ngoại đề:* là sự giãi bày cảm xúc, ấ tượng của nhà văn về những gì đã mô tả, phơi bày trước bạn đọc.  *+ “Hai con người ... kêu gọi”*  🡪 Tác giả bày tỏ lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường.  🡪 Đồng thời cũng xa lạ với lối kết thúc có hậu, tô hồng hiện thực mà báo trước những khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc.  🡪 Quan điểm của tác giả: *“Nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo ... khi viết, máu nóng nhà văn phải sôi lên...”*  => Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cả và lòng nhân hậu của mình. |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 3: III. TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu: Đ5**

**b.Nội dung:**

Tổ chức cho HS tự khái quát lại đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện**

**- GV chuyển giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân:

? Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?

? Thử liên hệ với một số tác phẩm cùng viết về nỗi đau sau chiến tranh của văn học Việt Nam.

* **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS phát hiện, đánh giá.

**- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**: GV gọi HS trả lời.

* **GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu**: **Đ3,Đ4, N1,V1**
2. **Nội dung:** HS phát biểu về thông điệp của văn bản truyện.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

**?** Thông qua cuộc đời của Xô – cô – lốp và bé Va – ni – a, nhà văn đã gửi gắm thông điệp nghệ thuật đầy xúc động, yêu thương và trân trọng về số phận con người. Thông điệp ấy được thể hiện rõ rệt nhất qua đoạn văn nào trong tác phẩm? Anh/chị hãy đọc diễn cảm đoạn văn đó và phát biểu cảm nhận của mình.

**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và kết luận :**

**🡪Gợi ý**

Qua đoạn văn trữ tình ngoại đề ở phần cuối tác phẩm, Sô – lô – khốp muốn nới với chúng ta: Bằng nghị lực, ý chí, con người vượt qua đau khổ, mất mát trong chiến tranh. Và con người vượt qua bất hạnh bằng chính tình yêu thương và lòng nhân ái.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu: N1,V1**
2. **Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

Viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh/chị về chủ đề: ***Tình thương có khả năng cứu rỗi nhân loại.***

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo vào tiết học sau hoặc nộp sản phẩm cho GV.**

**- GV nhận xét và kết luận .**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu: TỔNG HỢP**

(HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học).

1. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu thêm sau tiết học.
2. **Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS, đoạn văn HS đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một nhân vật trong đoạn trích đã học .

**+** Tìm đọc trọn vẹn truyện ngắn *Số phận con người.*

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: TIẾNG VIỆT**

**Tiết 70. Thứ tự tiết dạy theo KHDH:**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm vững đặc điểm của ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản hành chính để phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác: chính luận khoa học và nghệ thuật. | **Đ1** |
| **2** | Phân tích các bước thực hiện một văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính | **Đ2** |
| **3** | Lĩnh hội được văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính. | **Đ3** |
| **4** | Biết giao tiếp và đánh giá về các vấn đề của văn bản thuộc Phong cách ngôn ngữ hành chính. | **N1** |
| **5** | Có khả năng tạo lập một văn bản hành chính | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **6** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **7** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **8** | Có ý thức chú ý tìm hiểu văn bản hành chính để sử dụng trong cuộc sống. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **KĐ** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,** | I.Ngôn ngữ hành chính  II.Đặc trưng phong cách ngôn ngữ hành chính.  III.Ghi nhớ: | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan | qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4, N1,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1, V1** | **Lập biên bản 1 cuộc họp theo PCNN Hành chính** | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm, do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **TỔNG HỢP**  **MR** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**III.TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Đ1**

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi. **?** Kể tên những PCNN mà anh/chị đã được học từ lớp 10 đến nay?

**c. Sản phẩm:** PCNN sinh hoạt

* PCNN nghệ thuật
* PCNN chính luận
* PCNN báo chí

- PCNN khoa học

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

**?** Kể tên những PCNN mà anh/chị đã được học từ lớp 10 đến nay:

Mỗi loại PCNN, hãy lấy 1 ví dụ.

? Có bao giờ em viết đơn/giấy xin phép nghỉ học chưa? Vậy văn bản đó thuộc PCNN nào? Có thuộc 1 trong 5 PCNN đã học?

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trao đổi với bạn cùng bàn.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS phát biểu.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại, vào bài mới.
* GV dẫn vào bài mới về PCNN hành chính.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH LÀ GÌ?**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, Đ3**

**b**.**Nội dung: 1. Tìm hiểu văn bản 1, 2 3 trong sgk**

a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên:

+ Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban hành điều lệ bảo hiểm y tế). Gần với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) như: thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…

+ Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT- tạm thời). Gần với giấy chứng nhận là các loại băn bản như: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…

+ Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gần với đơn là các loại văn bản khác như: bản khai, báo cáo, biên bản,…

b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản:

+ Giống nhau: Các văn bản đều có tính pháp lí, là cơ sở để giải quyết những vấn đề mang tính hành chính, công vụ.

+ Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng thực hiện khác nhau.

**(TL của nhóm Nam Định)**

**c.Sản phẩm:**

a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên:

+ Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban hành điều lệ bảo hiểm y tế). Gần với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) như: thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…

+ Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT- tạm thời). Gần với giấy chứng nhận là các loại băn bản như: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…

+ Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gần với đơn là các loại văn bản khác như: bản khai, báo cáo, biên bản,…

b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản:

+ Giống nhau: Các văn bản đều có tính pháp lí, là cơ sở để giải quyết những vấn đề mang tính hành chính, công vụ.

+ Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng thực hiện khác nhau.

**\* Khái niệm ngôn ngữ hành chính:** Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **- Giáo viên giao nhiệm vụ:**  + GV lần lượt chỉ định từng HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó nêu câu hỏi tìm hiểu:  a) Kể thêm các văn bản cùng loại với các văn bản trên.  b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản trên là gì?  + Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn HS rút ra khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính.  **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS làm việc cá nhân.**  **- HS báo cáo.** |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: Tìm hiểu đặc điểm của ngôn ngữ hành chính.**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3**

**b.Nội dung:** HS trả lời câu hỏi để tìm hiểu các đặc trưng của PCNN hành chính.

**c.Sản phẩm:**

**1. Tính khuôn mẫu**

Tính khuôn mẫu thể hiện ở kết cấu 3 phần thống nhất:

a) Phần mở đầu gồm:

+ Quốc hiệu và tiêu ngữ.

+ Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

+ Địa điểm, thời gian ban hành văn bản.

+ Tên văn bản- mục tiêu văn bản.

b) Phần chính: nội dung văn bản.

c) Phần cuối:

+ Địa điểm, thời gian (nếu chưa đặt ở phần đầu).

+ Chữ kí và dấu (nếu có thẩm quyền).

*Chú ý:*

+ Nếu là đơn từ, kê khai thì phần cuối nhất thiết phải có chữ kí, họ tên đầy đủ của người làm đơn hoặc khai.

**2. Tính minh xác**

Tính minh xác thể hiện ở:

+ Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. Tính chính xác về ngôn từ đòi hỏi đến từng dấu chấm, dấu phẩy, con số, ngày tháng, chữ kí,…

+ Văn bản hành chính không được dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ, không dùng các biện pháp tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý, không xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa.

**3. Tính công vụ**

Tính công vụ thể hiện ở:

+ Hạn chế tối đa những biểu đạt tình cảm cá nhân.

+ Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ mang tính ước lệ, khuôn mẫu.

VD: kính chuyển, kính mong, trân trọng kính mời,…

+ Trong đơn từ của cá nhân, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là các từ ngữ biểu cảm.

VD: trong đơn xin nghỉ học, xác nhận của cha mẹ, bệnh viện có giá trị hơn những lời trình bày có cảm xúc để được thông cảm

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV yêu cầu HS đọc lại các văn bản ở tiết học trước và phân tích tính khuôn mẫu của các văn bản đó.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.  **\*Tìm hiểu đặc trưng tính minh xác của phong cách ngôn ngữ hành chính**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  ? Tính minh xác của văn bản hành chính thể hiện ở những điểm nào? Nếu không đảm bảo tính minh xác thì điều gì sẽ xảy ra?  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức  **\*Tìm hiểu đặc trưng tính công vụ của phong cách ngôn ngữ hành chính**  -**Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  ? Tính công vụ thể hiện như thế nào trong văn bản hành chính? Trong đơn xin nghỉ học, điều gì là quan trọng- cảm xúc của người viết hay xác nhận của cha mẹ, bệnh viện?  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chuẩn kiến thức. | **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** **Đ4, N1**
2. **Nội dung:** HS thực hành các bài tập trong và ngoài SGK.
3. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS

***Bài tập 1:***

Một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường: Đơn xin nghỉ học, *Biên bản sinh hoạt lớp, Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận, Sơ yếu lí lịch, Bằng tốt nghiệp THCS, Giấy khai sinh, Học bạ, Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10, Bản cam kết…, Giấp mời họp,…*

***Bài tập 2:*** Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lược trích- SGK).

Những đặc điểm tiêu biểu:

+ Trình bày văn bản: 3 phần

- Phần đầu gồm: tên hiệu nước, tên cơ quan ra quyết định, số quyết định, ngày… tháng… năm…, tên quyết định.

- Phần chính: *Bộ trưởng… căn cứ… theo đề nghị… quyết định: điều 1…, điều 2…, điều 3…*

- Phần cuối: người kí (kí tên đóng dấu), nơi nhận.

+ Từ ngữ: dùng những từ ngữ hành chính (quyết định về việc…, căn cứ nghị định…, theo đề nghị của,… quyết định, ban hành kèm theo quyết định, quy định trong chỉ thị, quyết định có hiệu lực, chịu trách nhiệm thi hành quyết định,…

+ Câu: sử dụng câu văn hành chính (toàn bộ phần nội dung chỉ có một câu).

***Bài tập 4:***

Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:

+ Tiêu đề.

+ Kính gửi (Đoàn cấp trên).

+ Lí do xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Những cam kết.

+ Địa điểm, ngày… tháng… năm…

+ Người viết kí và ghi rõ họ tên.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm:**

Nhiệm vụ chung: ghi vào phiếu học tập câu trả lời cho các BT sau:

+ ***Bài tập 1:*** Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị)

+ ***Bài tập 2:*** Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lược trích- SGK).

+ ***Bài tập 4:***

Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:

**- HS làm việc nhóm khoảng 5 phút**

**- HS đại diện các nhóm báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn hóa kiến thức, cho điểm HS.**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu: N1, V1**
2. **Nội dung:** HS ghi biên bản một cuộc họp theo PCNN hành chính.
3. **Sản phẩm:** Một biên bản HS đã hoàn thiện
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

? Anh/chị hãy ghi biên bản một cuộc họp theo PCNN hành chính

Yêu cầu của biên bản một cuộc họp: chính xác về thời gian, địa điểm, thành phần. Nọi dung cuộc họp cần ghi vắn tắt nhưng rõ ràng. Cuối biên bản cần có chữ kí của chủ tọa và thư kí cuộc họp.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo vào tiết học sau hoặc nộp sản phẩm cho GV.**

**- GV nhận xét.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu: TH**

(HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học).

1. **Nội dung:** Tập viết các VB thuộc PCNN hành chính. Trao đổi với bạn để sửa chữa cho nhau.
2. **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Tập viết các VB thuộc PCNN hành chính. Trao đổi với bạn để sửa chữa cho nhau.

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy :**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 71 - 72**: **TT tiết dạy theo KHDH:**

**ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ**

**(Trích) - (Ơ. Hê-minh-uê) -**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Cảm nhận được vẻ đẹp không những của lão ngư phủ đơn độc và dũng cảm mà cả vẻ đẹp của *“nhân vật”* cá kiếm – kì phùng địch thủ của ông. | **Đ1** |
| **2** | Làm quen với với một nét độc đáo trong nghệ thuật văn xuôi của Hê-minh-uê: từ những chi tiết giản dị, chân thực của một cuộc săn bắt cá, gợi mở những tầng ý nghĩa rộng lớn, khiến cho hai “nhân vật” chính mang một ý nghĩa biểu tượng. | **Đ2** |
| **3** | Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong đoạn trích.. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ5** |
| **6** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của đoạn trích. | **Đ6** |
| **7** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Ông già và biển cả.* | **N1** |
| **8** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. |  |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM ,TRUNG THỰC** | | |
| **11** | - Sống có lí tưởng, đủ bản lĩnh, vượt lên mọi thử thách trong cuộc sống | **TN**  **TT** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**IITIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10 phút) | **Kết nối** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản *Ông già và biển cả.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,**  **GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung.**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  1.Những vòng lượn của con cá kiếm.  2.Hình tượng ông lão đánh cá.  3.Ý nghĩa tảng băng trôi.  **III.Tổng kết**:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ5 –Đ6, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (10 phút)** | **N1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu: KẾT NỐI KIẾN THỨC**
2. **Nội dung:** Tổ chức trò chơi nhìn tranh đoán thông điệp.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. HS phát biểu cá nhân. (Phương pháp trình bà 1 phút, công não)
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** GV đưa ra yêu cầu:

HS nhìn tranh và nêu những suy nghĩ, cảm nhận về bức tranh (thông điệp, nội dung mà bức tranh mang đến cho em):



**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp.

**- Báo cáo sản phẩm:** GV gọi một vài HS trả lời.

* **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại, vào bài mới.

**🡪Đây là hình ảnh của “tảng băng trôi” – 1 phần nổi, 7 phần chìm.**

Dựa vào hiện tượng vật lí, khi một tảng băng trôi trên đại dương, chỉ có một phần nổi trên bề mặt, bảy phần chìm khuất, Hê-minh-uê nêu lên nguyên lí "tảng băng trôi- chỉ cách viết ngắn gọn, hàm súc, ngụ ý chỉ mạch ngầm văn bản hay các lớp nghĩa chưa được phô bày trực tiếp trong tác phẩm.

Ta sẽ hiểu rõ hơn về cách viết này qua tìm hiểu tác phẩm “Ông già và biển cả”- cuốn tiểu thuyết tiêu biểu cho lối viết “tảng băng trôi” của Hê – minh – uê.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,Đ2,N1,GT-HT,GQVĐ**

Giúp HS hình thành những kiến thức khái quát về tác giả Hê – minh - uê và tiểu thuyết ngắn *Ông già và biển cả.*

b.**Nội dung: Trả lời câu hỏi cá nhân về:**

-Những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Hê – minh - uê.

-HCST, tóm tắt tiểu thuyết ngắn *Ông già và biển cả...*

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\* Bước 1: Tổ chức tìm hiểu chung**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả.**  **\*CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- Giáo viên giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu 1 HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK) và nêu những ý chính về Hê-ming-uê.  **- HS làm việc cá nhân.**  **- HS báo cáo.**  **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**  **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác phẩm *Ông già và biển cả.***  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  + HS nêu HCST của tiểu thuyết, vị trí đoạn trích SGK, khái quát chủ đề.  + GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản. Tóm tắt đoạn trích.  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức** | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  **-** Ơ-nit Hê-ming-uê (1899- 1961) sinh tại bang I-li-noi trong một gia đình trí thức.  - Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đi làm phóng viên.  - 19 tuổi, ông tham gia đội xe cứu thương của Hội chữ thập đỏ trong Chiến tranh thế giới thứ nhất ở chiến trường I-ta-li-a, sau đó ông bị thương và trở về Hoa Kì.  - Ông thất vọng về xã hội đương thời, tự nhận mình thuộc *thế hệ mất mát*, không hòa nhập với xã hội đương thời và đi tìm bình yên trong men rượu và tình yêu.  - Sau đó, ông sang Pháp, vừa làm báo vừa bắt đầu sáng tác.  - Năm 1926, ông sáng tác tiểu thuyết *Mặt trời vẫn mọc* và nổi tiếng từ đó.  - Ông để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ với nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ và nhiều hồi kí, ghi chép.  - Những tác phẩm nổi tiếng của Hê-ming-uê:  + Mặt trời vẫn mọc (1926),  + Giã từ vũ khí (1929),  + Chuông nguyện hồn ai (1940).  + Ông già và biển cả (1952).  - Hê-minh-uê là nhà văn lỗi lạc nhất nước Mĩ vào thế kỉ XX, ông khai sinh lối viết kiệm lời, kiệm cảm xúc.  - Ông là người đề ra nguyên lí sáng tác *“tảng băng trôi”:*  + Dựa vào hiện tượng tự nhiên: tảng băng trên mặt nước chỉ có ba phần nổi, bảy phần chìm.  + Nhà văn phải hiểu biết cặn kẻ về điều muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại những phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc vẫn có thể hiểu được những gì tác giả đã lược bỏ.  + Người đọc phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được *“bảy phần chìm”*, những hình tượng, những hình ảnh, … giàu tính tượng trưng đa nghĩa.  - Dù viết về đề tài gì, Châu Phi hay Châu Mĩ, Huê-minh-uê đều nhằm mục đích “*viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người”.*  - Ông đã nhận được Giải thưởng Pu-lit-dơ năm 1953- Giải thưởng văn chương cao qúy nhất của Hoa Kì và Giải thưởng Nô-ben về văn học.    **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Năm 1952, sau gần 10 năm sống ở Cu-ba, Huê-minh-uê cho ra đời tác phẩm *Ông già và biển cả.*  - Bối cảnh của truyện là ngôi làng chìa yên ả bên cảng La-ha-ba-na. Nguyên mẫu của nhân vật Xan-ti-a-go là người thủy thủ trên tàu của ông.  - Trước khi in thành sách, tác phẩm đã được đăng trên tạp chí *Đời sống*.  - Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben.  - Tác phẩm tiêu biểu cho lối viết *"Tảng băng trôi"* của Huê-minh-uê.  **b. Vị trí đoạn trích;**  Đoạn trích nằm ở cuối truyện, kể lại việc lão Xan-ti-a-go đổi theo và bắt được con cá kiếm.  **c. Tóm tắt:**  - Một ông lão đánh cá tên là Xan-ti-a-go đã nhiều ngày không kiếm được một con cá nào.  - Trong một chuyến đi biển “rất xa”, lão đã câu được một con cá kiếm cực lớn, cực đẹp. Nhưng con cá quá khỏe đã lôi lão ra ngoài khơi.  - Vật lộn với con cá ba ngày liền, lão kiệt sức. Lão quyết định đâm chết nó  - Nhưng trên đường về, lão phải chiến đấu với đàn cá mập dữ tợn đến ăn con cá kiếm. Cuộc chiến không cân sức và cuối cùng lão chỉ mang về được bộ xương của con cá kiếm.  - Lão trở về lều và nằm vật ra. Chú bé Ma-nô-lin gọi các bạn chài đến chăm sóc lão. Lão ngủ thiếp đi và mơ về *“những con sư tử”* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**1.Nội dung 1: Tìm hiểu con cá kiếm**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.Nội dung:** Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con cá kiếm.

**- Hoàn thiện sơ đồ tư duy:**

**PHIẾU HỌC TẬP: HÌNH TƯỢNG CON CÁ KIẾM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Góc nhìn* | *Hình tượng cá kiếm* |
| Thiên nhiên |  |
| Cuộc sống con người |  |
| Nghệ thuật |  |

**c.Sản phẩm:**

**Hình tượng con cá kiếm**

1. **Một con cá rất lớn và đẹp**

* Tạo ấn tượng qua những vòng lượn tròn rất lớn.
* “Một cái bóng đen vượt dài qua dưới con thuyền”, “lão không thể tin nổi độ dài của nó”.
* “Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm”
* “thân hình đồ sộ và những sọc dài màu tía”, “bộ vây to sụ bên sườn xòe rộng”.
* “Con cá lớn đến nỗi trông như thể lão buộc một con thuyền khác lớn hơn nhiều vào con thuyền mình”.

1. **Một con cá khôn ngoan, đầy sức mạnh**

* Khi đã mắc câu, con cá bắt đầu chậm rãi lượn vòng hai tiếng đồng hồ, có lúc lại quật đột ngột.
* Khi đã mệt, nó lại “lượn vòng chầm chậm”.
* Có lúc ông lão tưởng như đã kìm được con cá, nhưng nó lại lật thẳng mình, từ từ bơi ra xa.

Con cá khiến lão cảm thấy “hoa mắt”, “chóng mặt”, “choáng váng”

1. **Con cá đầy kiêu hùng, bất khuất**

* Những vòng lượn thể hiện cố gắng cuối cùng của nó muốn thoát ra khỏi sự bủa vây của người ngư phủ.
* Nó “phóng vút lên khỏi mặt nước phô hết tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực. Nó dường như treo lơ lửng trong không trung….rơi sầm xuống làm nước bắn tung trùm lên cả ông lão và chiếc thuyền”.
* *Con cá kiếm là “hình tượng văn học mang tính người”, toát lên vẻ đẹp của sự kiêu dũng, hiên ngang, bất khuất.*
* *Vẻ đẹp của cá kiếm có ý nghĩa tôn vinh vẻ đẹp và sức mạnh của con người. Con cá là đối thủ ngang tài của ông lão Xan – ti – a – gô. Con cá càng mạnh mẽ, oai dũng thì chiến thắng của ông lão càng vinh quang. Tầm vóc của con người vì thế mà cũng trở nên lớn lao hơn.*

\***Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm:**

* Biểu tượng cho vẻ đẹp và sức mạnh của tự nhiên.
* Biểu tượng cho những ước mơ, khát vọng mà con người theo đuổi.
* Biểu tượng cho những ước mơ sáng tạo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **Thảo luận theo 4 nhóm**:  + Thống kê nhanh các chi tiết nhà văn miêu tả con cá kiếm và nêu nhận xét, đánh giá về con cá này?  + Phát hiện những ý nghĩa biểu tượng của hình tượng cá kiếm từ các góc nhìn khác nhau, điền vào phiếu học tập.  + Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm?  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức | **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **- Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. |

1. **Tìm hiểu nhân vật ông lão đánh cá**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.Nội dung:** HS trả lời câu hỏi (thảo luận theo bàn) tìm hiểu nhân vật ông lão đánh cá.

**c.Sản phẩm:**

1. **Hình tượng ông lão đánh cá**
2. **Nguyên nhân chiến thắng**

* **Sự điêu luyện trong tay nghề**

+ Cảm nhận con cá qua các vòng lượn, qua áp lực của sợi dây.

+ Nhìn vào độ căng chùng của sợi dây, biết phải kéo vào hoặc nới ra.

+ Hành động phóng lao trúng tim con cá

* **Niềm tin, ý chí, nghị lực**

+ Luôn vững tin sẽ khuất phục được con cá.

+ Luôn động viên mình

**🡪** *Qua hình tượng ông lão Xan – ti – a – gô, tác giả khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp và sức mạnh của con người. Đồng thời thể hiện niềm tin tưởng vào thắng lợi của con người trên hành trình chinh phục thử thách.*

***b. Thái độ của ông lão với con cá kiếm:***

- Ông không chỉ cảm nhận con cá bằng thị giác và xúc giác, không chỉ bằng động tác mà còn bằng cả trái tim, sự cảm thông.

+ Ông lão làm nghề câu cá, bắt được cá là mục đích, là cuộc sống của ông. Nhưng ông yêu quy nó như *“người anh em”*, gọi nó là *“cu cậu”* rất than mật.

+ Con cá là hiện thân của cái đẹp, nhưng vì sự tồn tại của mình mà ông phải tiêu diệt nó, hủy hoại cái thân yêu, quy trọng nhất của đời mình.

🡪 Bi kịch tinh thần của ông lão.

- Sự cảm nhận của ông lão về *“đối thủ”* không nhuốm màu thù hận, không chỉ có quan hệ giữa người đi câu và con cá câu được mà ngược lại:

+ Đó là sự chiêm ngưỡng, sự cả kích trước vẻ đẹp và sự cao quy‎ của con cá.

*“Tao chưa hề thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ.”*

+ Đó là quan hệ giữa hai kì phùng địch thủ, ngang tài ngang sức, đều nỗ lực hết mình.

+ Đó là quan hệ giữa con người và cái đẹp, cái mơ ước.

🡪 Vẻ đẹp cao thượng trong tâm hồn ông lão.

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **Thảo luận theo bàn**:  + Thống kê nhanh các chi tiết nhà văn miêu tả con cá kiếm và nêu nhận xét, đánh giá về con cá này?  + Phát hiện những ý nghĩa biểu tượng của hình tượng cá kiếm từ các góc nhìn khác nhau, điền vào phiếu học tập.  + Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm?  **- Đánh giá, nhận xét** **sản phẩm.** | **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **- Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. |

**3.Hướng dẫn HS tổng kết.**

**a.Mục tiêu: Đ5**

**b.Nội dung: HS trả lời cá nhân để tìm ra nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.**

1. **c. Sản phẩm: Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích**

**a-Ngôn ngữ :** Ngôn ngữ có sự kết hợp giữa người dẫn chuyện và ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật : Độc thoại nội tâm và đối thoại hướng đến cá kiếm..

**b-Văn tả kết hợp với kể, tạo ra nhiều “khoảng trống” :**

Ví dụ khi tả sợi dây câu : “…Thế rồi sợi dây câu thoát đi mất […]🡪có thể hiểu thêm là : Lão sợ sợi dây đứt nên buông dây ra…

-> Giúp người đọc như trực tiếp chứng kiến sự việc, và bình luận về tác phẩm.

**c-Xây dựng biểu tượng:** đối lập, tương đồng rất độc đáo.(cá kiếm và ông lão )

🡺*Nghệ thuật bậc thầy viết văn của Hê-minh-uê .🡪Biểu hiện Nguyên lí sáng tác : tác phẩm nghệ thuật như một “ tảng băng trôi ”.*

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  HS rút ra những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.  **- Đánh giá, nhận xét** **sản phẩm.** | **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.  **- Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP.**

1. **Mục tiêu: Đ6,N1**
2. **Nội dung:**

+ HS lí giải nguyên lí tảng băng trôi trong tác phẩm.

+ Hướng dẫn HS thực hành các bài tập SGK.

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
2. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS tìm ra *một phần nổi, bảy phần chìm* của tác phẩm theo nguyên lí tảng băng trôi?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**\**Một phần nổi, bảy phần chìm* của tác phẩm theo nguyên lí tảng băng trôi:**

- **Phần nổi** của "*tảng băng trôi*": hành trình theo đuổi, chiến đấu để bắt được con cá kiếm của ông lão Xan-ti-a-gô.

- **Phần chìm** của "*tảng băng trôi*":

   + Hành trình theo đuổi và thực hiện ước mơ giản dị nhưng lớn lao của con người.

   + Hành trình khám phá vẻ đẹp và chinh phục thiên nhiên của con người.

   + Hành trình vượt qua thử thách để đến với thành công.

   + Con đường đến với thành công hiếm khi bằng phẳng.

   + Cần phải chinh phục tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống của con người nhưng cũng chớ coi thường thiên nhiên. Thiên nhiên là kẻ thù nhưng cũng là bạn của con người. Chiến đấu hết mình để giành thắng lợi trước các lực lượng của tự nhiên nhưng cũng phải biết sống hoà hợp với thiên nhiên.

   + Bài học về niềm tin vào bản thân, vào sức mạnh và khả năng tồn tại của con người trong cuộc sốn

**\*GV hướng dẫn HS các bài tập phần Luyện tập – SGK:**

1. **Bài tập 1:**

GV yêu cầu HS đọc lại đoạn trích và thảo luận vấn đề: Ngoài việc miêu tả bằng lời của người kể chuyện, còn có loại ngôn ngữ nào trực tiếp nói lên hành động và thái độ của ông lão trước con cá kiếm nữa không? Sử dụng loại ngôn ngữ này có tác dụng gì khi nói lên mối quan hệ giữa ông lão và con cá kiếm?

- HS làm việc cá nhân với văn bản rồi thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

**🡪 Gợi ý**

- Ngoài việc miêu tả bằng lời của người kể chuyện, còn có loại ngôn ngữ của ông lão trước con cá kiếm

- Mối quan hệ giữa ông lão và con cá kiếm: dưới mắt ông, con cá kiếm giống như một con người, một người bạn tâm tình, một đối thủ đáng kể.

**2. Bài tập 2:**

**GV** yêu cầu học sinh nhận xét về nhan đề dịch chưa thật sát nghĩa của đoạn trích.

HS tự do phát biểu.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

1. **Mục tiêu: N1,V1**
2. **Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

\* Rút ra cho bản thân những bài học sau khi học xong đoạn trích.

\* Viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh/chị về câu nói của ông lão Xan – ti – a – gô: “*Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại*”.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo vào tiết sau.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a.Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b.Nội dung:** HS viết thành một bài văn hoàn chỉnh đểphát biểu cảm nghĩ về một nhân vật trong đoạn trích đã học .

**c..Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật trong đoạn trích đã học .

**+** Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm

**- HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.

**- HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**Tiết 73,74. Thứ tự tiết dạy theo KHDH:**

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Liệt kê lại những bài học về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã được học trong chương trình Ngữ văn THPT (từ lớp 10 đến hết lớp 12) | **Đ1** |
| **2** | Hệ thống hoá nâng cao những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ: các nhân tố giao tiếp, các quá trình giao tiếp, dạng ngôn ngữ nói và viết, nghĩa là của câu trong giao tiếp | **Đ2A** |
| **3** | Cách thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp. | **Đ3** |
| **4** | Sử dụng thành thạo Tiếng Việt để giao tiếp . | **N1** |
| **5** | Tạo lập các văn bản bằng Tiếng Việt đúng chuẩn mực | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **6** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **7** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **8** | Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt, có trách nhiệm làm cho tiếng Việt ngày càng phong phú. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, N1GT-HT,GQVĐ** | 1. Hệ thống hóa kiến thức.  2.Thực hành. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm, qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3, N1,V1, GQVĐ.** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Đ1**

**b. Nội dung:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ

**c.*.*Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ

*Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (SGK Ngữ văn 10)*

*Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (SGK ngữ văn 10)*

*Ngữ cảnh (SGK Ngữ văn 11)*

*Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân (SGK Ngữ văn 11)*

*Nghĩa của câu (SGK Ngữ văn 11)*

*Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (SGK Ngữ văn 12)*

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ**: Liệt kê lại những bài học về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã được học trong chương trình Ngữ văn THPT (từ lớp 10 đến hết lớp 12)?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn**

**HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**

1. **Mục tiêu**:

+ Ôn tập hệ thống hoá nâng cao những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ: các nhân tố giao tiếp, các quá trình giao tiếp, dạng ngôn ngữ nói và viết, nghĩa là của câu trong giao tiếp

+ Cách thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp.

**b**.**Nội dung:** GV giúp HS hệ thống hóa lại các đơn vị kiến thức về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ từ lớp 10.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV hệ thống hóa kiến thức bằng cách nêu một số câu hỏi để HS trả lời:  1) Giao tiếp là gì? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?  2) Phân biệt sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?  3) Thế nào là ngữ cảnh? Ngữ cảnh bao gồm những nhân tố nào?  4) Nhân vật giao tiếp có vai trò và đặc điểm gì?  5) Tại sao nói ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân.  6) Thế nào là nghĩa của câu? Câu có mấy thành phần nghĩa? Là những thành phần nào? Đặc điểm của mỗi thành phần?  7) Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?  *- HS ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.*.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide. | **I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**  **1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**  + Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động.  + Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm hai quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện; quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thể diễn ra đồng thời tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua văn bản viết).  **2. Nói và viết**  Hai dạng nói và viết có sự khác biệt:  + Về điều kiện để tạo lập và lĩnh hội văn bản.  + Về đường kênh giao tiếp.  + Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết).  + Về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết).  + Về dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,…  **3. Ngữ cảnh**  + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản.  + Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực được đề cập đến và văn cảnh.  **4. Nhân vật giao tiếp**  Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời.  Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phương diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa,… Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.  **5. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân**  Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói- những sản phẩm cụ thể của cá nhân. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Cá nhân sử dụng tài sản chung đồng thời cũng làm giàu thêm cho tài sản ấy.  **6. Nghĩa của câu**  Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa.  + Nghĩa của câu là nội dung mà câu biểu đạt.  + Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhạn, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.  **7. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**  Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kĩ năng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:  + Mỗi cá nhân cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực.  + Vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các phương thức chung.  + Khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nước ngoài. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP.**

1. **Mục tiêu: Đ3**
2. **Nội dung:** HS thực hiện thảo luận theo nhóm bài tập trong SGK:
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu HS đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các yêu cầu.

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức:**

1) Phân tích sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào? (lời nhân vật và lời tác giả).

2) Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến nội dung và cách thức nói trong lượt lời nói đầu tiên của lão Hạc.

3) Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cạu mới biết là cu cậu chết!".

4) Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó.

- HS đọc kĩ đoạn trích, thảo luận về các yêu cầu đặt ra, phát biểu ý kiến và tranh luận trước lớp.

**Gợi ý**

**1.** Sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lão Hạc (nói)** | **Ông giáo (nói)** |
| *- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!* | *- Cụ bán rồi?* |
| *- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.* | *- Thế nó cho bắt a?* |
| *- Khốn nạn… nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!* | *- Cụ cứ tưởng thế …để cho nó làm kiếp khác.* |
| *- Ông giáo nói phải!... như kiếp tôi chẳng hạn!* | *- Kiếp ai cũng thế thôi… hơn chăng?* |
| *- Thế thì… sướng?* |  |

Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết:

+ Hai nhân vật: lão Hạc và ông giáo luân phiên đổi vai lượt lời. Lão Hạc là người nói trước và kết thúc sau nên số lượt nói của lão là 5 còn số lượt nói của ông giáo là 4. Vì tức thời nên có lúc ông giáo chưa biết nói gì, chỉ "hỏi cho có chuyện" (*Thế nó cho bắt à?*)

+ Đoạn trích rất đa dạng về ngữ điệu: ban đầu lão Hạc nói với giọng thông báo (*Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!*), tiếp đến là giọng than thở, đau khổ, có lúc nghẹn lời (…), cuối cùng thì giọng đầy chua chát (…). Lúc đầu, ông giáo hỏi với giọng ngạc nhiên (*- Cụ bán rồi?)*, tiếp theo là giọng vỗ về an ủi và cuối cùng là giọng bùi ngùi.

+ Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở đoạn trích trên, nhân vật giao tiếp còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ, nhất là nhân vật lão Hạc: lão "cười như mếu", "mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra… ).

+ Từ ngữ dùng trong đoạn trích khá đa dạng nhất là những từ mang tính khẩu ngữ, những từ đưa đẩy, chêm xen (đ*i đời rồi, rồi, à, ư, khốn nạn, chả hiểu gì đâu, thì ra,…*).

+ Về câu, một mặt đoạn trích dùng những câu tỉnh lược (Bán rồi! Khốn nạn…Ông giáo ơi!), mặt khác nhiều câu lại có yếu tố dư thừa, trùng lặp (*Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Thì ra tôi bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó., …*).

**2.** Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng biệt chi phối đến nội dung và cách thức giao tiếp:

+ Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, cô đơn. Vợ chết. Anh con trai bỏ đi làm ăn xa. Lão Hạc chỉ có "cậu vàng" là "người thân" duy nhất.

Ông giáo là một trí thức nghèo sống ở nông thôn. Hoàn cảnh của ông giáo cũng hết sức bi đát.

Quan hệ giữa ông giáo và lão Hạc là quan hệ hàng xóm láng giềng. Lão Hạc có việc gì cũng tâm sự, hỏi ý kiến ông giáo.

+ Những điều nói trên chi phối đến nội dung và cách thức nói của các nhân vật. Trong đoạn trích, ở lời thoại thứ nhất của lão Hạc ta thấy rất rõ:

- Nội dung của lời thoại: Lão Hạc thông báo với ông giáo về việc bán "cậu vàng".

- Cách thức nói của lão Hạc: "nói ngay", nói ngắn gọn, thông báo trước rồi mới hô gọi (ông giáo ạ!) sau.

- Sắc thái lời nói: Đối với sự việc (bán con chó), lão Hạc vừa buồn vừa đau (gọi con chó là "cậu vàng", coi việc bán nó là giết nó: "đi đời rồi"). Đối với ông giáo, lão Hạc tỏ ra rất kính trọng vì mặc dù ông giáo ít tuổi hơn nhưng có vị thế hơn, hiểu biết hơn (gọi là "ông" và đệm từ "ạ" ở cuối).

**3.** Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cạu mới biết là cu cậu chết!":

- Nghĩa sự việc: thông báo việc con chó biết nó chết (c8u cậu biết là cu cậu chết).

- Nghĩa tình thái:

+ Người nói rất yêu quý con chó (gọi nó là "cu cậu".

+ Việc con chó biết nó chết là một bất ngờ (bấy giờ… mới biết là…).

**4.** Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ nhà văn Nam Cao:

+ Hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật là hoạt động giao tiếp trực tiếp có sự luân phiên đổi vai lượt lời, có sự hỗ trợ bởi ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt,… Có gì chưa hiểu, hai nhân vật có thể trao đổi qua lại.

+ Hoạt động giao tiếp giữa nhà văn Nam Cao và bạn đọc là hoạt động giao tiếp gián tiếp (dạng viết). Nhà văn tạo lập văn bản ở thời điểm và không gian cách biệt với người đọc. Vì vậy, có những điều nhà văn muốn thông báo, gửi gắm không được người đọc lĩnh hội hết. Ngược lại, có những điều người đọc lĩnh hội nằm ngoài ý định tạo lập của nhà văn.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**Tiết 75- Thứ tự tiết dạy theo KHDH:**

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH VÀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC (NHƯ TIẾT 74)**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập hệ thống hoá nâng cao những kiến thức cơ bản về đặc điểm loại hình, lịch sử hình thành phát triển và các loại phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt.

- Cách thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp.

**2. Về năng lực**

**\*Năng lực đặc thù:** Năng lực ngôn ngữ

**\*Năng lực chung:**

- NL giao tiếp tiếng Việt ở cả hai quá trình: tạo lập và lĩnh hội văn bản.

- NL giải quyết vấn đề: Biết áp dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập, tình huống

**3. Về phẩm chất:**

- Có thái độ nghiêm túc khi học và ý thức được vai trò quan trọng của bài tổng kết kiến thức.

- Có tình cảm yêu mến, trân trọng hơn nữa tiếng Việt.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
2. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…
3. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip liên quan tới tác phẩm; Phiếu học tập,…
4. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.
2. **Nội dung:** Trả lời câu hỏi tái hiện kiến thức cũ.
3. **Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ**: **:**

Liệt kê lại những bài học về lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ đã được học trong chương trình Ngữ văn THPT (từ lớp 10 đến hết lớp 12)?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức:**

**Gợi ý**

* *Khái quát lịch sử tiếng Việt (SGK Ngữ văn 10)*
* *Đặc điểm loại hình của tiếng Việt (SGK Ngữ văn 11)*
* Các bài PCNN*:*

*+ PCNN sinh hoạt; PCNN nghệ thuật (SGK Ngữ văn 10)*

*+ PCNN báo chí; PCNN chính luận (SGK Ngữ văn 11)*

*+ PCNN khoa học; PCNN hành chính (SGK Ngữ văn 12)*

**HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**

1. **Mục tiêu**:

+ Ôn tập hệ thống hoá nâng cao những kiến thức cơ bản về đặc điểm loại hình, lịch sử hình thành phát triển và các loại phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt.

+ Cách thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp.

b.**Nội dung:** GV giúp HS hệ thống hóa lại các đơn vị kiến thức về lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ từ lớp 10.

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Thao tác 1: Tổ chức tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học.  **Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.  **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **I. TỔNG KẾT VỀ NGUỒN GỐC, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ ĐƠN LẬP**. |

**BẢNG ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn gốc và lịch sử phát triển** | **Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập** |
| a) Nguồn gốc: Tiếng Việt thuộc:  - Họ: ngôn ngữ Nam Á.  - Dòng: Môn- Khmer.  - Nhánh: Tiếng Việt Mường chung.  b) Các thời kì trong lịch sử:  - Tiếng Việt trong thời kì dựng nước.  - Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ.  - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì từ sau cách mạng tháng Tám đến nay. | a) Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.  b) Từ không biến đổi hình thái.  c) Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thao tác 2: Tổ chức tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản.**  **-Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **II. TỔNG KẾT VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ VĂN BẢN** |

***Bảng thứ nhất:***

**Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PCNG  sinh hoạt | PCNG  nghệ thuật | PCNG  báo chí | PCNG  chính luận | PCNG  khoa học | PCNG  hành chính |
| **Thể loại văn bản tiêu biểu** | -Dạng nói (độc thoại, đối thoại)  -Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ.  -Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học) | -Thơ ca, hò vè,…  -truyện, tiểu thuyết, kí,…  -Kịch bản,… | - Thể loại chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm.  - Ngoài ra: thư bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,… | -Cương lĩnh  - Tuyên bố.  -Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu.  -Các bài bình luận, xã luận.  -Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị,… | - Các loại văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,…  - Các văn bản dùng để giảng dạy các môn khoa học: giáo trình, giáo khoa, thiết kế bài dạy,…  - Các văn bản phổ biến khoa học: sách phổ biến khoa học kĩ thuật, các bài báo, phê bình, điểm sách,… | -Nghị định, thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…  -Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…  -Đơn, bản khai, báo cáo, biên bản,… |

***Bảng thứ hai:***

**Tên các phong cách ngôn ngữ và đặc trưng cơ bản của từng phong cách**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PCNG  sinh hoạt | PCNG  nghệ thuật | PCNG  báo chí | PCNG  chính luận | PCNG  khoa học | PCNG  hành chính |
| **Đặc trưng cơ bản** | - Tính cụ thể  -Tính cảm xúc.  - Tính cá thể | -Tính hình tượng.  -Tính truyền cảm.  -Tính cá thể hóa. | -Tính thông tin thời sự.  -Tính ngắn gọn.  -Tính sinh động, hấp dẫn. | - Tính công khai về quan điểm chính trị.  - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận.  - Tính truyền cảm, thuyết phục. | -Tính trừu tượng, khái quát.  -Tính lí trí, lôgíc.  -Tính phi cá thể. | -Tính khuôn mẫu.  -Tính minh xác.  -Tính công vụ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**.**

1. **Mục tiêu:** HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết bài tập
2. **Nội dung:** HS thực hiện thảo luận theo nhóm bài tập trong SGK:
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm bài tập 1,2 sgk

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| ***Bài tập 1:*** So sánh hai phần văn bản (mục 4- SGK), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.  *- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức để xác định và phân tích.*  *- HS thảo luận theo nhóm học tập, cử đại diện trình bày và tham gia tranh luận với các nhóm khác.* | ***Bài tập 1:*** Hai phần văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách ngôn ngữ khác nhau:  + Phần văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, lôgíc, tính phi cá thể.  + Phần văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa. |
| ***Bài tập 2:*** Đọc văn bản lược trích (mục 5- SGK) và thực hiện các yêu cầu:  a) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.  b) Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu văn bản.  c) Đóng vai một phóng viên báo hàng ngày và giả định văn bản trên vừa được kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy viết một tin ngắn theo phong cách báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản.  *- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trên.*  *- HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp để thảo luận.* | ***Bài tập 2:***  a) Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.  b) Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm:  + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gậưp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,…  + Về câu: văn bản sử dụng kiêểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ… căn cứ… xét đề nghị… quyết định I… II… III… IV… V… VI…  + Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần:  - Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày thánh năm, tên quyết định.  - Phần chính: nội dung quyết định.  - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái).  c) Tin ngắn:  *Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,… còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.* |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy**

**CHỦ ĐỀ: KỊCH HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**Tiết 76 ,77,78. Thứ tự tiết dạy theo KHDH:**

**HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

**(Trích)**

***(Lưu Quang Vũ)***

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | - Nắm được những nét cơ bản về tác giả , tác phẩm.  Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn , sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu ,thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục | **Đ1** |
| **2** | Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn , sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu ,thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục | **Đ2** |
| **3** | Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung vở kịch. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà tác giả Lưu Quang Vũ gửi gắm. | **Đ5** |
| **6** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của vở kịch: xung đột kịch. | **Đ6** |
| **7** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt.* | **N1** |
| **8** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRUNG THỰC, TRÁCH NHIỆM** | | |
| **11** | -Biết tự hoàn thiện bản thân về thể xác và tâm hồn .  - Biết kêu gọi, đấu tranh cho sự hoàn thiện vẻ đẹp nhân cách con người. | **TT**  **TN** |

**I.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung.**  **II.Đọc hiểu văn bản**.  1.Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt  2.Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và Đế Thích.  3.Nhân vật Trương Ba.  **III.Tổng kết**:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của vở kịch | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm. qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ6, N1, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tAác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TỔ CHỨC DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**



1. **Mục tiêu: Kết nối**
2. **Nội dung:** HS nhớ lại tác phẩm kịch đã học của Lưu Quang Vũ trong chương trình lớp 9 và phát biểu suy nghĩ:

? Trong chương trình Ngữ văn THCS, em đã được học những tác phẩm nào của tác giả Lưu Quang Vũ?

? Nêu khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của vở kịch *Tôi và chúng ta?*

? Qua trích đoạn kịch *Tôi và chúng ta* đã học và bằng hiểu biêt của em, em có thể cho biết những đề tài/chủ đề mà LQV thường hướng đến trong tác phẩm kịch của mình?

**c. Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ: Bài thơ *Bếp lửa* (Ngữ văn 9)

-Trích đoạn vở kịch *Tôi và chúng ta* (Ngữ văn 9)

\*Vở kịch “Tôi và chúng ta”:

*- Nội dung:*

+ Mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa hai phái đối lập, một bên là những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu với một bên là những tư tưởng tiến bộ, khát khao đổi mới.

  + Ý nghĩa của nó đối với thực tiễn phát triển của xã hội ta: Cần mạnh dạn đổi mới phương thức tổ chức, lề lối hoạt động.

- *Nghệ thuật*: Xây dựng thành công một tình huống kịch căng thẳng với những nút thắt, nhưng cuối cùng nút thắt lại được tháo bỏ và chiến thắng thuộc về phe đổi mới, tiến bộ.

\* Kịch LQV thường hướng đến những vấn đề xã hội, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí nhân sinh sâu sắc, từ đó hướng đến xóa bỏ những cái lạc hậu, bảo thủ,...

*Hồn Trương Ba da hàng thịt* là một vở kịch gây được tiếng vang lớn của LQV. Vậy qua tác phẩm, nhà văn đặt ra vấn đề gì, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu.

**d.Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

**- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp trong bàn.

**- Báo cáo sản phẩm:** HS phát biểu suy nghĩ .

- **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại, vào bài mới:

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: **Đ1**

**(**HS hình thành ‘những kiến thức khái quát về tác giả Lưu Quang Vũ và vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt”).

**b**.**Nội dung:**

* Nắm được những nét tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Lưu Quang Vũ .

Nắm được HCST, xuất xứ, tóm tắt được truyện ngắn vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt”; vị trí của đoạn trích SGK.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**



|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\*Tìm hiểu mục 1. Tác giả Lưu Quang Vũ**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Lưu Quang Vũ  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại qua trình chiếu các slide.  **Tìm hiểu mục 2: Tác phẩm *k”ịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt* “**  **--Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Nêu xuất xứ, HCST, tóm tắt đoạn trích.  + GV hướng dẫn cách đọc văn bản và gọi HS đọc 1 đoạn văn bản.  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.** | **I. Giới thiệu :**  **1. Tác giả :**  -Lưu Quang Vũ (1948- 1988) quê gốc ở Đà Nẵng, sinh tại Phú Thọ trong một gia đình trí thức.  - Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết truyện, viết tiểu luận,… và soạn kịch.  - Kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ.  🡪 Lưu Quang Vũ trở thành 1 hiện tượng đặc biệt của sân khấu, kịch trường những năm 80 của thế kỉ trước, nhà sọan kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật hiện đại.  - Tác phẩm chính: SGK  =>Lưu Quang Vũ được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.  **2. Tác phẩm :**  ***a) Xuất xứ :***  - Viết 1981, được công diễn 1984  - Vở kịch được hư cấu 1 cách sáng tạo từ 1 cốt truyện dân gian.  Tgiả mượn truyện dân gian, nhưng có nhiều sáng tạo :  - Ở truyện dân gian Hồn Trương Ba cứ việc sống trong xác anh hàng thịt một cách bình thường.  - Ở tp LQV đó sáng tạo:  + Diễn tả tâm trạng trớ trêu, nỗi đau khổ dày vò của Trương Ba.  + Quyết định cuối cùng giàu tính nhân văn .  ***b) Thể loại : Kịch***  - Phản ánh cuộc sống bằng những khám phá, phát hiện những mâu thuẫn xung đột trong đời sống rồi diễn đạt bằng hành động và ngôn ngữ đối thoại.  - Quá trình vận động của vở kịch gồm 4 giai đoạn: Thắt nút🡪 phát triển🡪 cao trào🡪 mở nút  ***c) Tóm tắt vở kịch***: Gồm 7 cảnh  **3. Đoạn trích*:***  - Trích từ cảnh 7 và phần kết của vở kịch  - Thuộc phần cao trào và mở nút trong quá trình vận động |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu:Đ2,Đ3,Đ4,Đ5**

- Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn , sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu ,thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

- Thấy được kịch Lưu Quang Vũ đặc sắc trên nhiều phương diện : sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu; sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống; sự phê phán mạnh mẽ quyết liệt và chất trữ tình đằm thắm, bay bổng.

**b.Nội dung:**

* Hướng dẫn HS tìm hiểu màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt , hồn Trương Ba với người thân và hồn Trương Ba với Đế Thích.
* Nhận xét về màn kết của vở kịch.

- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích kịch

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **\*Thao tác 1: Tìm hiểu màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt:**  **--Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm:**  + Cuộc đối thoại giữa 2 nhân vật Hồn – Xác bắt đầu trong hoàn cảnh, tình huống nào ?  + Nhận xét cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt ở các phương diện: Mục đích, cử chỉ, xưng hô, giọng điệu, vị thế.?  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** Thảo luận theo 4 nhóm.  **- Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.**  **\*Thao tác 2: Tìm hiểu màn đối thoại giữa hồn Trương Ba Ba với người thân**  **--Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Trước sự thay đổi của Trương Ba, phản ứng của vợ, cái Gái và người con dâu nào như thế nào ? Vì sao họ có thái độ như thế?  + Hãy so sánh tâm trạng Trương Ba ở màn đối thoại với xác hàng thịt. Từ đó nêu suy nghĩ của em về sự phát triển của xung đột kịch ?  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS làm việc cá nhân  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.**  **\*Thao tác 3: Tìm hiểu màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích :**  **--Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận theo bàn:**  - Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống?  - Lời thoại nào của hồn Trương Ba mà em cho là sự biến chuyển nhận thức của nhân vật và bộc lộ tư tưởng của tác giả?  - Ý nghĩa tư tưởng gì?  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS thảo luận theo bàn.  **- Báo cáo kết quả:** GV gọi đại diện một số bàn trả lời.  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.**  **\*Thao tác 3: Tìm hiểu màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích :**  **--Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong lời hồn Trương Ba nói với vợ Tôi vẫn ở đây… , 2 lời của cái Gái đã nói hộ tư tưởng gì của tác giả?  - **HS thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS suy nghĩ cá nhân.  **- Báo cáo kết quả.**  - **GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt kiến thức.** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt :**   |  |  | | --- | --- | | **Hồn Trương Ba** | **Xác hàng thịt** | | - ***Mục đích***:  Phủ định sự lệ thuộc của linh hồn vào xác thịt , coi xác thịt chỉ là cái vỏ bề ngoài, không có ý nghĩa. Khẳng định linh hồn vẫn có đời sống riêng: nguyên vẹn trong sạch, thẳng thắn.  ***- Cử chỉ :***  *Ôm đầu, đứng vụt dậy, nhìn chân tay, bịt tai lại*  🡪 Uất ức, tức giận, bất lực  ***- Xưng hô:***  *Mày – Ta*  🡪 Khinh bỉ, xem thường  ***- Giọng điệu:***  Giận dữ, khinh bỉ, mắng mỏ, đồng thời ngậm ngùi tuyệt vọng  ***- Vị thế:***  Bị động, kháng cự yếu ớt, đuối lí, tuyệt vọng 🡪 Người thua cuộc, chấp nhận trở lại xác hàng thịt | - ***Mục đích***:  Khẳng định sự âm u, đui mù của thể xác có sức mạnh ghê gớm, có khả năng điều khiển linh hồn cao khiết. Dồn Trương Ba vào thế đuối lí buộc phải thỏa hiệp, quy phục.  ***- Cử chỉ :***  *Lắc đầu*  🡪 Tỏ vẻ thương hại  ***- Xưng hô :***  *Ông – Tôi*  🡪 Ngang hàng, thách thức  ***- Giọng điệu:***  Ngạo nghễ thách thức, thì thầm ranh mãnh  ***- Vị thế:***  Chủ động đặt nhiều câu hỏi phản biện 🡪 Kẻ thắng thế, buộc được hồn Trương Ba quy phục mình |   **🡪** Là ẩn dụ về cuộc đấu tranh giữa tâm hồn và thể xác trong 1 con người. Đó là tiếng nói của bản năng và những tác động ghê gớm vào linh hồn. Linh hồn luôn đấu tranh để vượt lên những đòi hỏi không chính đáng của thể xác.  **-** Cảnh báo khi con người sống chung với dung tục, sẽ bị cái dung tục lấn át, thắng thế và  tàn phá những gì tốt đẹp cao quý trong con người.  **2. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với người thân**  ***a) Phản ứng của người thân***  **-** *Người vợ*: Buồn bã đau khổ muốn chết, có ý định bỏ đi nhường chồng cho cô vợ hàng thịt  **-** *Cái Gái*: Quyết liệt và dữ dội không nhận ông nội  - *Người con dâu*: Thông cảm, xót thương  ***b) Thái độ, tâm trạng Trương Ba***  - Lúc đầu: Biện minh cho mình  + *Sao bà lại nói thế*?  + *Sáng nào ông cũng ra cuốc xới chăm chút cây cối ngoài vườn…:Chỉ có ông nội cháu mới quý cây như thế*  - Sau đó : Đau khổ, bế tắc, thất vọng về mình  *+ Thầy đã làm u khổ*…, *u cũng không khổ như bây giờ*  + *Thẫn thờ, lặng ngắt như tảng đá, tay ôm đầu, run rẩy, lập cập, cầu cứu*  *\** ***So với màn đối thoại với xác hàng thịt***   |  |  | | --- | --- | | **Màn đối thoại với xác hng thịt** | **Màn đối thoại với người thân** | | Đau khổ, bất lực khi bản thân phải chịu sự điều khiển | Đau khổ đến tột cùng khi nhận thấy không chỉ mình chịu khổ mà người thân cũng chịu đau khổ. Thậm chí họ còn đau khổ hơn lúc chôn ông xuống. |   🡪 Bi kịch được đẩy lên đến đỉnh điểm buộc nhân vật phải đứng trước sự lựa chọn.  ***\* Lời độc thoại nội tâm của Trương Ba***  *-* Những câu mang tính chất tự vấn🡪Bộc lộ 1 thái độ quyết liệt trong đấu tranh  - Đi đến 1 quyết định dứt khoát là không chung sống với thể xác dung tục của hàng thịt  🡪Đỉnh điểm của bi kịch là nhân vật không thỏa hiệp mà đấu tranh mạnh mẽ quyết liệt🡪 Vẻ đẹp tâm hồn người lao động trong cuộc đấu tranh với cái dung tục để hoàn thiện nhân cách.  **3. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích :**  ***a) Sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống***:  *- Đế Thích:* Khuyên Trương Ba chấp nhận vìthế giới không toàn vẹn *🡪* Cái nhìn quan liêu hời hợt về cuộc sống con người  *-Trương Ba:*  + *Không thể bên trong một đằng, ... Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.*  + *Sống nhờ vào đồ đạc,..., nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết!*  *🡪* Vấn đề quyết định không phải là sống, mà là sống như thế nào! Điều này có ý nghĩa   * Con người là 1 thể thống nhất, hồn xác phải hài hòa đồng thuận. Dù khiếm khuyết về tinh thần hay thể xác cũng là 1 cuộc sống không trọn vẹn * Sống thiếu chân thực với mình là cuộc sống vô nghĩa, bất hạnh và cũng jhông cần thiết cho ai.   **⮱** Khát vọng hoàn thiện nhân cách của Trương Ba🡪 Tư tưởng, ý nghĩa triết lí của tác giả.  ***b) Trương Ba từ chối không nhập vào xác cu Tị***  - Trương Ba yêu thương cu Tị  - Ông không chấp nhận tái diễn lại bi kịch sống trong thân xác người khác  🡪 Con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng và có ý thức cao về ý nghĩa cuộc sống  **4. Màn kết**  - Cuộc sống lại tuần hoàn theo quy luật muôn đời.  - Cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực đã chiến thắng.  🡪 Sự bất tử của con người nằm trong ý nghĩa sự sống và sự hóa thân vào cuộc sống xung quanh ta chứ không phải ở độ dài thời gian. |

**2.3. Hoạt động khám phá kiến thức 3: III. TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu: Đ5**

Giúp HS khái quát lại những nét nổi bật về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**b. Nội dung:**

- Giá trị nội dung: Hiện thực và nhân đạo

- Giá trị nghệ thuật

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **-- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + Qua đoạn trích, em hãy trình bày những giá trị cơ bản của tác phẩm (ý nghĩa phê phán, giá trị nhân văn)  + Hãy nhận xét về nghệ thuật viết kịch của Lưu Quang Vũ?.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS phát hiện, đánh giá.  biện cho nhóm bạn.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS trả lời * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **III. Tổng kết.**  **1. Ý nghĩa phê phán :**  - Phê phán 2 quan niệm sống lệch.  - Phê phán lối sống giả tạo, làm con người có nguy cơ đánh mất mình.  - Phê phán những tiêu cực xã hội.  **2. Giá trị nhân văn :**  - Kêu gọi, đấu tranh cho sự hoàn thiện vẻ đẹp nhân cách con người.  - Khẳng định: con người phải sống như chính mình.  **3. Giá trị nghệ thuật :**  - Nghệ thuật dựng tình huống độc đáo, xây dựng, dẫn dắt xung đột kịch hợp lí.  - Nghệ thuật dựng hành động kịch, dựng đối thoại sinh động. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** **Đ5 –Đ6-N1**
2. **Nội dung:** Đọc hiểu một đoạn trích kịch.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS – Phiếu học tập theo nhóm
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ: HS thực hành đề bài Đọc – hiểu:**

**Cho đoạn trích sau:**

*“Vợ Trương Ba: Ông ở đâu? Ông ở đâu?*

*(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện.)*

*Trương Ba: Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ…Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu…*

*(Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)*

*Cái Gái: (tay cầm một trái na) Cây na này ông nội tớ trồng đấy! Quả to mà ngon lắm! Ta ăn chung nhé!*

*(Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)*

*Cu Tị: Cậu làm gì thế?*

*Cái Gái: Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi…”*

*(Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ, NXB Sân Khấu, Hà Nội, 1994)*

**Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau :**

1. Nêu những ý chính của văn bản?

2. Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua những hình thức nào ?

3. Xác định các dạng phép điệp trong văn bản và nêu hiệu quả nghệ thuật của các dạng đó ?

4. Việc dùng các từ ngữ: màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi có hiệu quả diễn đạt như thế nào ?

5. Từ văn bản, viết đoạn văn trình bày triết lí nhân sinh mà nhà viết kịch Lưu Quang Vũ đã gửi gắm.

**- HS thảo luận nhóm, viết kết quả thảo luận ra phiếu học tập.**

**- Đại diện các nhóm báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: N1 - V1**

**b. Nội dung:** HS tập sáng tác phần tiếp theo của vở kịch; HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS – kịch bản kịch.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

**Đề bài:** Giả định Đế Thích cho Trương Ba được quyền sống (không phải mượn xác anh hàng thịt, hoặc hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị và Trường Ba đồng ý) thì cuộc sống của Trương Ba sau đó sẽ như thế nào? Anh (chị) hãy trình bày ý tưởng về những rắc rối sẽ xảy ra qua một lớp kịch ngắn về điều đó.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà**

**- Tiết sau HS báo cáo vào tiết học sau.**

**- GV nhận xét và kết luận .**

**Sau đây là 1 gợi ý:**

**Nội dung vở kịch**

**Đế Thích**: Này ông Trương Ba, nếu ông có thương cảnh mẹ góa con côi của nhà chị Lụa thì ông hãy để tôi hóa phép cho hồn ông nhập vào xác thằng cu Tị nhé! Như thế là ông vẫn sống, mà chị Lụa thì ngày ngày vẫn được thấy mặt con.

**Hồn Trương Ba** (băn khoăn, nghĩ ngợi): ông cho tôi suy nghĩ một lát đã. Thời gian qua, tôi gặp biết bao nhiêu là rắc rối vì chuyện mượn thân xác anh hàng thịt. Khổ quá ông ạ! Nhiều lúc tôi nghĩ thà chết thật có khi lại sướng hơn; chứ cứ dơi chẳng ra dơi, chuột chẳng ra chuột thế này đúng là dở sống dở chết.

**Đế Thích**: Ông với anh hàng thịt vốn là người xa lạ; còn ông với thằng cu Tị đã từng quý mến, quấn quýt với nhau. Hồn ông sống trong thân thể thằng bẻ chắc sẽ ổn thổi.

**Hồn Trương Ba**: Tôi là một lão già sáu mươi tuổi; còn thằng cu Tị đang tuổi ăn tuổi lớn, mới bắt đầu cuộc đời. Nhập vào thân xác nó, suốt ngày tôi sẽ nghịch ngợm, chạy nhảy với cái lốt cháu nội tôi. Tôi sẽ giải thích với bà nhà tôi sao đây? Còn chị Lụa nữa. Nếu chị ta nhớ thương con, bắt tôi về ở hẳn bên ấy thì sao? Rồi bà con làng xóm sẽ xì xám to nhỏ và đám lý trưởng, Trương tuần sẽ lại gây khó dễ cho tôi ... Phiền phức quá ông ạ! Thôi, ông cứ để cho tôi chết. Tôi chỉ cầu xin ông tìm cách cứu thằng.

**Đế Thích**: Tôi chẳng có cách nào hay hơn cả. ông hãy nghe lời tôi đi ông có nghe thấy tiếng khóc con xé ruột của mẹ thằng cu Tị không?

**Hồn Trương Ba** (miễn cưỡng thở dài): Thôi đành vậy, tùy ông!

(Đế Thích hóa phép, hồn Trương Ba rời khỏi thân xác hàng thịt, nhập vào thân xác cu Tị. Cu Tị ngồi dậy dụi mắt Chị Lụa bàng hoàng, sửng sốt rồi reo lên sung sướng.)

**Chị Lụa** (ôm cu Tị vào lòng, âu yếm): Ôi, con trai yêu quý của mẹ! Mẹ cám ơn Trời Phật đã cho con sống lại! Từ nay trở đi, mẹ con ta sẽ sống bên nhau mãi mãi.

**Hồn Trương Ba** (vùng ra khỏi vòng tay chị Lụa): Tôi là Trương Ba, hàng xóm nhà chị đây mà!

**Chị Lụa**: Ối cu Tị ơi, con là con trai của mẹ mà! Lại đây với mẹ nào!

**Hồn Trương Ba** (bực bội gắt): Tôi đã bảo tôi là Trương Ba chứ không phải là thằng cu Tị!

**Chị Lụa** (hoảng hốt gào khóc): Trời ơi! Con tôi bị làm sao thế này? Con nói lảm nhảm gì thế? Ôi con ơi là con ơi!

(Hồn Trương Ba đi về nhà mình, mặc cho chị Lụa chạy theo khóc lóc.) Vợ Trương Ba (nhìn thấy cu Tị xăm xăm đi vào, kinh hãi thét lên): Ma ..... Ma ... ....! ối trời đất ơi!

**Hồn Trương Ba**: Tôi đây mà! Trương Ba đây, bà đừng sợ!

**Vợ Trương Ba**: Trời ơi! Lại trò gì nữa đây hả trời?! Tôi chưa đủ khổ hay sao mà ông còn ...?!

**Hồn Trương Ba** (nắm lấy tay vợ): Thì bà cứ bình tĩnh nghe tôi nói đã! Đầu đuôi câu chuyện là thế này: Tôi chán sống trong thân xác anh hàng thịt bởi nó gây ra cho tôi và mọi người nhiều điều phiền toái nên yêu cầu ông Đế Thích hãy để cho tôi chết hẳn. Nhưng ông ấy bảo tôi nếu thương thằng cu Tị thì hãy nhập vào xác nó để cho má nó ngày ngày còn được thấy mặt con ...

**Vợ Trương Ba**: ông lại tiếp tục sống nhờ vào thân xác người khác ư?! Thôi, lần này thì tôi đành phải bỏ nhà mà ra đi thật rồi! Làm sao tôi chấp nhận được ông chồng sáu mươi trong thân xác đứa trẻ lên mười? Bao nhiêu rắc rối sẽ lại xảy ra trong gia đình này ...

(Chị Lụa vừa chạy vào vừa mếu máo gọi con.)

**Chị Lụa**: Ối cu Tị ơi, về nhà với mẹ nào! Con đừng bỏ mẹ con ơi!

**Vợ Trương Ba**: Đấy, Ông thấy tôi nói có đúng không nào? Mọi chuyện lôi thôi lại bắt đầu rồi!

**Chi Lụa** (bế thốc "cu tí" chạy đi): về nhà mình con nhé! Hôm nào con khỏe, mẹ sẽ cho con sang đây chơi với cái Gái.

**Hồn Trương Ba** (giãy giụa): Ơ hay cái nhà chị này! Chị có buông tôi ra không thì bảo! Tôi đã nói tôi là Trương Ba chứ không phải cu Tị con chị.

(Bất chợt, lý trưởng và Trương tuần đi ngang qua, thấy ồn ào liền đứng lại.)

**Lý trưởng** (trợn mắt ra oai): Hừm! Chuyện gì thế hử?

**Chị Lụa**: Bẩm ông lý, tôi chỉ bắt thằng con tôi về nhà thôi ạ! Cháu nó cứ đòi ở bên nhà ông Trương Ba!

**Hồn Trương Ba** (phân trần): Tôi không phải là con chị ta. Tôi là Trương Ba.

**Lý trưởng** (tức giận quát): A, thằng nhãi ranh láo toét! Tao bảo Trương tuần phết cho mày mấy gậy bây giờ! Đi về nhà mau!

**Hồn Trương Ba**: Tôi về nhà tôi!

**Lý trưởng**: Trương tuần đâu! Lôi cổ thằng nhãi ranh này ra đình rồi trói nó lại! Nó dám cãi lệnh ta sao?!

**Hồn Trương Ba**: Buông tôi ra! Tôi chẳng làm gì nên tội!

**Trương tuần** (quật cho "cu Tị" một gậy vào mông rồi túm cổ lôi đi): Này thì cãi! Này thì cãi! Tối nay tao cho mày đánh tổ tôm với muỗi, con ạ!

**Chị Lụa** (chạy theo năn nỉ): Trăm lạy ông lý, ngàn lạy ông lý! Xin ông tha cho cháu! Dạ, thôi thì có chút tiền trà thuốc xin ông lý nhận cho!

**Lý trưởng** (đút nhanh tiền vào túi): Chị đã biết điều như thế thì ta tha cho nó! Liệu mà dạy con cẩn thận, nghe chưa?!

(Lý trưởng, Trương tuần bỏ đi.)

**Hồn Trương Ba**: Chị Lụa này, tôi phải nói cho chị rõ là ông tiên Đế Thích đã hóa phép cho hổn tôi nhập vào xác cu Tị. Cho nên tôi vẫn là Trương Ba chứ không phải là con chị. Chị đừng ép tôi. Tôi hứa sẽ qua lại bên nhà cho chị đỡ buồn. Thôi, tôi về nhà tôi đây! Chào chị!

(Hồn Trương Ba gặp cái Gái ở ngay cửa.)

**Cái Gái** (hoảng hốt lùi lại): ối! Cu Tị! Bà nội ơi, bà nội! Cu Tị chết rồi cớ mà?! Hu hu ...

**Hồn Trương Ba** (tiến lại gần): Đừng sợi Ta là ông nội cháu đây mà!

**Cái Gái** (hét lên): Không phải! Đừng động vào tôi! Bố ơi! Cứu con!

**Con trai Trương Ba** (chạy ra ôm lấy con): Bố đây! Bố đây! Sao thế con?

**Cái Gái** (sợ hãi): Cu Tị, cu Tị dám xưng là ông nội! Hu hu ...

**Con trai Trương Ba** (ngạc nhiên): Ơ! Thế này là thế nào?

**Hồn Trương Ba** (rầu rĩ): Thầy đây, anh cả ạ! ông Đế Thích cho hồn thầy nhập vào xác thằng cu Tị đấy mà!

**Con trai Trương Ba** (vò đầu bứt tai): Lại thế nữa! Thầy còn chưa đủ khổ sở hay sao cơ chứ?! Cà nhà ta chưa đủ khổ sở vì những điểu rắc rối đã xảy ra ư?! Trời ơi!

**Hồn Trương Ba**(xua tay): Thôi! thôi! Chẳng qua là thầy thương thằng cu Tị. Thầy không muốn chị Lụa mất con, cái Gái mất bạn. Nếu rắc rối quá thì để thầy nghĩ lại.

(Đến đêm, Hồn Trương Ba thắp mấy nén nhang, khấn vái. Đế Thích xuất hiện)

**Đế Thích**(vui vẻ): Chào ông Trương Ba! Sao? Ngụ trong thân xác cu Tị, ông cổ thấy thoải mái hơn chút nào không?

**Hồn Trương Ba** (lắc đầu tỏ vẻ không hài lòng): Bất ổn rồi ông ơi! Mới từ sáng tới giờ mà bao nhiêu chuyện rắc rối đã xảy ra. Suýt nữa thì tôi bị lý trưởng với Trương tuần lôi ra đình trói lại đấy! Còn vợ con tôi, cháu tôi, chẳng ai muốn tôi sống trong hình hài này cả. Tôi nghĩ kĩ rồi. Xin ông cho tôi chết hẳn đi!

**Đế Thích** (băn khoăn, phân vân): Chà, khó nhỉ! Tôi thì tôi không muốn mất bạn đánh cờ. Nói thật nhé, dưới trần gian chỉ có một mình ông là ngang tài ngang sức với tôi thôi. Đánh cờ với ông thú vị lắm!

**Hồn Trương Ba**: Tôi cũng biết thế nhưng tôi không chiều theo ý ông mãi được. Ai mà chẳng thích sống, nhưng sống kiểu như tôi bây giờ thì có lẽ chết lại đỡ khổ hơn, ông ạ!

**Đế Thích**: Ông nghĩ kĩ chưa? ông có yêu cầu gì không?

**Hồn Trương Ba**: Tôi chẳng ân hận điều gì cả. Chỉ xin ông nghĩ cách cứu lấy thằng cu Tị! Cảnh mẹ góa con côi khổ sở trăm bề. Nay nó chết đi thì mẹ nó chắc cũng không sống nổi. Đối với người mẹ, chẳng có gì quý bằng đứa con đâu, ông ạ! Mong ông giữ lời hứa để tôi chết cũng vui lòng.

**Đế Thích**(ngẫm nghĩ hồi lâu rồi cả quyết gật đầu): Tôi hứa là sẽ cứu bằng được thằng cu Tị, dù một lần nữa vi phạm luật Trời! Ông cứ yên tâm nhắm mắt!

**Hồn Trương Ba** (mỉm cười thanh thản): Xin cảm ơn ông! Xin đa tạ, đa tại (Một làn khói trắng nhẹ nhàng bay lên khỏi mái nhà, tan hòa vào màn sương mỏng. Bên nhà chị Lụa bỗng nổi lên tiếng reo sung sướng: Ôi, con trai tôi sống lại rồi! Xin tạ ơn Trời Phật!)

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.
2. **Nội dung:** HS tìm hiểu thêm sau tiết học.
3. **Sản phẩm:** Tài liệu HS sưu tầm được.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Tìm đọc tích truyện dân gian *Hồn Trương Ba da hàng thịt*. Thử so sánh những yếu tố kế thừa và sáng tạo của Lưu Quang Vũ.

* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** trong tiết học sau

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**Tiết 79,80. Thứ tự tiết dạy theo KHDH:**

**NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC**

(Trích *Đến hiện đại từ truyền thống*)

**- Trần Đình Hượu -**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Hiểu được những nét chính về tác giả, tác phẩm. | **Đ1** |
| **2** | Hiểu được các luận điểm chủ yếu của văn bản nhật dụng này. | **Đ2** |
| **3** | Thấy được quan điểm của tác giả về những ưu, nhược điểm của văn hoá truyền thống Việt Nam. | **Đ3** |
| **4** | - Có khả năng đọc hiểu những văn bản nghị luận thuộc văn bản nhật dụng. | **Đ4** |
| **5** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc các lĩnh vực xã hội. | **N1** |
| **6** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn bản nhật dụng. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **7** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **8** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC, TRÁCH NHIỆM** | | |
| **9** | - Yêu quý, trân trọng, tự hào về nền văn hoá dân tộc.  - Có ý thức phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm hạn chế của văn hóa để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay. | **YN**  **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1, Đ2 ,Đ3, N1, GT-HT, GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung.**  **II.Đọc hiểu văn bản.**   1. Tác giả, tác phẩm.   2. Những đặc điểm của văn hóa Việt Nam về vật chất và tinh thần:  3. Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam:  4. Những điểm hạn chế của văn hoá dân tộc:  **III.Tổng kết.** | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; phiếu học tập. | Đánh giá qua sản phẩm phiếu học tập, qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1-V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong văn bản nhật dụng này. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** |  | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Kết nối –Đ1**
2. **Nội dung:** HS xem hình ảnh minh họa văn hóa dân tộc và phát biểu suy nghĩ
3. **Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

GV trình chiếu 1 số hình ảnh về văn hóa dân tộc và hỏi HS:







**?** Theo em, thế nào là văn hóa của một dân tộc?

Kể tên một số nét đẹp văn hóa của dân tộc ta?

? Theo em, văn hóa của nước ta hiện nay có những điểm mạnh và những hạn chế gì?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**2.1. Hoạt động khám phá kiến thức 1: I. TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**:  **Đ1**

(Giúp HS hình thành những kiến thức khái quát về tác giả Trần Đình Hượu và bài tiểu luận).

**b**.**Nội dung: HS trả lời câu hỏi tập trung vào:**

- Những nét tiểu sử và sự nghiệp văn học của nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu.

- Xuất xứ của đoạn trích.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** + HS quan sát phần Tiểu dẫn SGK và nêu những hiểu biết cơ bản về tác giả Trần Đình Hượu.  + Dùng phương pháp thuyết trình để giới thiệu thêm về công trình *Đến hiện đại từ truyền thốn*g của tác giả Trần Đình Hượu.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **-Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  Trần Đình Hượu (1927- 1995) là một chuyên gia về các vấn đề văn hóa, tư tưởng Việt Nam. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, tư tưởng có giá trị: Đến hiện đại từ truyền thống (1994), Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại (1995), Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (2001),…  **2. Tác phẩm**  *Đến hiện đại từ truyền thống* của PGS Trần Đình Hựu là một công trình nghiên cứu văn hóa có ý nghĩa. *Về một số mặt của vốn văn hóa truyền thống* được trích ở phần *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc* (mục 5, phần II và toàn bộ phần III) thuộc công trình *Về một số mặt của vốn văn hóa truyền thống.* |

**2.2. Hoạt động khám phá kiến thức 2: II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**

**a. Mục tiêu: Đ2,Đ3**

(HS nắm được các luận điểm chủ yếu của bài viết và quan điểm của tác giả về những ưu, nhược điểm của văn hoá truyền thống Việt Nam)

**b.Nội dung:** Tổ chức tìm hiểu các luận điểm bài viết theo nhóm.

- Hoàn thiện phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Nội dung thảo luận** |
| ***1*** | * Những đặc điểm của văn hóa Việt Nam về vật chất và tinh thần * Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam |
| ***2*** | * Những điểm hạn chế của văn hoá dân tộc |
| ***3*** | * Những tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa truyền thống Việt Nam |
| ***4*** | * Nhận định “Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà” * Con đường hình thành bản sắc văn hoá dân tộc |

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **- Tìm hiểu về Những đặc điểm của văn hóa Việt Nam về vật chất và tinh thần**  Nhóm 1 báo cáo  Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  **- Tìm hiểu Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam.**  Nhóm 1 báo cáo  Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  **- Tìm hiểu Những điểm hạn chế của văn hoá dân tộc.**  **Nhóm 2 báo cáo.**  **Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung**.  **-Tìm hiểu Những tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa truyền thống Việt Nam**  **Nhóm 3 báo cáo;**  **Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung**.  **- Tìm hiểu nhận định “Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà”**  **Nhóm 4 báo cáo**  **Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung**.  **- Tìm hiểu con đường hình thành bản sắc văn hoá dân tộc.**  Nhóm 4 báo cáo  Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  **GV mở rộng:**  **Khái niệm "tạo tác"** ở đây là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn, những sáng tạo mà không dân tộc nào có hoặc có mà không đạt được đến tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập.  **Khái niệm "đồng hóa"** vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nguồn văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu chủ động của chủ thể tiếp nhận- một khả năng cho phép ta biến những cái ngoại lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ.  **Khái niệm "dung hợp"** vừa có những mặt gần gũi với khái niệm "đồng hóa" vừa có điểm khác.  **+ GV:** Tại sao nền văn hoá của ta không chỉ trông chờ vào sự tạo tác?  **+ GV:** Nếu không có nền tảng, nội lực thì nền văn hoá sẽ như thế nào?  **+ GV:** Ví dụ về phương diện chữ viết, văn học?  **- Đánh giá sản phẩm.** | **1. Những đặc điểm của văn hóa Việt Nam về vật chất và tinh thần:**  **- Về tôn giáo:**  + không cuồng tín, không cực đoan  + dung hoà các tôn giáo khác nhau để tạo nên sự hài hoà nhưng không tìm sự siêu thoát, siêu việt về tinh thần bằng tôn giáo.  **- Về nghệ thuật (kiến trúc, hội hoạ, văn học):**  + Người Việt sáng tạo được những tác phẩm tinh tế  + Nhưng không có quy mô lớn, không mang vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ, phi thường.  **- Về ứng xử (giao tiếp cộng đồng, tập quán):**  + Người Việt trọng nghĩa tình  + khôn khéo gỡ các khó khăn,  + không kì thị, cực đoan, thích yên ổn  + Nhưng không chú ý nhiều đến trí, dũng  **- Về sinh hoạt (ăn, ở, mặc):**  Người Việt ưa sự chừng mực, vừa phải  **2. Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam:**  - Văn hoá Việt Nam giàu tính nhân bản, hướng tới tính chất *"thiết thực, linh hoạt, dung hòa"* trên mọi phương diện (tôn giáo, nghệ thuật, ứng xử, sinh hoạt)  **+ Về tôn giáo:**  Việt Nam có nhiều tôn giáo, nhiều dân tộc tồn tại trên lãnh thổ, nhưng hầu như không xảy ra những cuộc tranh biện giữa các tín đồ, không xảy ra xung đột dữ dội về tôn giáo và sắc tộc  **+ Về nghệ thuật:**  Các công trình kiến trúc nghệ thuật (chùa chiền, nhà thờ, tháp, đài…) thường có quy mô nhỏ vừa nhưng vẫn tinh tế, hài hoà với thiên nhiên (chùa Tây Phương, chùa Một Cột, Tháp Rùa…).  **+ Về sinh hoạt ứng xử:**  Người Việt coi trọng sự hiền lành, chất phác, lối sống **trọng nghĩa tình, trọng những gì thiết thực, gần gũi.**  **3. Những điểm hạn chế của văn hoá dân tộc:**  *- “Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật”*  *“Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự thu hút, quy tụ cả nền văn hoá”*  🡪 Do quan niệm “dĩ hoà vi quý” trong mọi lĩnh vực đời sống vật chất và tinh thần, nên văn hoá Việt chưa có tầm vóc lớn lao, chưa có vị trí quan trọng, chưa nổi bật và chưa có khả năng tạo được ảnh hưởng sâu sắc đến các nền văn hoá khác.  *- “Đối với cái dị kỉ, cái mới, không dễ hoà hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình”*  🡪 gây ra sự cản trở phát triển mạnh mẽ và những cách tân táo bạo, phi thường (điều kiện để tạo nên tầm vóc lớn lao của các giá trị văn hoá).  - Tác giả chỉ ra hạn chế cụ thể trên mọi phương diện:  *+ “Tôn giáo hay triết học cũng đều không phát triển”*  *+ “Không có một ngành khoa học, kĩ thuật, giả khoa học nào phát triển thành truyền thống. Âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ”, “Không có công trình kiến trúc nào, kể cả của vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn”.*  *+ “Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng. Dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ”*  🡪 Bản chất của nền văn hoá: *“Đó là văn hoá của nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị”*  - Nguyên nhân: Điều kiện địa lí, lịch sử :  + Đất nước nhỏ, tài nguyên chưa thật phong phú và phân tán;  + Luôn chịu nạn ngoại xâm, đất nước không ổn định;  + Đời sống vật chất nghèo nàn, lạc hậu, khoa học kĩ thuật không phát triển, không tạo tiềm năng cho kinh tế và mở mang văn hoá  🡪 Tạo nên tâm lí ưa sự thu hẹp sao cho vừa đủ và ngại sự giao lưu, thay đổi, đồng thời ngăn cản khả năng kiến tạo và khám phá các giá trị văn hoá lớn lao  (*Thắt lưng buộc bụng, Một vừa hai phải; Đóng cửa bảo nhau, Trâu ta ăn cỏ đồng ta*).  - Định hướng xây dựng nền văn hoá mới: phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu.  **4. Những tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa truyền thống Việt Nam**  - Những tôn giáo có ảnh hưởng mạnh là Phật giáo và Nho giáo:  *Phật giáo và Nho giáo tuy từ ngoài du nhập vào nhưng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc*.  - Người Việt tiếp nhận các tôn giáo này theo tinh thần: thiết thực, linh hoạt, dung hoà  - Ví dụ:  + *Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát*  🡪 Thờ Phật là để hướng thiện, chứ không để đạt giác ngộ, siêu thoát (*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*); đặc biệt phê phán thái độ quay lưng với nghĩa vụ, bổn phận gia đình và xã hội (*trốn việc quan đi ở chùa*)  (Thời Lí - Trần: Các vị sư tích cực nhập thế, giúp vua trị nước: *Quốc tộ -* Đỗ Pháp Thuận, *Quốc tự -* Nguyễn Vạn Hạnh; các vị vua sau khi hoàn thành trách nhiệm với nứơc với dân lại gởi mình nơi cửa Phật để tĩnh tâm tu hành, cầu cho quốc thái dân an)  + *Nho giáo cũng không được tiếp nhận ở khía cạnh nghi lễ tủn mủn, giáo điều khắc nghiệt*  🡪 Không trở thành tư tưởng cực đoan mà dung hoà với các tôn giáo khác  (Tư tưởng *trung quân ái quốc, tôn sư trọng đạo* được Việt hoá phù hợp, tâm niệm *Nhất tự vi sư bán tự vi sư* nhưng vẫn nhắc nhở *Học thầy không tày học bạn*  Ý thức rõ *Đất của vua, chùa của làng*; Chấp nhận tư tưởng *Phép vua thua lệ làng*  Tư tưởng nhân nghĩa 🡪 tạo nên sức mạnh tinh thần cho dân tộc: *Bình Ngô đại cáo, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*)  **5. Nhận định “Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà”:**  **- Điểm tích cực:**  + Tính thiết thực: sáng tạo và tiếp biến các giá trị văn hoá khiến cho văn hoá Việt gắn bó với đời sống cộng đồng.  (Ví dụ: nhà chùa không chỉ là thánh đường tôn nghiêm mà con là nơi liên kết cộng đồng trong nhiều sinh hoạt thế tục như ma chay, cưới hỏi, nuôi nấng trẻ em cơ nhỡ)  + Tính linh hoạt: tiếp biến nhiều nguồn giá trị văn hoá cho phù hợp với đời sống bản địa của người Việt (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo… đều có chỗ đứng trong văn hoá Việt).  + Tính dung hoà: các giá trị văn hoá thuộc nhiều nguồn khác nhau nhưng không loại trừ nhau 🡪 chọn lọc, kế thừa để tạo nên sự hài hoà, bình ổn 🡪 Chính vì thế văn hoá Việt giàu giá trị nhân bản, không sa vào cực đoan, cuồng tín  **- Hạn chế:**  + Vì quá thiếu sáng tạo lớn trong quá trình tiếp thu nên không đạt đến những giá trị phi phàm, kì vĩ.  + Vì luôn dung hoà nên văn hoá Việt không có những giá trị đặc sắc nổi bật - thường gắn với tư tưởng tôn giáo quan niệm xã hội ít nhiều cực đoan  (Các công trình kiến trúc phục vụ cho chính trị, tôn giáo trong văn hoá Hy Lạp, La Mã cổ đại, văn hoá Ki-tô giáo, văn hoá Trung Hoa)  🡪 Nhưng do hoàn cảnh thực tế của Việt Nam nên tính thiết thực, linh hoạt, dung hoà này đảm bảo cho sự tồn tại của văn hoá Việt qua những gian nan và bất trắc của lịch sử.  **6. Con đường hình thành bản sắc văn hoá dân tộc:**  *- “****Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài”***  🡪 Ý nghĩa:  + Các giá trị văn hoá của người Việt không chỉ là thành quả sàn tạo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam mà còn là kết quả của quá trình tiếp nhận có chọn lọc và biến đổi những giá trị lớn của các nguồn văn hoá khác.  + Dân tộc trải qua thời gian dài bị đô hộ, đồng hoá 🡪 văn hoá bản địa phần nhiều bị mai một 🡪 không thể chỉ trông cậy vào sự tạo tác.  + Nếu không có tạo tác 🡪 nền văn hoá không có nội lực bề vững.  + Có nội lực mà không mở rộng, tiếp thu văn hoá 🡪 không thừa hưởng tinh hoa và tiến bộ của văn hoá nhân loại 🡪 văn hoá không thể phát triển và toả rạng.  - Ví dụ:  + Chữ viết (một giá trị văn hoá quan trọng của nhân loại): Sáng tạo chữ Nôm trên cơ sở chữ Hán, sáng tạo ra chữ Quốc ngữ để tạo nên các tác phẩm văn học mang đậm tâm hồn Việt Nam  + Văn học: Sáng tạo các thể thơ dân tộc đi đôi với việc vận dụng, Việt hoá các thể thơ Đường luật của Trung Quốc, thơ tự do của phương Tây. (cách vận dụng đề tài, thi liệu trong Truyện Kiều, thơ Nguyễn Khuyến, thơ Trần Tế Xương…) |

**NỘI DUNG: TỔNG KẾT.**

**a. Mục tiêu: Đ5**

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi, tìm ragiá trị nghệ thuật của bài viết.

**c.Sản phẩm:**

**Nghệ thuật:**

- Cách trình bày khoa học, chính xác, mạch lạc và biện chứng

- Các thủ pháp nghệ thuật: so sánh, tương phản…được sử dụng linh hoạt

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- - Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

? Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài viết?

**-Thực hiện nhiệm vụ**: HS phát hiện, đánh giá.

biện cho nhóm bạn.

**-Báo cáo sản phẩm:** HS trả lời

**Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP.**

1. **Mục tiêu:** **Đ4, N1**
2. **Nội dung:** HS lập dàn ý cho đề văn nghị luận về ý kiến của Trần Đình Hượu.
3. **Sản phẩm:** Dàn ý bài nghị luận văn học.
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

+ **Đề bài:** Khi viết về những tích cực cũng như hạn chế của văn hóa Việt Nam, tác giả Trần Đình Hượu đã nhận định:

*Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là "thiết thực, linh hoạt, dung hòa". (Trần Đình Hượu, Đến hiện đại từ truyền thống). Anh/chị hãy giải thích rõ vấn đề này?*

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**GỢI Ý:**

**Học sinh cần trình bày được những nội dung sau.**

**1. Khái quát chung**

-  Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Trần Đình Hượu là nhà khoa học chuyên nghiên cứu các các vân đề lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam hiện đại, có những đóng góp lớn và có nhiều phát hiện mới về lĩnh vực này.

+ Tác phẩm thế hiện cách nhìn về vốn văn hóa dân tộc sâu sắc và chân thực của tác giả.

-  Giới thiệu nhận định chung về văn hóa Việt Nam: "Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hòa".

**2. Nội dung.**

-  Giải thích lời nhận định của tác giả Trần Đình Hượu:

+ Cần hiếu đúng về các khái niệm: thiết thực, linh hoạt, dung hòa

+ Vì sao tinh thần chung của văn hóa Việt Nam lại mang những đặc điểm nêu trên?

-   Những đặc điểm: thiết thực, linh hoạt, dung hòa thể hiện như thế nào trong nền văn hóa Việt Nam?

-  Điểm tích cực của những đặc điểm đó là:

+ Tính thiết thực khiến cho văn hóa Việt gắn bó sâu sắc với đời sống cộng đồng. Chẳng hạn như chùa là nơi thờ Phật tôn nghiêm nhưng đồng thời diễn ra nhiều sinh hoạt thế tục như: ma chay, cưới hỏi, nuôi nấng trẻ em cơ nhỡ...

+ Tính linh hoạt thể hiện rõ ở khả năng tiếp nhận và biến đổi các giá trị văn hóa thuộc nhiều nguồn khác nhau sao cho phù hợp với đời sống bản địa của người Việt: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Ki-tô giáo, Hồi giáo... đều có chỗ đứng trong văn hóa Việt.

+ Tính dung hòa là hệ quả tất yếu của hai thuộc tính trên trong văn hóa của người Việt. Các giá trị văn hóa thuộc nhiều nguồn khác nhau, không loại trừ nhau mà được người Việt tiếp thu có chọn lọc để tạo nên sự hài hòa bình ổn trong đời sống văn hóa.

Chính vì thế, vốn văn hóa Việt truyền thống giàu giá trị nhân bản, không sa vào tình trạng cực đoan, cuồng tín.

-  Tuy nhiên, trong mặt tích cực lại tàng ẩn những hạn chế:

Luôn mang quan niệm "dĩ hòa vi quí" nên trong mọi lĩnh vực của đời sống tinh thần, vật chất, văn hóa Việt chưa có tầm vóc lớn lao, chưa có vị trí quan trọng, nổi bật, vì dung hòa nên thiếu những sáng tạo lớn, không đạt đến những giá trị phi phàm, kì vĩ. Chỉ có những tư tưởng tôn giáo hoặc quan niệm xã hội ít nhiều mang tính cực đoan mới tạo ra những bước phát triển mạnh mẽ, những cách tân táo bạo, những khám phá phi thường - điều kiện để tạo nên tầm vóc lớn lao của các giá trị văn hóa.

**3. Đánh giá chung**

-  Từ những nhận định trên tác giả đã nhận định một cách khái quát về bản chất của nền văn hóa truyền thống: Đó là văn hóa của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đối, không có sự kích thích của đô thị. Và lí giải nguyên nhân của những hạn chế của nền văn hóa.

-  Tuy nhiên, trong hoàn cảnh địa lí, lịch sử, xã hội cụ thể của cộng đồng của dân tộc Việt Nam, tính thiết thực, linh hoạt, dung hòa đảm bảo cho văn hóa Việt tồn tại qua những gian nan bất trắc của lịch sử.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

1. **Mục tiêu: N1, V1**
2. **Nội dung:** HS viết một đoạn văn, liên hệ ý nghĩa tác phẩm với cuộc sống ngày nay.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh/chị về chủ đề: *Làm thế nào để giữ gìn và phát huy văn hoá dân tộc trong giai đoạn hội nhập hiện nay?*

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**Dự kiến sản phẩm (mục c).**

Trong bối cảnh mở rộng và giao lưu quốc tế, đồng thời phát triển nền kinh tế thị trường để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc sẽ trở thành một thách thức lớn đối với nước ta. Vậy chúng ta phải giải quyết mối quan hệ giữa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như thế nào? Một nền văn hóa không còn bản sắc thì nền văn hóa ấy cũng không còn là nền văn hóa của một dân tộc độc lập. Giá trị của một nền văn hóa chính là ở bản sắc dân tộc của nó. Ngày nay, trước những thách thức gay gắt của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập, để xây dựng nền văn hóa Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cần thực hiện tốt những vấn đề chủ yếu sau:

Một là, xây dựng bản lĩnh dân tộc.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, nếu không có ý thức đầy đủ sẽ dẫn tới tình trạng đoạn tuyệt với truyền thống văn hóa dân tộc, đánh mất đi bản sắc dân tộc trước sự “quốc tế hoá” của văn hóa, khoa học và công nghệ.

Nền văn hóa mà Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, do vậy cần kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa thế giới.

Xây dựng bản lĩnh dân tộc bằng cách học hỏi kinh nghiệm lịch sử của cha ông sẽ là một trong những giải pháp hàng đầu để vượt qua thách thức trước xu thế toàn cầu hoá.

Hai là, xây dựng chiến lược bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc phải dựa trên cơ sở lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Ba là, xây dựng bản lĩnh dân tộc, chiến lược bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc phải được tiến hành đồng thời và đồng bộ với chiến lược xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một vấn đề có tính quy luật cho sự tồn tại và phát triển của một dân tộc trong cộng đồng quốc tế, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Hiện nay, các thế lực thù địch vẫn âm mưu xoá bỏ chế độ ta. Đồng thời, những mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế cũng tác động tiêu cực tới những phẩm chất tốt đẹp, những giá trị văn hóa dân tộc... Chính vì vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vẫn còn là vấn đề có tính thời sự nóng bỏng.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.
2. **Nội dung:** HS tìm hiểu thêm sau tiết học.
3. **Sản phẩm:** Tài liệu HS sưu tầm được.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Tìm hiểu những nét đẹp văn hóa của người Việt cần bảo tồn, phát huy và những hủ tục cần bài trừ trong các ngày lễ tết.

* Tìm hiểu và trao đổi với bạn bè.
* **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** trong tiết học sau

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: LÀM VĂN**

**Tiết 81 – TT tiết dạy theo KHDH:**

**Ôn tập phần làm văn**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được đặc điểm và yêu cầu của các bài học thuộc phần làm văn. | **Đ1** |
| **2** | -Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót về các mặt kiến thức và kĩ năng viết bài văn nói chung và bài nghị luận văn học nói riêng. | **Đ2** |
| **3** | Biết trao đổi, thảo luận các vấn đề, cá đề bài nghị luận các vấn đề văn học.  Có khả năng sử dụng ngôn ngữ để tạo lập văn bản nghị luận về các vấn đề văn học. | **N1** |
| **4** | Có khả năng sử dụng ngôn ngữ để tạo lập văn bản nghị luận về các vấn đề văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **7** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **8** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: CHĂM CHỈ, TRÁCH NHIỆM** | | |
| **9** | -Tích cực, chịu khó học tập, triển khai các bài làm văn nghị luận về các vấn đề văn học.  - Có ý thức ôn tập chuẩn bị thi TN THPT 6/2021 | **CC**  **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài ôn tập. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1, Đ2, N1, GT-HT, GQVĐ** | **I. Ôn tập chung:**  **1.Các kiểu loại văn bản**  **2.Cách viết văn bản**  **3.Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường.**  **4.Lập luận trong văn nghị luận.**  **5.Diễn đạt trong văn nghị luận.**  **II.Thực hành.** | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; phiếu học tập. | Đánh giá qua sản phẩm phiếu học tập, qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ2 , GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1-V1** | Vận dụng kiến thức đã học, đã ôn tập để làm 1 bài tập nâng cao. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** |  | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Kết nối -Đ1**
2. **Nội dung:** HS hoàn thành phiếu học tập mà GV đã giao tiết trước về các nội dung Tập làm văn.
3. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

**GV cho HS thới gian 5 phút để hoàn thiện phiếu học tập chuẩn bị nhiệm vụ GV đã giao tiết học trước:**

Tổ 1 : Các kiểu văn bản được học ở THPT.

Tổ 2 : Các bước của quá trình viết một văn bản nói chung.

Tổ 3 : Viết văn bản nghị luận.

Tổ 4 : Viết nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

**- Thực hiện nhiệm vụ**:

**- Báo cáo sản phẩm:** Các nhóm treo kết quả thảo luận lên tường gần nhóm mình.

**- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**

1. **Mục tiêu**:

- Giúp HS nắm được đặc điểm và yêu cầu của các bài học thuộc phần làm văn.

- Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót về các mặt kiến thức và kĩ năng viết bài văn nói chung và bài nghị luận văn học nói riêng.

**b**.**Nội dung:** GV tổ chức cho HS hệ thống lại các bài học Tập làm văn trong chương trình THPT qua các hoạt động nhóm và cá nhân.

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  + GV yêu cầu HS nhớ lại và thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu loại đó.  + Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc gì?  - HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm thống kê một khối lớp).  **- Thực hiện nhiệm vụ**: Thảo luận nhóm trong 3 phút  **- Báo cáo sản phẩm:** các nhóm cử đại diện lần lượt báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức. GV đánh giá quá trình làm việc của HS và nhấn mạnh một số kiến thức cơ bản. | **1. Các kiểu loại văn bản**  a) Tự sự: Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân- quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ,…  b) Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả,… của sự vật, hiện tượng, vấn đề,… giúp gười đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng được thuyết minh.  c) Nghị luận: Trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.  Ngoài ra, còn có các loại văn bản: Kế hoạch cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết,… |
| HS các nhóm báo cáo. | **2. Cách viết văn bản**  Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:  + Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản.  + Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản.  + Viết văn bản: Mỗi câu trong văn bản tập trung thể hiện một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản được xây dựng theo một kết cấu mạch lạc. Mỗi văn bản có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung và tương ứng với nội dung là hình thức thích hợp. |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV nêu câu hỏi để HS ôn lại văn nghị luận: **Thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1:**  *Các đề tài chính của văn nghị luận trong nhà trường.*  **Nhóm 2:**  *Cách lập luận trong văn nghị luận.*  **Nhóm 3:**  *Bố cục của một bài văn nghị luận.*  **Nhóm 4: Diễn đạt trong văn nghị luận**  **- Thực hiện nhiệm vụ**: Thảo luận nhóm trong 5 phút  **- Báo cáo sản phẩm:** các nhóm cử đại diện lần lượt báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại kiến thức. | **1. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường.**  a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành 2 nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học)  b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:  + Điểm chung:  - Đều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề nghị luận.  - Đều sử dụng các luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.  + Điểm khác biệt:  - Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi và sâu sắc.  - Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học. |
| - HS các nhóm nhớ lại kiến thức đã học, thảo luận nhóm và trình bày lần lượt từng vấn đề. | **2. Lập luận trong văn nghị luận**  a) Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.  b) Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho luận điểm.  c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm:  + Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí, những lí lẽ đã được thừa nhận.  + Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ.  + Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng rõ luận điểm.  d) Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục:  + Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.  + Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày.  + Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.  đ) Các thao tác lập luận cơ bản:  + Thao tác lập luận phan tích.  + Thao tác lập luận so sánh.  + Thao tác lập luận bác bỏ.  + Thao tác lập luận bình luận.  Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận. |
| - HS thảo luận, khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác. | **3. Bố cục của bài văn nghị luận**  a) Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (người nge).  Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài; hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.  Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.  b) Thân bài là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp lập luận thích hợp.  Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ lôgíc chặt chẽ.  Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.  c) Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn. |
| - HS thảo luận nhóm, khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác. | **4. Diễn đạt trong văn nghị luận**  + Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận, tránh dùng từ khẩu ngữ hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh,…) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.  + Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc: câu ngắn, câu dài, câu mở rộng thành phần, câu nhiều tầng bậc,…Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ,…  + Giọng điệu chủ yếu của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài văn có thể thay đổi giọng điệu sao cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, mạnh mẽ, trầm lắng, hài hước,…  + Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách; sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận,… |
| **Thao tác 2: Luyện tập** | **II. LUYỆN TẬP** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  GV yêu cầu 1 HS đọc 2 đề văn (SGK) và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu luyện tập.  **a) Tìm hiểu đề:**  - Hai đề bài yêu cầu viết kiểu bài nghị luận nào?  - Các thao tác lập luận cần sử dụng để làm bài là gì?   * Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết?   **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo bàn.  **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | 1. Đề văn (SGK).  2. Yêu cầu luyện tập:  **a) Tìm hiểu đề:**  + Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2).  + Thao tác lập luận: cả 2 đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên, đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận; đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích.  + Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết:  - Với đề 1: Trước hết cần khẳng định câu nói của Xô-cơ-rát với người khách và giải thích tại sao ông lại nói như vậy? Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận.  - Với đề 2: Trước hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các luận điểm. |
| **b) Lập dàn ý cho bài viết.**  -**Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài.  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo nhóm  **-Báo cáo sản phẩm:** Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại. | b**) Lập dàn ý cho bài viết:**  Tham khảo sách *Bài tập Ngữ văn 12* hoặc *Dàn bài làm văn 12* |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 82 - 83: TT tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:**

**Tên bài học:**

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Biết tổng hợp nội dung kiến thức của các tác phẩm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài. | **Đ1** |
| **2** | Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong các tác phẩm văn xuôi. | **Đ2** |
| **3** | Nắm vững và xâu chuỗi các vấn đề cùng một chủ đề văn học. | **Đ3** |
| **4** | Phân tích và đánh giá được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ, thể thơ, hình ảnh…trong các bài thơ. | **Đ4** |
| **5** | Đánh giá được những đóng góp lớn của các nhà văn nhà thơ dối với nền văn học Việt Nam hiện đại. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của các các tác phẩm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **TỰ HỌC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Có ý thức tự học, tự rèn luyện. | **TH** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, YÊU NƯỚC** | | |
| **10** | - Trân trọng những giá trị của các tác phẩm văn học đối với đời sống tinh thần của con người.  - Yêu đất nước qua mỗi trang văn, trang thơ. | **TN**  **YN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài Ôn tâp. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (55 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ** | 8 câu hỏi (8 vấn đề trong sgk)  1.Văn học Nam.  2.Văn học nước ngoài. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (7 phút)** | **N1, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tAác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Tổng hợp** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **kết nối –Đ1**
2. **Nội dung:** Tổ chức trò chơi ô chữ
3. **Sản phẩm:** HS giải mã các ô chữ, kết nối với các kiến thức đã học.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

**Trò chơi ô chữ:**

**- GV giao nhiệm vụ từ tiết học trước:**

+ GV cùng với khoảng 3 HS sẽ lên ý tưởng về trò chơi ô chữ: Các ô chữ hàng ngang liên quan đến các nội dung kiến thức văn học lớp 12.

+ Đến tiết học, nhóm trưởng nhóm HS sẽ lên dẫn chương trình để các thành viên trong lớp giải mã các ô chữ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Giải nghĩa các ô chữ.**

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Chúng ta đã học xong toàn bộ các kiến thức VH 12. Tiết học tới đây, chúng ta sẽ cùng tổng kết toàn bộ các kiến thức đó một cách khái quát nhất trên cơ sở trao đổi - thảo luận theo các câu hỏi trong SGK.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

1. **Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1**

Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức*.*

**b**. **Nội dung:** GV cho HS lần lượt trả lời các câu hỏi bài tập SGK; dùng phương pháp hoạt động nhóm.

**- Các nhóm hoàn thành phiếu HT:**

**PHIẾU HỌC TẬP: ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Vấn đề** |
| **1** | * Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm. |
| **2** | * Các tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó. |
| **3** | * Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*? |
| **4** | * Phân tích đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người. |

**c. Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Thao tác 1: Tổ chức ôn tập văn học Việt Nam**  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh, tìm hiểu các tác phẩm văn xuôi học kì II.  **- Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm trong 5 phút.  **- Báo cáo kết quả:** Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả.  **- Đánh giá, nhận xét và chuẩn kiến thức.** |  |
| 1. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.  ***Nhóm 1 báo cáo.***  ***Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.*** | **1. *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Vợ nhặt*** | ***Vợ chồng A Phủ*** | | **Số phận và cảnh ngộ của con người** | Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945. | Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây ắc dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến trước cách mạng. | | **Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm** | Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi vọng vào một tương lai tươi sáng. | Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đường họ tự giải phóng, đi theo cách mng. | |
| 2. Các tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.  ***Nhóm 2 báo cáo.***  ***Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.*** | ***2. Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi**  Cần so sánh trên một số phương diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:  + Lòng yêu nước, căm thù giặc.  + Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống kẻ thù xâm lược.  + Đời sống tâm hồn, tình cảm cao đẹp.  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,... |
| 3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*?  (***Nhóm 3 báo cáo.***  ***Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.*** | **3. *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu**  Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* rất phong phú và sâu sắc:  + Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó.  + Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.  + Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* giống như một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật phỏng có ích gì. Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống. |
| 4. Phân tích đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.  ***Nhóm 4 báo cáo.***  ***Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.*** | **4. Đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ**  Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau:  1) Phân tích hoàn cảnh trớ trêu của Hồn Trương Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt.  + Trương Ba bây giờ không còn là Trương Ba ngày trước.  + Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng.  + Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trương Ba, xác anh hàng thịt cười nhạo Trương Ba, bản thân Trương Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt.  2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba để rút ra chủ đề, ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích nói riêng và vở kịch nói chung.  + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.  + Cái chết của cu Tị và những hình dung của Hồn Trương Ba khi Hồn nhập vào xác cu Tị.  + Quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba: xin cho cu Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy.  3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tư tưởng của vở kịch: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người. |
| **Thao tác 2: Tổ chức ôn tập Văn học nước ngoài**  **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh, tìm hiểu các tác phẩm văn học nước ngoài:  **Nhóm** 1: Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp.  **Nhóm 2**: Trong truyện ngắn *Thuốc*, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?  **Nhóm 3, 4:** Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê?  **- Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm trong 5 phút.  **- Báo cáo kết quả:** Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả.  **- Đánh giá, nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **II. ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**  **1. *Số phận con người* của Sô-lô-khốp**  + Ý nghĩa tư tưởng:  *Số phận con người* của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người*. Số phận con người* khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả những điều đó sẽ nâng đỡ con người vượt lên số phận.  + Đặc sắc nghệ thuật:  *Số phận con người* có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc. |
| 2. Trong truyện ngắn *Thuốc*, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm? | **2. Truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn**  + Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX:  - Bệnh u mê lạc hậu của người dân.  - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong.  + Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm:  - Cốt truyện đơn giản nhưng hàm súc.  - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trựng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu, hình ảnh con đường, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,...  - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa . |
| 3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê? | **3. Đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê**  Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hê-ming-uê  + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song tương đồng trong một tình huống căng thẳng đối lập.  + Ông lão tượng trưng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình.  + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên.  + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ước mơ vừa bình thường giản dị nhưng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời. |

**HOẠT ĐỘNG 3: HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP.**

1. **Mục tiêu:** **Đ4, Đ5, N1**
2. **Nội dung:** HS lập bảng thống kê các tác phẩm văn học đã học ở học kì II.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực** hiện:

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

Bài tập: Lập bảng theo mẫu các tác phẩm văn học Việt Nam học kì II:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tác giả** | **Tác phẩm** | **Hoàn cảnh sáng tác/Giai đoạn văn học** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
|  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

1. **Mục tiêu: Đ5, V1**
2. **Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

1/Trình bày cảm nhận riêng của em về 1 nhân vật văn học mà em yêu thích nhất trong các tác phẩm văn học đã học ở lớp 12.

2/So sánh với chương trình THCS, các tác phẩm văn học thuộc giai đoạn 1945 – 1975 ở chương trình THPT lớp 12 đã cho em những hiểu biết gì mới, sâu sắc hơn, mở rộng hơn? (viết thành bài văn dài không qua 1000 từ)

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS báo cáo vào tiết học sau.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.
2. **Nội dung:** HS tự trau dồi thêm kiến thức ở nhà
3. **Sản phẩm:** Tài liệu mà HS sưu tầm, nghiên cứu.

**d. Tổ chức thực hiện.**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Đọc các tài liệu liên quan đến các tác phẩm văn học trong chương trình.

- Sưu tầm và đọc thêm các tác phẩm văn học Việt Nam thuộc giai đoạn 45- 75 ngoài chương trình.

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: LÍ LUẬN VĂN HỌC**

**Tiết 84 - 85: Thứ tự tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:**

**GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | * Hiểu được những giá trị cơ bản của văn học. | **Đ1** |
| **2** | * Nắm vững những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học. | **Đ2** |
| **3** | Tiếp nhận được những giá trị của văn bản văn học, | **Đ3** |
| **4** | Vận dụng những giá trị của văn bản văn học vào thực tế đời sống. | **Đ4** |
| **5** | Linh hoạt khi tiếp nhận các văn bản văn học. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các giá trị của văn bản văn học và cách tiếp nhận văn bản văn học. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | - Trân trọng những giá trị của văn học, văn hóa truyền thống.  - Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, với xã hội. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, Phiếu học tập,…

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối – Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến văn bản Một người Hà Nội. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (65 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,**  **GT-HT,GQVĐ** | 1.Giá trị cơ bản của văn học.  2. Hoạt động tiếp nhận văn học. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5, N1, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **N1,V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm kiế thức đã tiếp nhận khi học bài: giá trị văn học và tiếp nhận văn học. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** |  | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: **Kết nối**
2. **Nội dung:** HS giải thích 1 câu tục ngữ
3. **Sản phẩm:** HS phát biểu trực tiếp suy nghĩ
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

1. Phân tích giá trị của câu tục ngữ sau: ***Tôn sư trọng đạo***
2. Theo em, mỗi người có cách lí giải khác nhau về câu tục ngữ. Vậy lí do vì sao có sự khác biệt đó?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

🡪Do sự tiếp nhận văn học ở mỗi người là khác nhau.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4**

- Giúp HS hiểu được những giá trị cơ bản của văn học.

- Nắm vững những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học.

**b**.**Nội dung:**

Hướng dẫn HS tìm hiểu 2 nội dung lớn: Giá trị văn học và tiếp nhận văn học qua thảo luận, tìm hiểu SGK, qua phiếu học tập:

**PHIẾU HỌC TẬP: TÌM HIỂU CÁC GIÁ TRỊ VĂN HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Tìm hiểu giá trị của VH** |
| **1** | **Tìm hiểu giá trị nhận thức của VH** |
| **2** | **Tìm hiểu giá iá trị giáo dục của VH** |
| **3** | **Tìm hiểu giá trị thẩm mĩ của VH** |
| **4** | **Tìm hiểu mối quan hệ giữa các giá trị** |

**c.Sản phẩm và tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu các giá trị văn học.** | **I. GIÁ TRỊ VĂN HỌC** |
| * **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS trả lời câu hỏi:   *Thế nào là giá trị văn học? Văn học có những giá trị cơ bản nào?*  -**Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **- Báo cáo sản phẩm: HS báo cáo kết quả tìm hiểu.**  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **1. Khái quát chung**  + Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống.  + Những giá trị cơ bản:  - Giá trị nhận thức.  - Giá trị giáo dục.  - Giá trị thẩm mĩ. |
| -**Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **2. Giá trị nhận thức**  + Cơ sở:  - Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hóa những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm. Bạn đọc đến với tác phẩm sẽ được đáp ứng nhu cầu nhận thức.  - Mỗi người chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở những không gian nhất định với những mối quan hệ nhất định. Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi.  - Giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết cuộc sống và chính bản thân, từ đó tác động vào cuộc sống một cách có hiệu quả.  + Nội dung:  - Quá trình nhận thức cuộc sống của văn học: nhận thức nhiều mặt cuộc sống với những thời gian, không gian khác nhau (quá khứ, hiện tại, tương lai, các vùng đất, các dân tộc, phong tục, tập quán,…). Ví dụ (…).  - Quá trình tự nhận thức của văn học: người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (mục đích tồn tại, tư tưởng, khát vọng, sức mạnh,… của con người), từ đó mà hiểu chính bản thân mình. Ví dụ (…). |
| 3-**Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **3. Giá trị giáo dục**  + Cơ sở:  - Con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hướng thiện, khao khát cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương.  - Nhà văn luôn bộc lộ tư tưởng- tình cảm, nhận xét, đánh giá, … của mình trong tác phẩm. Điều đó tác động lớn và có khả năng giáo dục người đọc.  - Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức.  + Nội dung:  - Văn học đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống. Ví dụ (…).  - Văn học hình thành trong con người một lí tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Ví dụ (…).  - Văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn. Ví dụ (…).  - Văn học nâng đỡ cho nhân cách con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải- trái, tốt- xấu, đúng- sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Ví dụ (…).  + Đặc trưng giáo dục của văn học là từ con đường cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức,…). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng con người tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. Ví dụ (…). |
| -**Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **4. Giá trị thẩm mĩ**  + Cơ sở:  - Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.  - Thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ. Nhà văn, bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.  - Giá trị thẩm mĩ là khả năng của văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm).  + Nội dung:  - Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc đời, lịch sử,…). Ví dụ (…).  - Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng- tình cảm, những hành động, lời nói,… ). Ví dụ (…).  - Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Ví dụ (…).  - Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ,…) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mĩ. Ví dụ (…). |
| -**Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **5. Mối quan hệ giữa các giá trị văn học**  + 3 giá trị có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, cùng tác động đến người đọc (khái niệm *chân- thiện- mĩ* của cha ông).  + Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. Giá trị thẩm mĩ khiến cho giá trị nhận thức và giá trị giáo dục được phát huy. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục được con người vì nhận thức không chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Tuy nhiên, giá trị nhận thức và giá trị giáo dục chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với giá trị thẩm mĩ- giá trị tạo nên đặc trưng của văn học. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu tiếp nhận văn học.**  - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần II. SGK và nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  + Tìm hiểu khái niệm tiếp nhận trong đời sống văn học.  + Tính chất của tiếp nhận văn học.  + Các cấp độ của tiếp nhận VH.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **II. TIẾP NHẬN VĂN HỌC** |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần II. SGK và nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  + Tìm hiểu khái niệm tiếp nhận trong đời sống văn học.  + Tính chất của tiếp nhận văn học.  + Các cấp độ của tiếp nhận VH.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại  **-** | **1. Tiếp nhận trong đời sống văn học**  Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật,… làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút.  Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.  + Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe).  **2. Tính chất tiếp nhận văn học**  Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp (tác giả và người tiếp nhận, người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông). Vì vậy, gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều khó. Điều này thể hiện ở 2 tính chất cơ bản sau:  + Tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Các yếu tố thuộc về cá nhân có vai trò quan trọng: năng lực, thị hiếu, sở thích, lứa tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống,…Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mĩ làm cho sự tiếp nhận mang đậm nét cá nhân. Chính sự chủ động, tích cực của gười tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống cho tác phẩm. Ví dụ (…).  + Tính đa dạng, không thống nhất: cảm thụ, đánh giá của công chúng về một tác phẩm rất khác nhau, thậm chí cùng một người ở nhiều thời điểm có nhiều khác nhau trong cảm thụ, đánh giá. Nguyên nhân ở cả tác phẩm (nội dung phong phú, hình tượng phức tạp, ngôn từ đa nghĩa,…) và người tiếp nhận (tuổi tác, kinh nghiệm, học vấn, tâm trạng,…). Ví dụ (…). |
| - **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:** HS quan sát phần II. SGK và nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  + Tìm hiểu khái niệm tiếp nhận trong đời sống văn học.  + Tính chất của tiếp nhận văn học.  + Các cấp độ của tiếp nhận VH.  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và phát biểu, mở rộng kiến thức bên ngoài thông qua việc chuẩn bị bài ở nhà.  **-Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  **- Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và chốt lại | **3. Các cấp độ tiếp nhận văn học**  a) Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học:  + Cấp độ thứ nhất: cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. Đây là cách tiếp nhận đơn giản nhưng khá phổ biến.  + Cấp độ thứ hai: cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm.  + Cấp độ thứ ba: cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  b) Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần:  + Nâng cao trình độ.  + Tích lũy kinh nghiệm.  + Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn.  + Tiếp nhận một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng.  + Không nên suy diễn tùy tiện. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** **Đ4, N1**
2. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi nâng cao.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:**

***Bài tập 1:*** Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người, hay nói như Thạch Lam là "làm cho lòng người được trong sạch và phong phú hơn". Nói như vậy có đúng không? Vì sao?

***Bài tập 2:*** Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**Dự kiến sản phẩm (Mục c).**

***Bài tập 1:***

+ Đây chỉ là cách nói để nhấn mạnh giá trị giáo dục của văn chương, không có ý xem nhẹ các giá trị khác.

+ Cần đặt giá trị giáo dục trong mối quan hệ không thể tách rời với các giá trị khác.

***Bài tập 2:***

Đây là cách nói khác về các cấp độ khác nhau trong tiếp nhận văn học: cảm là cấp độ tiếp nhận cảm tính, hiểu là cấp độ tiếp nhận lí tính.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG,**

**a.Mục tiêu: Đ1, N1, V1**

**b.Nội dung:** HS liên hệ tác phâm với cuộc sống ngày nay.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo phương thức nghị luận.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

? Phân tích một tác phẩm văn học cụ thể (tự chọn) để làm sáng tỏ các giá trị (hoặc các cấp độ) trong tiếp nhận văn học.

**- HS làm việc cá nhân tại nhà.**

**- HS nộp sản phẩm vào tiết học tự chọn.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. **Mục tiêu:** HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.
2. **Nội dung:** HS tự trau dồi thêm kiến thức
3. **Sản phẩm:** Phần bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**+** Hệ thống lại kiến thức bài học.

* **HS thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân.
* **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học sau.**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 86- 87**

**Tên bài học:**

**CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG:**

**CÁC NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 1945 – 1975 VÀ SAU 1975**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Tìm hiểu các nội dung chương trình Ngữ văn của địa phương | **Đ1** |
| **2** | Hiểu được những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm văn học địa phương. | **Đ2** |
| **3** | Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học ở địa phương mình. | **Đ3** |
| **4** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học địa phương. | **N1** |
| **5** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **6** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **7** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **8** | - Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống của quê hương mình.  - Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. | **TN** |

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2.Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**\*Chuẩn bị trước tiết học:**

GV giao nhiệm vụ cho 4 nhóm tìm hiểu về văn học dân gian của tỉnh Nam Định theo 3 mảng sau:

+ Nhóm 1+ 2: Sưu tầm các tác giả, tác phẩm của các nhà văn hiện đại của Nam Định giai đoạn kháng chiến chống Pháp

+ Nhóm 3+ 4: Sưu tầm các tác giả, tác phẩm của các nhà văn hiện đại của Nam Định giai đoạn kháng chiến chống Mĩ.

+ Nhóm 5: Sưu tầm các tác giả, tác phẩm của các nhà văn hiện đại của Nam Định giai đoạn sau ngày đất nước thống nhất:

HS tích cực thảo luận nhóm về nhiệm vụ được giao, chuẩn bị nội dung thuyết trình.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến chương trình văn học địa phương. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Tìm hiểu về các tác giả, tác phẩm giai đoạn kháng chiến chống Pháp của quê hương Nam Định.  2.Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm văn học chống Mĩ của quê hương Nam Định  3. Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm văn học sau thời kì đất nước thống nhất của quê hương Nam Định. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3, N1, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (10phút)** | **N1, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông được các tác gải gửi gắm qua các văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | Đ7 | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**IV.TỔ CHỨC DẠY - HỌC**

GV giao cho 1 HS làm MC dẫn dắt tiết học tìm hiểu về văn học địa phương tỉnh Nam Định

**Hoạt động 1:**

**Tìm hiểu về các tác giả, tác phẩm giai đoạn kháng chiến chống Pháp của**

**quê hương Nam Định**

1. **Mục tiêu**: HS tìm hiểu văn học chống Pháp của địa phương, kết nối việc tìm hiểu kiến thức mới.
2. **Nội dung:** HS sưu tầm văn học chống Pháp của địa phương Nam Định và báo cáo.
3. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm 1, 2.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

GV đã giao nhiệm vụ cho nhóm 1, 2 tìm hiểu văn học chống Pháp theo nhóm tiết học trước.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: Nhóm 1 và nhóm 2 treo kết quả làm việc
* **Báo cáo sản phẩm:** MC mời nhóm 1, 2 lên thuyết trình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
* **Đánh giá, nhận xét** : GV nhận xét kết quả làm việc của 2 nhóm

\***GV giảng**: Thế hệ các nhà thơ trong kháng chiến chống Pháp: Trần Dần, Vũ Cao, Bùi Hạnh Cẩn, Trần Lê Văn, Hải Như, Vũ Ngọc Bình, Ngũ Liên Tùng. Họ lên đường từ ngày khởi nghĩa, giành chính quyền, người trở thành anh bộ đội cụ Hồ tham gia các chiến dịch; người làm báo, làm cán bộ diệt dốt, cứu đói. Người ta thấy các "thi nhân tiền chiến" nhập cuộc mau lẹ. Ở Hà Nội, Văn Cao sáng tác "Tiến quân ca" trước ngày Tổng khởi nghĩa, tác phẩm để đời của ông thành bản "Quốc ca" thiêng liêng hùng tráng của đất nước Việt Nam trăm quý ngàn yêu. Ở Nam Bộ, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến, từ chiến khu Đồng Tháp Mười viết "Thư gửi về Cha", viết ca từ "Tiểu đoàn 307" oai hùng, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Trí phổ nhạc, bộ đội hát vang trước giờ xuất trận. Ở chiến khu Việt Bắc, Trần Dần, Hải Như viết báo, làm thơ kháng chiến. Trần Lê Văn, Đoàn Văn Cừ ở Liên khu Ba làm thơ "địch vận", thơ ca ngợi nghĩa tình quân dân thắm thiết trong khi Vũ Cao vượt mây sương Yên Tử, hành quân qua "Đèo Trúc", về khu du kích xứ Đoài... Thơ chống Pháp đổi mới về chất, nhiều bài bộ đội thuộc, dân truyền tay... được nối dài với "Núi Đôi" của Vũ Cao, "Đây Việt Bắc!", "Cổng tỉnh" của Trần Dần, "Cửu Long Giang ta ơi!" của Nguyên Hồng, "Những người trên cửa biển" của Văn Cao... tạo đà cho thơ chống Mỹ, thơ đấu tranh thống nhất đất nước tiếp nối hành trình.

**\*Tác phẩm:**

**- Thư gửi thầy mẹ– Nguyễn Bính**

Ai về làng cũ hôm nay,  
Thư này đưa hộ cho thầy mẹ tôi.  
Con đi mười mấy năm trời,  
Một thân, một bóng, nửa đời gió sương.  
Thầy đừng nhớ, mẹ đừng thương,  
Cầm như đồng kẽm ngang đường bỏ rơi!  
Thầy mẹ ơi, thầy mẹ ơi,  
Tiếc công thầy mẹ đẻ người con hư!  
  
Con đi năm ấy tháng tư,  
Lúa chiêm xấp xỉ giỗ từ tháng ba.  
Con đi quạnh cửa quạnh nhà,  
Cha già đập lúa, mẹ già giữ rơm.  
Cha giậm gạo, mẹ thổi cơm,  
Có con, con vắng, ai làm thay cho.  
Con dan díu nợ giang hồ,  
Một mai những tưởng cơ đồ làm nên.  
Ai ngờ ngày tháng lưu niên,  
Đã không gọi chút báo đền dưỡng sinh.  
Lại mang ân ái vào mình,  
Cái yêu làm tội làm tình cái thân.  
Bó tay như kẻ hàng thần,  
Chán chường như lũ tàn quân lìa thành.  
Mẹ cha thì nhớ thương mình,  
Mình đi mình nhớ người tình xa xôi...  
Ở thư nầy thầy mẹ ơi,  
Nhận cho con lấy vài lời kính thăm.  
Xin thầy mẹ cứ yên tâm.  
Đừng thương nhớ, một vài năm con về.  
Thầy ơi đừng chặt vườn chè,  
Mẹ ơi, đừng bán cây lê con trồng...  
Nhớ thương thầy mẹ khôn cùng,  
Lạy thầy, lạy mẹ, thấu lòng cho con.

* **" Cửu Long Giang”- Nguyễn Bính**

Buổi xuất quân tiểu đoàn năm ấy

Cả tiểu đoàn thề dưới sao vàng:

Người chiến sĩ tiếc gì máu rơi

Buổi xuất quân tiểu đoàn năm ấy

Nguyện một lòng gìn giữ non sông.

Lưỡi gươm vung dưới cánh tay sắt

Nổ súng đồng đồn giặc vỡ tan.

Các chiến sỹ lòng son, dạ sắt, gan vàng tiến lên:

Đánh đâu được đấy

Oai hùng biết mấy

…Tiếng tiểu đoàn

Bao nhiêu quân Pháp run rẩy sợ hãi

Vang lừng danh tiếng

Ba trăm lẻ bảy

* **“Núi đôi” – Vũ Cao**

Bảy năm về trước, em mười bảy  
Anh mới đôi mươi, trẻ nhất làng  
Xuân Dục, Đoài Đông hai cánh lúa  
Bữa thì em tới, bữa anh sang  
  
Lối ta đi giữa hai sườn núi  
Đôi ngọn nên làng gọi núi Đôi  
Em vẫn đùa anh: sao khéo thế  
Núi chồng núi vợ đứng song đôi!  
  
Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới  
Ngơ chùa cháy đỏ những thân cau  
Mới ngỏ lời thôi, đành lỗi hẹn  
Đâu ngờ từ đó bặt tin nhau.  
  
Anh vào bộ đội, lên Đông Bắc  
Chiến đấu quên mình năm lại năm  
Mấy bận dân công về lại hỏi  
Ai người Xuân Dục, núi Đôi chăng?  
  
Anh nghĩ, quê ta giặc chiếm rồi  
Trăm nghìn căm uất bao giờ nguôi  
Mỗi tin súng nổ vành đai địch  
Sương trắng người đi lại nhớ người.  
  
Đồng đội có nhau thường nhắc nhở  
Trung du làng nước vẫn chờ trông  
Núi Đôi bốt dựng kề ba xóm  
Em vẫn đi về những bến sông?  
  
Náo nức bao nhiêu ngày trở lại  
Lệnh trên ngừng bắn, anh về xuôi  
Hành quân qua tắt đường sang huyện  
Anh ghé thăm nhà, thăm núi Đôi.  
  
Mới tới đầu ao, tin sét đánh  
Giặt giết em rồi, dưới gốc thông  
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thửa  
Em sống trung thành, chết thuỷ chung!  
  
Anh ngước nhìn lên hai dốc núi  
Hàng thông bờ có con đường quen.  
Nắng lụi bỗng dưng mờ bóng khói  
Núi vẫn đôi mà anh mất em!  
  
Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo:  
Em còn trẻ lắm, nhất làng trong;  
Mấy năm cô ấy làm du kích  
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng?  
  
Từ núi qua thôn, dường nghẽn lối  
Xuân Dục, Đoài Đông cỏ ngút đầy  
Sân biến thành ao, nhà đổ chái  
Ngổn ngang bờ bụi cánh dơi bay  
  
Cha mẹ đưa nhau về nhận đất  
Tóc bạc thương từ mỗi gốc cau  
Nứa gianh nửa mái lều che tạm  
Sương nắng khuây dần chuyện xót đau.  
  
Anh nghe có tiếng người qua chợ:  
Ta gắng: mùa sau lúa sẽ nhiều  
Ruộng thấm mồ hôi từng nhát cuốc  
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!  
  
Nhưng núi còn kia, anh vẫn nhớ.  
Oán thù còn đó, anh còn đây  
Ở đâu cô gái làng Xuân Dục  
Đã chết vì dân giữa đất này!  
  
Ai viết tên em thành liệt sĩ  
Bên những hàng bia trắng giữa đồng  
Nhớ nhau anh gọi em: đồng chí  
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng.  
  
Anh đi bộ đội sao trên mũ  
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường  
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi  
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.

1956

**Hoạt động 2:**

**Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm văn học chống Mĩ của quê hương Nam Định**

1. **Mục tiêu**: HS tìm hiểu văn học chống Mĩ của địa phương
2. **Nội dung:** HS sưu tầm văn học chống Mĩ của địa phương Nam Định và báo cáo.
3. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm 3,4.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

GV đã giao nhiệm vụ cho nhóm 3, 4 tìm hiểu văn học chống Mĩ theo nhóm tiết học trước.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: Nhóm 3 và nhóm 4 treo kết quả làm việc.
* **Báo cáo sản phẩm:** MC mời nhóm 3, 4 lên thuyết trình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
* **Đánh giá, nhận xét** : GV nhận xét kết quả làm việc của 2 nhóm.

\***GV giảng:**

Thế hệ chống Mỹ với "Sức mới" tươi trẻ, những giọng điệu tin yêu mang đến cho thơ diện mạo mới. Những cây bút làm thơ khi đang là sinh viên: Vũ Quần Phương, Bế Kiến Quốc, Phạm Đình Ân. Hoàng Trung Thuỷ, Đặng Hiển, Đỗ Phú Nhuận đến với thơ từ những ngày đầu bước lên bục giảng. Thanh Tùng rồi Đào Vĩnh trình làng những sáng tác thơ lấy cảm hứng "như lửa cháy khát khao" nơi xưởng thợ, giữa công trường xây dựng. Người làm thơ khi đang là phóng viên tuyến lửa Quảng Bình là nhà báo Trần Mạnh Thường. Một người vượt khó, tập viết bằng chân qua "những năm tháng không quên", tốt nghiệp đại học, chuyên tâm dạy học và  sáng tác cho thiếu nhi, đó là Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Ngọc Ký. Hai cây bút "thân gái dặm trường" đội mũ tai bèo vượt Trường Sơn đến miền phụ cận Sài Gòn làm cán bộ Phụ vận là Hà Phương, làm giáo viên vùng giải phóng B3 là Đặng Nguyệt Anh. Những cây bút mặc áo lính có mặt ở các binh trạm, các chiến trường B, C... đến chiến dịch Hồ Chí Minh ngày toàn thắng: Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Thị Đạo Tĩnh, Trần Quốc Thực, Trần Mạnh Hảo, Phạm Thái Quỳnh, Phạm Trường Thi, Phạm Công Trứ, Phạm Trọng Thanh. Một cây bút trẻ nhiều triển vọng thế hệ chống Mỹ thành liệt sỹ trước ngày Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam quyết định công nhận hội viên là Vũ Đình Văn. Anh quê gốc thôn Tự An, xã Đại Thắng (Vụ Bản), tình nguyện nhập ngũ khi đang là sinh viên khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nhà thơ Vũ Đình Văn hy sinh khi làm nhiệm vụ trực chiến tại đơn vị tên lửa bảo vệ Hà Nội, ngày 27-12-1972 những giờ phút cuối chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ trên không, quân và dân Hà Nội đánh bại lũ pháo đài bay B52 của không lực Hoa Kỳ.

Thơ chống Mỹ được bổ sung và khẳng định thêm sức mạnh nhân nghĩa, tư tưởng và đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh, lòng tôn kính của nhân dân đối với lãnh tụ trong các bài thơ viết về Bác Hồ của nhà thơ Hải Như khởi đầu từ "Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi...". Thơ chống Mỹ được "gia cố" thêm các sáng tác đả kích "Năm đời Tổng thống" của nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn (bút danh Lê Xung Kích) để sau đó "trận địa mới" được chuyển giao sang Ngũ Liên Tùng "người thúc trống quê" với những bài thơ trào phúng chống tiêu cực khá chắc tay. Cùng với các tập thơ trữ tình, sự nở rộ của thể loại trường ca viết về Đất nước, Nhân dân và Quân đội Nhân dân anh hùng xuất hiện giai đoạn cuối của cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước: "Trường ca Sư đoàn" của nhà thơ Nguyễn Đức Mậu; "Đất nước hình tia chớp", "Mặt trời trong lòng đất" của nhà thơ Trần Mạnh Hảo, "Lời chào" của nhà thơ Trần Mạnh Thường... những tác phẩm hoành tráng, mang âm hưởng anh hùng ca về đích thành công.

**\*Tác phẩm:**

**- “Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi “– Hải Như**

"Trăng vào cửa sổ đòi thơ"  
Bác vừa chợp mắt, xin chờ trăng ơi!  
  
Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa  
Trăng trăng ơi, hãy yên lặng cúi đầu...  
Trọn cuộc đời Bác có ngủ yên đâu  
Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ.  
  
Hỡi ai đó, không được rời đội ngũ  
Theo hàng hai, đi lặng lẽ tiến dần  
Đừng khóc oà, hãy rón rén bàn chân  
Bước nhẹ nữa. Bác Hồ vừa chợp mắt  
Bác nằm đó, bộ ka-ki Bác mặc  
Chưa kịp thay, Người vừa ngả lưng nằm.  
Nếu ta đoán không lầm; Bác mới đi thăm  
Một xóm thợ, xem nơi ăn chốn nghỉ...  
Nhưng không phải – vì khi ta ngắm kỹ  
Trên má Bác Hồ còn in dấu chiếc hôn  
Các cháu nhi đồng lớp học đầu thôn  
Được Bác ghé thăm, Bác cho bá cổ...  
  
Hỡi ai đó, cắn chặt môi, hãy cố  
Đừng để cho tiếng nấc động tai Người.  
Bác Hồ vừa chợp mắt ngủ đó thôi  
Trước giường Bác, ta nghẹn ngào đứng ngắm  
Mái tóc Bác lẫn với mầu gối trắng  
Râu Bác thưa cũng bạc trắng một mầu,  
Ta muốn làm con nhỏ vuốt chòm râu  
Từng sợi bạc dãi dầu sương, nắng, gió.  
Đôi dép lốp như cùng ta kể rõ  
Người quên Người, dành hết thảy cho ta!  
Từ có Bác Hồ, thêm rạng rỡ ông cha  
Tên của Bác đẹp thắm trang lịch sử.  
Ta đứng lặng trước giấc Người yên Ngủ!  
Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa  
Trăng trăng ơi, hãy yên lặng cúi đầu...  
Trọn cuộc đời Bác có ngủ yên đâu  
Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ.  
  
Hỡi ai đó, đừng gục đầu ủ rũ  
Bác dặn ta: nhớ Bác phải vươn mình  
Giường Bác nằm chiếu sáng giữa trăng thanh,  
Chiếc giường một suốt đời, ta nhớ mãi...  
Cạnh nách Bác, đồng chí đi bên ơi, có phải  
Ta nhìn như chiếc quạt Bác hay dùng  
Chiếc quạt quê nhà, Bác vẫn giắt lưng!  
Cùng với khúc ca dao ngọt ngào, Bác thuộc.  
Bên gối Bác còn ấm lời non nước  
Ánh hào quang sông núi tụ trên mình  
Bác chan hoà như biển lớn mông mênh  
Hồn dân tộc kết tinh hồn thời đại...  
  
Hỡi ai đó, như trẻ thơ khóc mãi  
Hãy lau khô đừng để lệ chảy tràn  
Bác không muốn ta chìm trong biển lệ khóc than  
Trước khi ngủ, Bác dặn dò tha thiết  
Vầng trán Bác in giấc mơ tuyệt đẹp!  
Hãy đọc trong mi mắt khép: nụ cười,  
Bác Hồ nằm, tay không để buông xuôi  
Đặt trước ngực như khi Người dạo mát.  
Ôi ta nhơ hai bàn tay của Bác  
Vỗ nhịp cho cả nước hát Kết Đoàn.  
Ngày mai đây khi giải phóng Miền Nam  
Cả nước hát, vắng bàn tay Bác vỗ...  
Ta đứng lặng trước giấc Người yên ngủ!  
Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa  
Trăng trăng ơi, hãy yên lặng cúi đầu...  
Trọn cuộc đời Bác có ngủ yên đâu  
Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ.  
  
Hỡi ai đó, từ Cà Mau về đủ  
Tạm dừng bên nhường bước bạn bè xa  
Hỏi có ai giàu hơn Bác Hồ ta  
Người chợp mắt, cả năm châu cùng đến  
Trên giường Bác, chúng tôi không thắp nến  
Đã có trăng sao ôm ấp quanh Người  
Bác yêu trăng như yêu một con người  
Trong thơ Bác, trăng với hoa là bạn  
Giao thừa tới từ nay đâu tiếng Bác  
Chúc đồng bào chiến sĩ, giọng ngân vang  
Giọng của Bác Hồ làm ấm cả không gian  
Nghìn thế hệ mai đây còn ấp ủ...  
  
Hỡi ai đó, xiết chặt thêm đội ngũ  
Người vẫy ta kia, môi Bác mỉm cười  
Bác giữa Ba Đình rực rỡ nắng tươi  
Trong tim óc chúng ta, Người vẫn sống  
Bác dẫu ngủ, kẻ thù đừng hy vọng  
Ánh sáng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đời  
Bác thức tỉnh ta: giữ lấy kiếp người  
Ta thức tỉnh, nguyện bên Người vĩnh viễn  
Xin Bác ngủ giữa dòng đời lưu luyến  
Với Mác Lênin, giấc ngủ nghìn đời  
Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi...

(Chiều 8 tháng 9 năm 1969)

* **Bài thơ “Tâm tình” – trích trường ca “Trường ca Sư đoàn” – Nguyễn Đức Mậu**

Bài hát đầu tiên tôi hát ở Sư đoàn  
Mây trôi trắng khoảng trời Tây Bắc  
Các anh tôi thuở mũ nan, súng kíp  
Có bao người tôi chưa được tìm thăm  
  
Nếu tất cả trở về đông đủ  
Sư đoàn tôi sẽ thành mấy Sư đoàn...?  
   
Có những anh hùng lưu lạc tuổi tên  
Có những chiến công nằm ngoài trang sử  
Tôi biết mình đứng ở phía sau  
Có cái chết các anh che chở  
  
Thế hệ chúng tôi rừng xanh, lính trẻ  
Tuổi chúng tôi bằng tuổi Sư đoàn  
Mặc áo màu xanh  
Đứng trong quân ngũ  
Sau con đường Tây Bắc đến Trường Sơn  
  
Những đêm  
Hơi núi giăng triền đá  
Chiếc võng xa nhà treo ở rừng hoang  
Hai đầu dây cây Bắc, cây Nam  
Chiếc võng hóa mảnh trăng nằm giữa  
  
Đất nước tôi chia làm hai nửa  
Trận bom rung vọng suốt hai đầu  
Trong cuộc chiến tranh này  
Triệu chiếc võng rừng sâu  
Làm triệu cây cầu  
Nói liền vết cắt  
Da thịt người vá lành da thịt đất  
Trong nỗi đau của đất có con người...  
Tôi nghĩ đến cuộc hành quân vào Nam, ra Bắc  
Sư đoàn tôi trải những mùa chiến dịch  
Dấu chân đi đủ khép một vòng trời  
  
Tên tuổi chúng tôi rải rác khắp rừng cây  
Rải rác dòng tên nơi đèo cao, vực thẳm  
Tên tuổi chúng tôi trụi trần như quả đạn  
Tên tuổi chúng tôi lỗ chỗ vết đạn bay trên nền đỏ lá cờ  
Người hy sinh và người còn sống  
Cùng đứng trong đội ngũ Sư đoàn  
  
Những đêm  
Mùi cỏ nồng bị đốt thổi lang thang  
Rừng trút lá  
Gió vặn mình  
Vật vã  
Ai đang thức, đang mơ, đang ngủ...  
Tôi muốn nằm trò chuyện với rừng cây  
  
Câu thơ tôi ghi vội tháng ngày  
Nơi mảnh đất sự sống kề cái chết  
Thơ chưa thể nói lời dịu ngọt  
Con đường rừng trăm hốc đạn nhìn tôi  
  
Ngày tháng đi qua, ân tình không cạn  
Tôi xâu vào chuỗi hạt đầy vơi  
Chuỗi ngọc nằm trên tay tôi, tay bạn  
Nếu tung lên thành sao sáng ngang trời...  
  
Thơ nhắc gì cùng bạn, cùng tôi  
Cảm xúc từ trái tim  
Tư tưởng sáng trong đầu  
Khi chúng ta soi vào trang giấy  
Một khoảng vắng mỏng manh  
Tâm tình ta nhắn gửi  
Một ngọn đèn mê mải  
Thức qua đêm nối với mặt trời...  
  
Mỗi câu thơ như sợi tơ dài  
Rút ra từ tháng ngày bom đạn  
Có khi là lời ca trên môi bạn  
Có thể là ngọn lửa ở tay tôi  
  
Tôi yêu những câu thơ mặc áo lính sờn vai  
Những câu thơ nằm chiến hào đợi giặc  
Những câu thơ trộn mồ hôi, bùn đất  
Những câu thơ từ thực chất cuộc đời  
Như lá không cần trang điểm  
Chùm quả chín rung rinh chùm ánh sáng  
Sức xanh tươi không kể chi mùa  
  
Đêm mênh mông trang giấy chẳng bến bờ  
Tôi sẽ lạc giữa ngôn từ sáo rỗng  
Nếu không có con đường vào mặt trận  
Con đường rừng sột soạt mảnh lân tinh  
Dưới vực sâu đêm dày vốc được  
Đốt dép lên soi rõ bước chân mình...

**Hoạt động 3:**

**Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm văn học sau thời kì đất nước thống nhất của quê hương Nam Định**

1. **Mục tiêu**: HS tìm hiểu văn học sau 1975 của địa phương
2. **Nội dung:** HS sưu tầm văn học sau 1975 của địa phương Nam Định và báo cáo.
3. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm 5
4. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**

GV đã giao nhiệm vụ cho nhóm 5 tìm hiểu văn học sau 1975 theo nhóm tiết học trước.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: Nhóm 5 treo kết quả làm việc.
* **Báo cáo sản phẩm:** MC mời nhóm 5 lên thuyết trình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
* **Đánh giá, nhận xét** : GV nhận xét kết quả làm việc của nhóm 5

\***GV giảng**: Thế hệ những cây bút xuất hiện sau ngày đất nước thống nhất: Đỗ Bạch Mai, Lê Trung Nguyệt, Lê Văn Thiềng, Vũ Thị Khương, Nguyễn Bính Hồng Cầu, mỗi người một vẻ, tinh tế, đáng yêu.

Những cây bút xuất hiện sau đổi mới: Hữu Việt, Đoàn Mạnh Phương nhanh chóng khẳng định bút lực bằng giải thưởng Hội Nhà văn, giải thưởng báo Văn nghệ, Văn nghệ Quân đội. Họ trong số những cây bút sung sức, còn bao nhiêu hứa hẹn phía trước.

\***Tác phẩm:**

- **Nhà thơ Nguyễn Bính Hồng Cầu (con gái Nguyễn Bính):**

**MẶT TRỜI MÀU XANH LÁ CÂY**

Sáng người nói, mặt trời màu vàng

tôi lặng im nghĩ màu của ban mai

chiều người nói, mặt trời đỏ ối

tôi lặng im nghĩ màu của hoàng hôn.

Sáng nay người lại nói mặt trời màu xám

tôi cúi mặt nghĩ chắc là màu của bão

trưa người nói mặt trời màu xanh lá cây

tôi chết đứng trong cái mặt trời màu lá ấy.

**BÀ LÃO GÁNH HÀNG RONG**

Hai bên đại lộ

những ngôi nhà tầng

cao chọc trời

lòng đường rộng thênh thang.

Bà lão băng qua đường

gánh hàng rong trên vai kẽo kẹt

chiếc bóng còng xiêu vẹo

giữa trưa hè cơn nắng dữ

nỗi nhọc nhằn ướt đẫm hai vai.

Bà lão đi dọc phố cao

tiếng rao không chạm tới cõi người

gánh hàng rong

oằn nỗi niềm nhân thế…

Bà lão đi vào ngõ sâu

phía sau nhà cao tầng

những con hẻm ngoằn ngoèo

giăng giăng mạng nhện

quá nhiều cống rãnh

chỉ thiếu nắng và không có gió.

Tiếng bà lão rao hàng

đọng giữa đời nghèo khó

gánh hàng vợi đi

cùng nỗi nhọc nhằn…

Bà lão móm mém cười

con hẻm bừng sắc nắng.

**ĐAU ĐÁU TRĂM NĂM**

Năm mươi tuổi chị mới có cuộc đời chồng vợ

Nửa phận người mấy lần lỡ dở

Chút muộn màng cố nhen lửa chiều thu

Hạnh phúc ư? Biết thế nào tròn méo

Chị lặng thầm bơi trong nước mắt đi tìm.

Mười năm chồng vợ thời gian qua kẽ ngón

Đêm chông chênh nỗi mình câm nín

Nghiêng bên nào cũng trống hoác mùa đông

Nằm cạnh chồng chị ngỡ mình Tô Thị

Bốn cõi nhân sinh biết vọng nơi nào?

Vốc thời gian tuột qua từng kẽ ngón

Chút lỡ làng lỡ trao lỡ nhận

Đau đáu trăm năm lỡ một phương chồng.

**CỐC ĐÊM**

Ta rót vào cốc đêm

thứ dung dịch của mười tám tầng địa ngục

cái chất đen trong tâm quỉ dữ

vĩnh viễn không có ánh ngày.

Ta hớp một ngụm

hun hút chua cay

hun hút đắng

cốc đêm đặc quánh.

Ta bơi lặn

giữa mười tám tầng địa ngục

mười ngón tay tóe máu

bới tro tàn thắp lửa sao mai.

Ngày với đêm vòng quay trời đất

ta với ta vòng quay miệng cốc

thiên đường địa ngục

ta nốc cạn!

* **Nhà thơ Đỗ Bạch Mai với bài thơ “Năm bông hồng trắng”**

Nói chuyện nho nhỏ  
Bên bông hồng đỏ  
Bên bông hồng xanh  
Trò chuyện với anh  
Năm bông hồng trắng  
Này bông xa vắng  
Này bông nhớ thương  
Bông này giận hờn  
Bông này chờ đợi...  
Còn một bông cuối ?  
  
Còn một bông cuối  
Anh không dám nói  
Còn bông cuối cùng  
Em không dám hỏi  
Còn một bông cuối  
Dịu dàng tỏa hương..

* Kết luận:

Các thế hệ cầm bút nối tiếp làm nên diện mạo thơ Nam Định. "Không ồn ào về khuynh hướng, không luyến láy với trào lưu, thơ Nam Định vẫn "ám thị" trên hai dòng chảy bập bềnh truyền thống và sóng sánh cách tân. Điển hình cho dòng truyền thống từ Nguyễn Bính, Vũ Cao đến Vũ Quần Phương, Nguyễn Đức Mậu, Trần Mạnh Hảo, Phạm Trọng Thanh, Đặng Nguyệt Anh... Điển hình cho dòng cách tân có Trần Dần, Văn Cao đến các thế hệ hậu sinh khả dĩ Trần Quốc Thực, Đoàn Mạnh Phương..." (Trích "Nam Định - đất thi nhân", nhà thơ Nguyễn Khắc Thạch - Ủy viên Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam chấp bút).

Chiến tranh vệ quốc, lao động dựng xây, bảo vệ Tổ quốc sinh trưởng các anh hùng, các nhà khoa học, các nhà thơ. Đồng hành cùng dân tộc qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, trong xây dựng hoà bình và đổi mới, thơ sáng ngời phẩm chất công dân - chiến sỹ, phẩm cách nhân văn cao đẹp, được bạn đọc tin yêu, thơ trở thành tài sản tinh thần cao quý.

**\*HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Tìm đọc thêm các tác phẩm các các nhà thơ khác của Nam Định .
* Tìm hiểu các sáng tác văn xuôi của các nhà văn tỉnh Nam Định.

**TIẾT 88,89,90 - KHDH**

**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I.MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức :**

Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận xã hội

**2.Kĩ năng**

- Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội.

- Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

\* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc trong việc ôn tập chuẩn bị thi TN.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành**

**\* NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

**\* NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

**II. HÌNH THỨC ÔN TẬP**

**GV CHO HS LÀM ĐỀ VÀ CHỮA**

**A. ĐỌC - HIỂU & NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

ĐỀ 01

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích rồi thực hiện các yêu cầu:**

*Từ chối là một kỹ năng sống quan trọng và cốt yếu. Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không ai muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói. Nhưng mọi người vẫn lựa chọn điều này. Mọi lúc.*

*Chúng ta cần phải từ chối một thứ gì đó. Nếu không, ta hoàn toàn không thể có nổi bản sắc cá nhân. Hành động lựa chọn một giá trị cho bản thân đòi hỏi việc từ chối lựa chọn giá trị khác. Nếu muốn có một tình bạn chân thành, tôi sẽ từ chối việc đối xử tệ bạc với bạn bè sau lưng họ. Nếu muốn một cuộc hôn nhân hạnh phúc, tôi sẽ không lấy rượu và ma túy làm lẽ sống của cuộc đời mình.*

*Thành thực là niềm khao khát tự nhiên của con người. Nhưng một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái việc nói và nghe từ “không”. Theo đó, từ chối khiến cuộc đời bạn tốt đẹp hơn*

(Dẫn theo Mark Manson, *Nghệ thuật tinh tế của việc “đếch” quan tâm*,

NXB Văn học, Hà Nội, 2019, tr.238)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính.

**Câu 2.** Nêu nội dung của đoạn trích.

**Câu 3.** Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ trong đoạn văn: *Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không ai muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói.*

**Câu 4.** Theo anh/chị, vì sao tác giả viết: *một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái việc nói và nghe từ “không”*?

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về cách nói lời từ chối.

ĐỀ 02

**I. ĐỌC- HIỂU (3,0 điểm)**

***Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:***

*Trong dòng đời vội vã có nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Nhưng đã là cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn có nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta chia sẻ, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. Đó chính là sự cho và nhận trong cuộc đời này.*

*“Cho” và “nhận” là hai khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhưng số người có thể cân bằng được nó lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ai cũng có thể nói “những ai biết yêu thương sẽ sống tốt đẹp hơn” hay “đúng thế, cho đi là hạnh phúc hơn nhận về”. Nhưng tự bản thân mình, ta đã làm được những gì ngoài lời nói? Cho nên, giữa nói và làm lại là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Nhưng xin đừng quá chú trọng đến cái tôi của chính bản thân mình. Xin hãy sống vì mọi người để cuộc sống không đơn điệu và để trái tim có những nhịp đập yêu thương.*

*Cuộc sống này có quá nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là tình yêu thương. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi.*

(Trích- ***Lời khuyên cuộc sống***, nguồn Internet)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản *(0,5 điểm)*

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn văn bản là gì? *(0,5 điểm)*

**Câu 3:** Tại sao tác giả cho rằng “*Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình”?(1,0 điểm)*

**Câu 4:** Anh/chị có đồng tình với quan điểm *“Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác”* hay không*? ”?(1,0 điểm)*

**Câu 1 *(2,0 điểm):***

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong phần đọc - hiểu : “*Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi”*

ĐỀ 03

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Mỗi chúng ta, dù là người lạc quan nhất - cũng hẳn đã từng ít nhất một lần cảm thấy bi quan và nhận ra rằng: Cuộc sống này, thật ra đầy rẫy những bất trắc và không may. Mỗi ngày, chỉ riêng việc mở Ti-vi lên và xem hàng tá những mẩu tin về thế giới đầy biến động, có lẽ cũng đủ làm cho chúng ta mất đi đôi chút sự lạc quan. Bước chân ra khỏi nhà, chúng ta lại buộc mình lao vào một cuộc chiến khốc liệt, với những xung đột, những vất vả, những đua tranh vô hình với xã hội, những gánh nặng của chính bản thân.*

*Bạn chẳng thể làm được gì đâu, những điều bất trắc và vất vả không như ý này vốn đã là một phần chẳng thể gạt bỏ của cuộc sống. Bạn sẽ luôn gặp phải chúng trên con đường của mình mà chẳng thể nào bẻ ngoặt lái đi để trốn tránh. Con người trở thành những tờ giấy thấm, dễ dàng hút về mình những tiêu cực và xấu xí của đời sống hiện đại xung quanh, từng chút từng chút, chúng thấm vào và khiến bạn cảm thấy chỉ thở thôi cũng nặng nề, cuộc sống qua đôi mắt thật xám xịt và chẳng có gì hay ho.*

*Chúng tôi cảm thấy rằng, chính giữa những guồng quay hối hả, khắc nghiệt của đời sống hiện đại, giữa việc chúng ta luôn phải lao về phía trước với một nỗi sợ bị thất bại, sợ bị thụt lùi, sợ gặp những điều bất trắc. Chúng ta kiệt sức, hụt hơi và luôn phải gồng gánh. Khi nghĩ đến đấy, chúng tôi nhận ra:****"Bình tĩnh sống"****chính là cái thái độ sống mà chúng ta đang thiếu, một thông điệp cần thiết để xoa dịu những tâm hồn đang mệt nhoài.*

(http://kenh14.vn)

**Câu 1**. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ cú pháp trong câu: *Bước chân ra khỏi nhà, chúng ta lại buộc mình lao vào một cuộc chiến khốc liệt, với những xung đột, những vất vả, những đua tranh vô hình với xã hội, những gánh nặng của chính bản thân. (0,5đ)*

**Câu 2**. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *Bạn chẳng thể làm được gì đâu, những điều bất trắc và vất vả không như ý này vốn đã là một phần chẳng thể gạt bỏ của cuộc sống. (0,5đ)*

**Câu 3**. Theo anh/ chị, cần phải làm gì *để xoa dịu những tâm hồn đang mệt nhoài* được nêu trong văn bản? *(1đ)*

**Câu 4**. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *Con người trở thành những tờ giấy thấm, dễ dàng hút về mình những tiêu cực và xấu xí của đời sống hiện đại xung quanh* hay không ? *(1đ)*

**Ph**ầ**n II. Làm v**ă**n (7,0** đ**i**ể**m)**

***Câu 1 (2,0 đi***ể***m)***

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa thông điệp “***Bình tĩnh sống****”* đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.

ĐỀ 04

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*… Những người hí hửng hôi của bên chiếc xe cháy trụi, chỉ vài chai dầu ăn, sữa tắm. Gương mặt bất lực ứa nước mắt của một người đàn ông phong trần. Và gương mặt bẽn lẽn khi xóm làng vận động người hôi của trả lại cho người lái xe số vật phẩm trên.*

*Những tàn ác, tham lam, ti tiện... cũng giống như rều rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào. Nhìn ngang, nó dày đặc lắm, tưởng chừng hung hãn lấp kín cả mặt sông. Nhưng nhìn sâu, dưới bề mặt đó là một khối nước khổng lồ gấp bội. Khối nước đó trong veo, cuồn cuộn và miệt mài lao đi, tưới đẫm và cho vẫy vùng.*

*Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa. Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.*

(Trích ***Chuyện anh phụ xe bật khóc vì bị hôi của: Nó rất ám ảnh, nhưng cuộc đời này không phải toàn là thứ xấu xa...*** Hoàng Xuân, Tri thức trẻ, 05/11/2016).

**Câu 1:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (*0,5 điểm)*

**Câu 2**: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “*Những tàn ác, tham lam, ti tiện... cũng giống như rều rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào”. (1,0 điểm)*

**Câu 3:** Hình ảnh *“khối nước”* trong đoạn trích tượng trưng cho điều gì? *(0,5 điểm)*

**Câu 4:** Anh/Chị hiểu như thế nào về câu nói: “*Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.” (1,0 điểm)*

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu:*“Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa.”.*

ĐỀ 05

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*(1) Sự phát triển của mạng xã hội cũng đồng nghĩa với việc chúng ta dành nhiều thời gian cho đời sống ảo hơn đời sống thực. Thay vì đi ra ngoài, gặp gỡ, làm quen với những người khác, bạn lại thích online trên các mạng xã hội và đọc tin tức, lướt web giải trí…*

*(2) Đồ dùng công nghệ cao như smartphone, Iphone, Ipad… giúp bạn kết nối Internet mọi lúc mọi nơi, ngay cả khi đang đi trên xe bus, tàu hỏa…tạo điều kiện cho sự gắn kết với thế giới ảo ngày càng thường trực hơn. Đồng nghĩa với việc khoảng cách với xã hội ngày càng giãn cách.*

*(3) Điều này khiến bạn ít va vấp thực trong*[*quá trình giao tiếp trực tiếp*](http://thuvien.kyna.vn/su-giam-dan-cua-giao-tiep-truc-tiep-dieu-dang-lo-ngai/)*, thói quen giao tiếp dần dần bị loại bỏ, bạn không còn phản xạ linh hoạt để ứng xử và nói năng nữa. Dần dần, kỹ năng giao tiếp của bạn trở nên hạn chế và do đó, bạn ngày càng ít giao tiếp hơn. Bạn trở nên e ngại với việc giao tiếp thực tế, trở nên nhút nhát, thụ động khi nói chuyện mặt đối mặt.*

(Theo Kina.vn- *Nhút nhát của giới trẻ – Nguyên nhân và cách khắc phục)*

**Câu 1.** *Sự phát triển của mạng xã hội* được nói đến trong đoạn văn *đồng nghĩa* với điều gì?

**Câu 2.** Anh/chị hiểu như thế nào về nhận định của tác giả: *Đồ dùng công nghệ cao như smartphone, Iphone, Ipad… giúp bạn kết nối Internet mọi lúc mọi nơi, ngay cả khi đang đi trên xe bus, tàu hỏa…tạo điều kiện cho sự gắn kết với thế giới ảo ngày càng thường trực hơn. Đồng nghĩa với việc khoảng cách với xã hội ngày càng giãn cách.*

**Câu 3.** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn văn (3)?

**Câu 4.** Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với anh/chị từ đoạn trích trên? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần **Đọc hiểu**, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tác hại của căn bệnh ngại giao tiếp thực tế ở giới trẻ hiện nay.

ĐỀ 06

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4**

Ngày xưa, có một vị vua cai trị cả một vương quốc rộng lớn. Một ngày nọ, ông quyết định vi hành đến những vùng đất xa xôi nhất của đất nước. Khi trở về cung điện, ông phàn nàn rằng chân ông rất đau. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu, bởi đây là lần đầu tiên ông thực hiện một chuyến đi dài như vậy, trong khi đó, những con đường ông đi qua đều gập ghềnh, sỏi đá. Bực mình vì bị những cơn nhức mỏi hành hạ, ông ra lệnh cho tất cả các con đường trong vương quốc phải được bao phủ bằng da súc vật. Tất nhiên đây là một mệnh lệnh rất khó thực hiện và tốn kém cả về sức người, sức của nhưng vẫn không ai dám khuyên can nhà vua.

Thế rồi cuối cùng, một người hầu khôn ngoan đã dũng cảm đứng ra ngăn cản nhà vua. Anh ta nói:

– Tại sao quốc vương lại có thể tiêu tốn ngân khố một cách vô ích như vậy ạ? Tại sao Người không cắt những miếng da bò êm ái phủ quanh đôi chân trần của mình?

Như vậy, không những chân Người sẽ không còn bị đau khi đi qua những con đường gập ghềnh sỏi đá nữa mà cả vương quốc cũng sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian, công sức, của cải!

Nhà vua rất ngạc nhiên trước lời đề nghị lạ lùng của người hầu, nhưng rồi sau đó ông cũng đã đồng ý. Vậy là đôi giày đầu tiên trong lịch sử đã ra đời.

Đôi khi trong cuộc sống, chúng ta không cần bắt cả thế giới phải thay đổi theo mình, điều chúng ta cần, đơn giản chỉ là thay đổi tầm nhìn và cách suy nghĩ của bản thân mà thôi.

*( Hạt giống tâm hồn, trithucvn.net)*

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

**Câu 2:**  Anh (chị) hãy đặt nhan đề cho văn bản.

**Câu 3:**Theo anh (chị), tại sao *Nhà vua rất ngạc nhiên trước lời đề nghị lạ lùng của người hầu*?

**Câu 4:**Anh (chị) có đồng ý rằng mỗi người chúng ta *“ không cần bắt thế giới phải thay đổi theo mình”* không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7.0điểm)**

**Câu 1 (2.0điểm):**

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh /chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của việc*“ thay đổi tầm nhìn và cách suy nghĩ của bản thân”* để đạt đến thành công trong cuộc sống.

ĐỀ 07

**. ĐỌC- HIỂU (3,0** đ**i**ể**m)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Khi bị những người mình tin tưởng, thân thiết trở mặt sau lưng, ai cũng cảm thấy tổn thương, thậm chí dằn vặt rằng mình đã làm gì để xứng đáng nhận được điều đó. Thế nhưng bạn cần ngưng suy nghĩ như vậy đi, càng không nên căm ghét, mắng chửi đối phương mà hãy cố gắng bỏ qua. Dù có tiếp tục trở lại làm bạn hay không thì cũng hãy tha thứ cho họ, tha thứ không phải để tỏ ra cao thượng mà tha thứ để hạnh phúc, an yên hơn, việc oán hận đối phương chỉ càng đào sâu vào vết thương lòng của bạn mà thôi.*

*Cuộc sống không hề phẳng lặng như dòng sông, những kẻ không ưa bạn sẽ trực chờ lúc bạn sơ hở để “đâm bị thóc, chọc bị gạo” khi bạn gặp khó khăn hay sa cơ lỡ vận, khiến bạn buồn, bạn khóc, bạn tổn thương, với mục đích là khiến bạn gục ngã không thể gượng dậy. Đó lại chính là lúc bạn phải mạnh mẽ hơn bao giờ hết để kẻ xấu có muốn chế nhạo, hả hê cũng không được. Nếu họ khiến bạn tổn thương một, hãy cố gắng tìm kiếm niềm vui cho bản thân gấp mười lần vì chỉ có cuộc sống tràn đầy niềm vui, tiếng cười của bạn mới là công cụ trả thù ngọt ngào mà chí mạng nhất đối với những kẻ thù.*

(Theo *Trí Thức Trẻ* )

Câu 1:  Xác định phong cách ngôn ngữ được dùng trong đoạn trích?.

Câu 2: Theo tác giả, chúng ta cần làm những gì “*Khi bị những người mình tin tưởng, thân thiết trở mặt sau lưng*”?

Câu 3:  *Dù có tiếp tục trở lại làm bạn hay không thì cũng hãy tha thứ cho họ.* Anh/chị có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?

Câu 4: Thông điệp nào trong đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

**II. LÀM VĂN: (7,0 điểm).**

**Câu 1 (2,0 điểm):**

Anh/ chị hãy viết một đoạn văn 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý kiếnđược gợi ra ở phần Đọc – hiểu.

*Nếu họ khiến bạn tổn thương một, hãy cố gắng tìm kiếm niềm vui cho bản thân gấp mười lần*

ĐỀ 08

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Ai đó đã nói rằng tâm trí chúng ta nằm ngay ở lưỡi. Điều đó có nghĩa là suy nghĩ có quan hệ mật thiết với lời nói. Chúng ta sẽ nói những gì mình suy nghĩ. Lời nói tích cực hay tiêu cực cũng đều ảnh hưởng đến người khác. Nếu ta nói những lời nặng nề hay chỉ trích, người khác sẽ phản ứng lại, họ sẽ trả lại chúng ta những gì họ nhận được (…).*

*Chúng ta suy nghĩ như thế nào thì sẽ nhận thức như thế ấy, và chúng ta nhận thức như thế nào thì cuộc đời chúng ta sẽ như thế ấy. Hãy tưởng tượng chúng ta đang gieo một hạt giống suy nghĩ trong sáng và tích cực. Nếu chúng ta tập trung vào suy nghĩ này, dồn sức lực cho nó, tương tự như mặt trời trao năng lượng cho cây cỏ trên mặt đất, suy nghĩ đó sẽ thức giấc, chuyển mình và bắt đầu lớn lên. Khi ta có những lời nói và hành động tích cực, phẩm chất của ta – cũng như một hạt giống đủ điều kiện về dinh dưỡng và chăm sóc – sẽ thức dậy, chuyển mình và trưởng thành. Vì vậy chúng ta hãy gieo những suy nghĩ tích cực.*

(**Tư duy tích cực**, Frederic Labarthe – Anthony Strano,

NXB Tổng hợp TP HCM, 2014, trang 102,103)

**Câu 1. *(0.5 điểm****)* Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2. *(0.5 điểm)*** Theo tác giả, vì sao*“chúng ta hãy gieo những suy nghĩ tích cực”*?

**Câu 3. *(1.0 điểm)*** Xác định và cho biết hiệu quả của phép tu từ cú pháp được sử dụng trong câu: “*Khi ta có những lời nói và hành động tích cực, phẩm chất của ta – cũng như một hạt giống đủ điều kiện về dinh dưỡng và chăm sóc – sẽ thức dậy, chuyển mình và trưởng thành”.*

**Câu 4. *(1.0 điểm)*** Anh/Chị có đồng ý với quan điểm: “*Chúng ta nhận thức như thế nào thì cuộc đời chúng ta sẽ như thế ấy”* không? Vì sao?

ĐỀ 09

**I. Đọc- hiểu ( 3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:**

*Mỗi người trên thế giới đều là những người khách bộ hành, mỗi ngày đều bước đi một cách chủ động hoặc bị động trên con đường mình đã chọn...*

*Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta còn gặp phải những hố sâu do người khác đào ra, gặp phải sự tấn cống của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh. Bất luận gian khó thế nào, chỉ cần chúng ta còn sống, chúng ta còn phải đối mặt. Sống tức là thực hiện một cuộc hành trình không thể trì hoãn.*

*Trước muôn vàn lối rẽ, không ai có được bản đồ trong tay, cũng không phải ai cũng có kim chỉ nam dẫn đường, tất cả đều phải dựa vào sự phán đoán và lựa chọn của bản thân. Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãị*

(Trích *Bí quyết thành công của Bill Gates*, Khẩm Sài Nhân, NXB Hồng Đức)

**Câu 1.** Thông qua văn bản, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật giao tiếp nào ?

**Câu 2.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta còn gặp phải những hố sâu do người khác đào ra, gặp phải sự tấn cống của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh.*

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: *Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãị*

**Câu 4.** Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất với Anh/chị ?

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm)**

Từ văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ: *Sống tức là thực hiện một cuộc hành trình không thể trì hoãn.*

ĐỀ 10

**I. ĐỌC HIỂU** **(3.0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“*Trong cuộc đời, mỗi khi gặp bất trắc hoặc thất bại trong đời sống, con người thường phiền muộn, hoang mang. Những lúc ấy, những người có nghị lực thường động viên nhau : - đừng mất niềm tin! Không được đánh mất niềm tin vì niềm tin đi liền với hi vọng mà mất hi vọng quả thật là mất tất cả! Nhưng vấn đề không chỉ dừng lại ở mức độ không được đánh mất niềm tin mà là không được đánh mất niềm tin vào điều thiện. Xung quanh và trước mắt ta, không phải bao giờ lẽ phải và điều thiện cũng được khẳng định và luôn chiến thắng trong cuộc đối mặt với điều sai trái và cái ác nhưng không vì thế mà ta run sợ trước cái xấu, cái ác và quay lưng với điều thiện. Xét trong thế cuối cùng, điều thiện bao giờ cũng chiến thắng, lẽ phải được bảo vệ.*”.

(Trích ***Hướng thiện***, Triệu Phong)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (*0,5* *điểm*)

**Câu 2.** Chỉ ra phép liên kết nối câu 2 với câu 1 của đoạn. (*0,5* *điểm*)

**Câu 3.** Anh/chị có đồng tình với sự khẳng định “*Xét trong thế cuối cùng, điều thiện bao giờ cũng chiến thắng, lẽ phải được bảo vệ.”*? (*1,0* *điểm*)

**Câu 4.** Thông điệp anh/chị nhận được từ đoạn trích là gì? (*1,0* *điểm*)

**II. Làm văn (7,0 điểm)**

**Câu 1 (*2,0 điểm*)**

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về quan niệm được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Xung quanh và trước mắt ta, không phải bao giờ lẽ phải và điều thiện cũng được khẳng định và luôn chiến thắng trong cuộc đối mặt với điều sai trái và cái ác nhưng không vì thế mà ta run sợ trước cái xấu và cái ác và quay lưng với điều thiện.”*

ĐỀ 11

*Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão. Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều bỡ ngỡ với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết.*

*(Theo* ***Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2*** *- Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.02)*

**Câu 1.** Hãy chỉ ra đi qua tuổi thơ cuộc đời của con người sẽ thế nào?.*(0,5 điểm)*

**Câu 2.** Nêu tác dụng biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu: *Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. (0,5 điểm)*

**Câu 3.** Tại sao có thể nói: *Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu.(1,0 điểm)*

**Câu 4.** Thông điệp mà Anh/ chị tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Tại sao chọn thông điệp đó?*(1,0 điểm)*

**II LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1. (*2.0 điểm*)**

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói “*để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”*

ĐỀ 12

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“…*Đối với tôi, nguyên tắc thành công đến từ một điều cơ bản: sống trong thế chủ động. Cần gì thì lên tiếng. Muốn gì thì đấu tranh. Kiến thức do học tập. Thành tựu nhờ lao động. Chẳng có cái gì ở trên đời này tự nhiên mà có. Chủ động lèo lái thì mới có cơ may đưa con thuyền cuộc đời cập bến bờ mơ ước. Dù sóng gió, giông bão xảy ra trên hải trình vạn dặm, có giữ vững bánh lái, cầm chắc tay chèo thì mới đến được đất liền. Sống mà không biết tự cứu lấy mình, sống thụ động buông thả, thì cũng giống như một con bè trên dòng nước lớn, để mặc sóng gió xô đâu trôi đó, được chăng hay chớ, rồi sẽ mệt nhoài vì giông bão cuộc đời.*

*… Chẳng xuống nước thì không thể biết bơi. Sống thụ động thì chẳng khác gì đời cây cỏ. Như thế khác nào tự đào hố chôn mình. Sống ở thế chủ động là chủ động học tập, chủ động hỏi han, chủ động giúp đỡ người khác, chủ động gợi ý người khác giúp đỡ mình. Chứ em không cứu mình thì ai cứu được em.”*

***(* Trích “*Em không tự cứu mình thì ai cứu em”* của Rosie Nguyễn – Cuốn *Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu*, Nxb Hội nhà văn, 2017, trang 120-121)**

**Câu 1**. Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong câu : “*Sống mà không biết tự cứu lấy mình, sống thụ động buông thả, thì cũng giống như một con bè trên dòng nước lớn, để mặc sóng gió xô đâu trôi đó, được chăng hay chớ, rồi sẽ mệt nhoài vì giông bão cuộc đời.*” (0,5 đ)

**Câu 2.** Theo quan điểm tác giả, *sống trong thế chủ động* là sống như thế nào*?* Nó có lợi ích gì? ( 0,5 điểm)

**Câu 3.** Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến: *Chẳng xuống nước thì không thể biết bơi* (1 điểm)

**Câu 4.** Anh /chị có đồng tình với quan điểm “*em không cứu mình thì ai cứu được em”* không ? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm**)

**Câu 1 (2,0 điểm)**

Hãy viết đoạn văn ( khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của cách “*Sống ở thế chủ động*” đối với tuổi trẻ hôm nay.

ĐỀ 13

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

Đọc đoạn trích:

Phần lớn chúng ta đều có lúc cần đến sự giúp đỡ của người khác. Cuộc sống là muôn màu, vì thế không phải lúc nào chúng ta cũng tự biết cách xoay xở mọi thứ. Biết được khi nào cần đến sự giúp đỡ và biết tìm kiếm sự giúp đỡ nơi đâu, đó là những yếu tố cơ bản cho sự sinh tồn và hạnh phúc ở mỗi người.

Một số người vẫn luôn từ chối sự giúp đỡ vì không thích cái cảm giác bản thân mình bất lực, phải cậy nhờ vào người khác. Số khác tuy không khước từ, nhưng điều đó lại khiến họ vô cùng buồn bực vì họ cảm thấy lòng tự tôn của mình bị tổn thương. Vì vậy, có những lúc bạn hào phóng ban tặng sự giúp đỡ cho những người đang thực sự cần nó, nhưng đừng quá ngạc nhiên vì họ có thể đáp lại lòng tốt của bạn bằng những hành động khác thường như phản kháng, công kích, cáu gắt hay những phản ứng khiến bạn bị thương. Tất cả những biểu hiện đó, nếu có, là do họ đang phải vật lộn với lòng tự tôn cũng như sự kiêu hãnh của chính mình. Họ đang tìm mọi cách né tránh thực tế rằng mình đang trong trạng thái bế tắc, rằng mọi việc đang diễn ra không theo mong đợi.

Vì vậy, hãy cân nhắc, thận trọng với thịnh tình của chính mình. Nếu muốn giúp đỡ một ai đó, trước hết, bạn phải học cách thể hiện thiện chí.

(Kent M. Keith Ph. D, *10 nghịch lí về cuộc sống*, trang 132-133)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1(0.5 điểm).Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết *những yếu tố cơ bản cho sự sinh tồn và hạnh phúc của mỗi người* là những yếu tố nào?

Câu 2(0.5 điểm). Theo tác giả, tại sao một số người khi được giúp đỡ *có thể sẽ đáp lại lòng tốt của bạn bằng những hành động khác thường như phản kháng, công kích, cáu gắt hay những phản ứng khiến bạn bị tổn thương*?

Câu 3(1.0 điểm). Trong đoạn trích, tác giả đề cập đến nghịch lí nào? Việc nhận ra nghịch lí ấy có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4(1.0 điểm). Theo anh/ chị, có nên lúc nào cũng hào phóng ban tặng sự giúp đỡ không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

Câu 1 (2.0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về cách *thể hiện thiện chí* khi ta muốn giúp đỡ người khác.

ĐỀ 14

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4**

*Tuổi trẻ, tự thân nó đã là một tài sản, tự thân nó đã hàm chứa ánh sáng và hạnh phúc, khi bị vùi xuống bùn, cơ hội để nó tỏa sáng và thăng hoa sẽ lớn hơn so với khi bạn già đi. Lúc đó phép thử trong tay còn mầu nhiệm, con tốt đó trong tay còn có thể phong Hậu, bạn có thời gian làm hậu thuẫn và chân trời vẫn còn nhiều thôi thúc. Còn khi bạn lớn tuổi hơn, những xây xước đằng trước sẽ làm cho bạn ngần ngại, nếu bạn bị rớt xuống bùn, thì rất có thể, bạn sẽ tặc lưỡi nằm đó một mình, hoặc sẽ cố gắng vùng vẫy sao cho người đó cũng lem luốc giống với bạn.*

*Tuổi trẻ có một thứ vốn ngầm rất đáng quý mà không phải ai cũng biết: sự cô đơn. Trái tim là một giống loài dễ hư hỏng. Nếu nó được no đủ, nó sẽ đổ đốn ngay lập tức. Hạnh phúc làm cho người ta mềm yếu, người ta vui tươi với mọi thứ, người ta quên mất việc phải làm, người ta còn bắt đầu tặc lưỡi nhiều hơn với những thói quen xấu. Tình yêu là một giống dây leo khó chiều. Nó cần được thử thách và bị tấn công. Nếu bạn móm cơm hàng ngày, chăm sóc nó quá no đủ nó sẽ chết yểu.*

( Theo kênh 14.vn)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5đ)

Câu 2. Vì sao tác giả lại cho rằng: *“ Tuổi trẻ, tự thân nó là một tài sản”?*(0,5đ)

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến*: “ ... khi bạn đã lớn tuổi hơn, những xây xước đằng trước sẽ làm cho bạn ngần ngại”?* (1.0đ)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với quan niệm: *Trái tim là một giống loài dễ hư hỏng. Nếu nó được no đủ, nó sẽ đổ đốn ngay lập tức?* (1.0đ)

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm )**

**Câu 1 (2.0 điểm)**

Từ đoạn trích trong phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về giá trị của tuổi trẻ.

ĐỀ 15

**I. Đọc hiểu (3 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Cuộc sống luôn có nhiều áp lực nên không phải lúc nào ta cũng có đủ vững chãi  để làm chủ hết bản thân, nhất là khi có những biến động bất ngờ. Trong những lúc tâm tư rối bời hoảng loạn hay chán chường lạc lõng, ta luôn ước ao có một người thân bên cạnh để được chia sẻ. Dù người ấy chẳng giúp ta giải quyết được vấn đề, thậm chí chẳng khuyên được một điều gì bổ ích, nhưng chỉ cần thái độ lắng nghe hết lòng cũng đủ khiến ta vơi đi rất nhiều phiền muộn rồi. Cho nên, được lắng nghe là nhu cầu không thể thiếu của con người. Thế nhưng, điều nghịch lý là ai cũng muốn người khác lắng nghe mình, còn mình lại không chịu lắng nghe ai cả.*

*(….) Nếu ta thực sự muốn giúp người kia vơi đi những nỗi khổ niềm đau đang đè nặng trong lòng, thì việc trước tiên là ta phải biết lắng nghe họ. Cũng như vị thầy thuốc trước khi chẩn mạch kê toa thì phải luôn quan sát thần sắc của bệnh nhân. Sau đó, lắng nghe thật kĩ càng những báo cáo hay những lời than thở về bệnh trạng. Khi ta quyết định lắng nghe một người đang khổ, tức là ta đang đóng vai thầy thuốc để chữa trị bệnh cho họ. Dù ta không phải nhà tâm lý trị liệu, nhưng với lòng chân thành và thái độ lắng nghe đúng đắn, chắc chắn ta sẽ giúp được người kia ít nhiều. Vì vậy mỗi khi chúng ta chuẩn bị lắng nghe, ta phải hỏi kỹ lại mình đã thật sự vào vai của một người cứu giúp chưa?*

( Theo Minh Niệm, Hiểu về trái tim, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.160-162)

**Câu1.** Điều nghịch lí mà tác giả nêu ra trong bài viết là gì?

**Câu 2**.Theo tác giả, khi chúng ta lắng nghe cần có thái độ như thế nào?

**Câu 3**. Anh/ chị hiểu như thế nào là *thái độ lắng nghe đúng đắn* ?

**Câu 4.** Với ý kiến cho rằng: “*Khi ta quyết định lắng nghe một người đang khổ, tức là ta đang đóng vai thầy thuốc để chữa trị bệnh cho họ”* anh/ chị có đồng tìnhkhông? Vì sao?

**II. Làm văn (7 điểm)**

**Câu 1. (2 điểm)**

*Được lắng nghe là nhu cầu không thể thiếu của con người*. Anh/chị hãy viết một đoạn văn ( khoảng 200 chữ) bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

ĐỀ 16

**I. ĐỌC HIỂU (3,0đ)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

***Khả năng sáng tạo***

Khi sắp hoàn thành việc tạo lập loài người, Thượng Đế họp mặt tất cả muôn loài và nói: *“Ta còn một món quà tặng đặc biệt dành cho tất cả loài người nhưng ta muốn giấu họ, ta muốn ban cho họ chỉ khi họ đã sẵn sằng. Đó chính là khả năng sáng tạo”*.

Đại bàng nói: *“Hãy trao nó cho ta, ta sẽ đem nó lên mặt trăng”.*

Thượng Đế đáp*: “Không được, sẽ có một ngày loài người cũng lên đến đó và tìm thấy nó thôi!”.*

Cá hồi nói: *“Ta sẽ chôn nó ở đáy đại dương”.*

Ngài lắc đầu: *“Không đâu, họ cũng sẽ tìm đến đó dễ dàng”.*

Trâu nói: *“Ta sẽ chôn nó trong đồng bằng mênh mông”.*

Thượng Đế vẫn chưa bằng lòng: *“Họ sẽ khoan sâu vào lòng đất, dù là ở đâu họ cũng nhanh chóng tìm ra nó!”.*

Mẹ Đất lúc đó mới nhẹ nhàng chỉ ra một chỗ: *“Hãy đem khả năng sáng tạo giấu vào bên trong mỗi con người.”*

Và Thượng Đế đồng ý.

***Thụy Khanh – (từ intenet)***

***Câu 1 ( 0,5 điểm)***: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

***Câu 2 (0,5 điểm)***: Tóm lược nội dung chính của câu chuyện?

***Câu 3 (1,0 điểm):*** Vì sao Thượng Đế lại muốn giấu đi món quà ông trao tặng cho con người là *“ khả năng sáng tạo”?*

***Câu 4 (1,0 điểm):***Anh (chị) hiểu như thế nào về ý tưởng của Mẹ Đất *“ Hãy đem khả năng sáng tạo giấu vào bên trong mỗi con người.”*

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

***Câu 1 (2,0 điểm)***

Từ văn bản ở phần Đọc – hiểu trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về khả năng sáng tạo của con người.

**B. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**ĐỀ 01**

*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.*

*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*

*Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*

*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*

*Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.*

*Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*

*Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.*

*Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.*

*Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.*

*Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.*

*Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.*

*Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.*

*Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.*

*Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.*

*Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.*

(*Tuyên ngôn Độc lập* – Hồ Chí Minh, Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD VN, 2018, tr39-40)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về tài viết văn chính luận của Hồ Chí Minh.

**ĐỀ 02**

Vẻ đẹp hào hoa của hình tượng người lính Tây Tiến qua đoạn thơ sau:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*

*Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

(***Tây Tiến***, Quang Dũng, Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD)

**ĐỀ 03**

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*Áo bào thay chiếu anh về đất*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

(Quang Dũng - *Tây Tiến*, *Ngữ văn 12*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.89)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên, từ đó nhận xét cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng trong cách thể hiện của tác giả.

**ĐỀ 04**

Có ý kiến cho rằng: *Với giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết và nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc thì dù viết về vấn đề gì, thơ Tố Hữu vẫn luôn dễ đi vào lòng người.*

Anh, chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

*- Mình về mình có nhớ ta*

*Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

*Mình về mình có nhớ không*

*Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

*- Tiếng ai tha thiết bên cồn*

*Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*

*Áo chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…*

(Trích *Việt Bắc* – Tố Hữu, Ngữ văn 12 Tập 1, NXB GD, 2010, Tr 109)

**ĐỀ 05**

Trong bốn dòng thơ đầu của bài thơ *Việt Bắc*, người ở lại có hỏi người về xuôi;

- *Mình về mình có nhớ ta*

*Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

*Mình về mình có nhớ không*

*Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

Có khi đáp lại, người về xuôi vừa hỏi, vừa gửi gắm nỗi nhớ:

*Ta về, mình có nhớ ta*

*Ta về ta nhớ những hoa cùng người*

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*

*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*

*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*

*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*

*Ve kêu rừng phách đổ vàng*

*Nhớ cô em gái hái măng một mình.*

*Rừng thu trăng rọi hòa bình*

*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*

(Tố Hữu, *Ngữ Văn 12*, Tập một, NXB Giáo Dục – 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng kẻ ở- người đi trong các đoạn thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét về tính dân tộc trong đoạn thơ.

**ĐỀ 06**

**Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:**

*Con sóng dưới lòng sâu*

*Con sóng trên mặt nước*

*Ôi con sóng nhớ bờ*

*Ngày đêm không ngủ được*

*Lòng em nhớ đến anh*

*Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương bắc*

*Dẫu ngược về phương nam*

*Nơi nào em cũng nghĩ*

*Hướng về anh - một phương*

*Ở ngoài kia đại dương*

*Trăm ngàn con sóng đó*

*Con nào chẳng tới bờ*

*Dù muôn vời cách trở*

(***Sóng***, Xuân Quỳnh, SGK Ngữ Văn 12, Tập một, Tr 155-156, NXB Giáo dục - 2009)

**ĐỀ 07**

Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ khi yêu qua hai khổ thơ sau:

*Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ*

*Sông không hiểu nổi mình*

*Sóng tìm ra tận bể*

Và:

*Làm sao được tan ra*

*Thành trăm con sóng nhỏ*

*Giữa biển lớn tình yêu*

*Để ngàn năm còn vỗ.*

(Trích *Sóng* - Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12 - Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.155-156)

Từ đó, bình luận về những sáng tạo tài hoa của nhà thơ Xuân Quỳnh qua việc thể hiện khát vọng tâm hồn của người phụ nữ.

**ĐỀ 08**

Cảm nhận đoạn thơ sau:

“Những cặp vợ chồng yêu nhau còn góp cho Đất Nước

những hòn Vọng Phu

[...]

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”

(Trang 120, 121, SGK Ngữ văn 12 tập 1, NXB GD 2009)

Từ đó chỉ ra đóng góp riêng của đoạn thơ về nội dung và nghệ thuật.

**ĐỀ 09**

Trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, nhà văn Nguyễn Tuân đã có những lần miêu tả dòng Sông Đà:

*Thuyền tôi trôi trên sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “ Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.*

*(*Nguyễn Tuân *-*[***Người lái đò Sông Đà***](https://doctailieu.com/nguoi-lai-do-song-da-nguyen-tuan-c5665)*, Ngữ văn 12, Tập 1)*

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp dòng Sông Đà trong đoạn văn trên, từ đó nhận xét về cái tôi tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.

**ĐỀ 10**

Trong truyện *Vợ chồng A Phủ,* nhà văn Tô Hoài đã hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn sau:

Đoạn 1:

“...*Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị theo những cuộc chơi, những đám chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi - Em yêu người nào, em bắt pao nào... Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa*... ”

Đoạn 2:

*“...Mị đứng lặng trong bóng tối.*

*Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưnng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:*

*A Phủ cho tôi đi.*

*A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:*

*Ở đây chết mất.... ”*

(*Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, sách Giáo khoa Ngữ văn 12, cơ bản, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2008, tr 9,11)

Phân tích nhân vật Mị qua hai lần miêu tả trên, từ đó làm nổi bật khát vọng sống của nhân vật này.

**ĐỀ 11**

Qua truyện “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân, anh (chị) hãy nêu cảm nhận diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ từ khi con trai nhặt được vợ. Từ đó làm nổi bật tư tưởng nhân đạo của nhà văn Kim Lân.

**ĐỀ 12**

Qua truyện “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân, anh (chị) hãy nêu cảm nhận diễn biến tâm trạng của Tràng vào buổi sáng hôm sau khi có vợ. Từ đó là nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.

**ĐỀ 13**

Cảm nhận vẻ đẹp khuất lấp của người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” của Nguyễn Minh Châu. Qua đó phát biểu thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua truyện ngắn này**.**

**ĐỀ 14**

Vẻ đẹp hình tượng cây xà nu qua đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc truyện ngắn “Rừng xà nu” (Nguyễn Trung Thành).

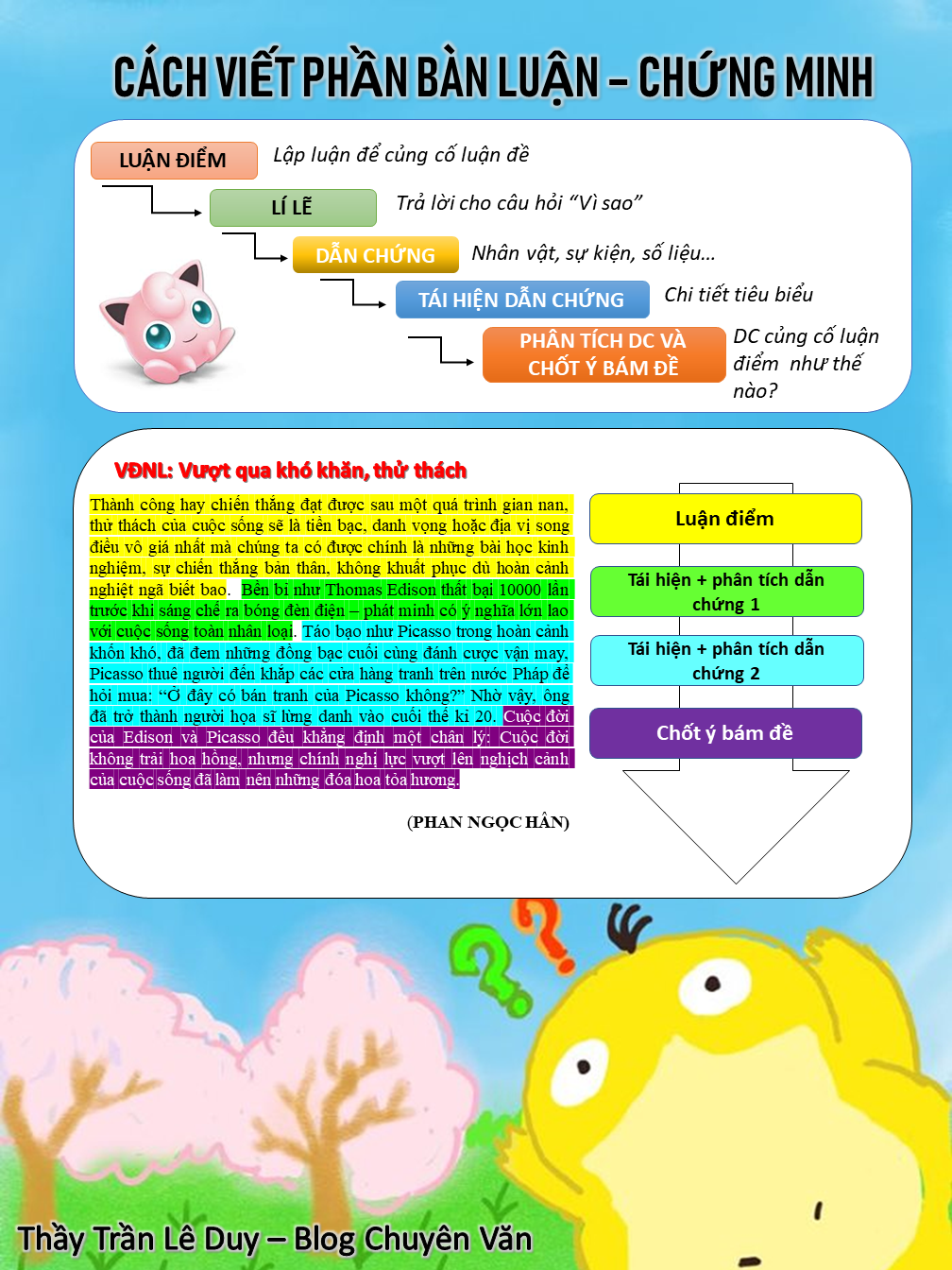
**ĐỂ 15**

Phân tích cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trong cảnh VII, trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (Ngữ văn 12, tập hai, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016. Từ đó, anh/chị hãy nhận xét về chiều sâu triết lý được tác giả chuyển tải qua đoạn trích

**BÍ KÍP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI HAY**

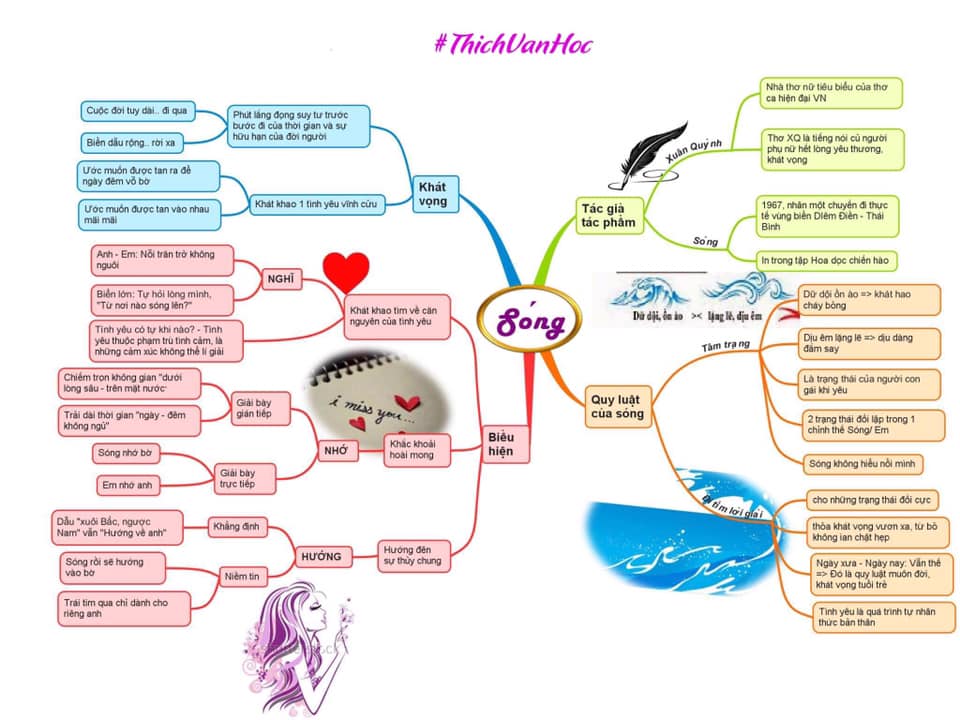
****

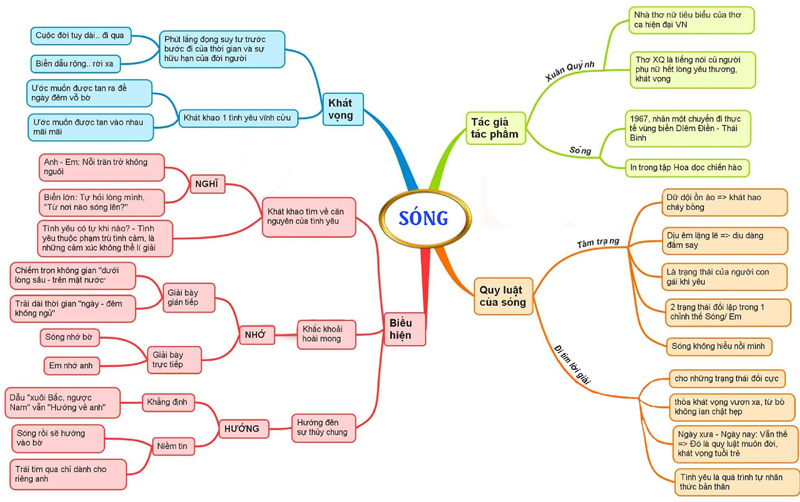
****

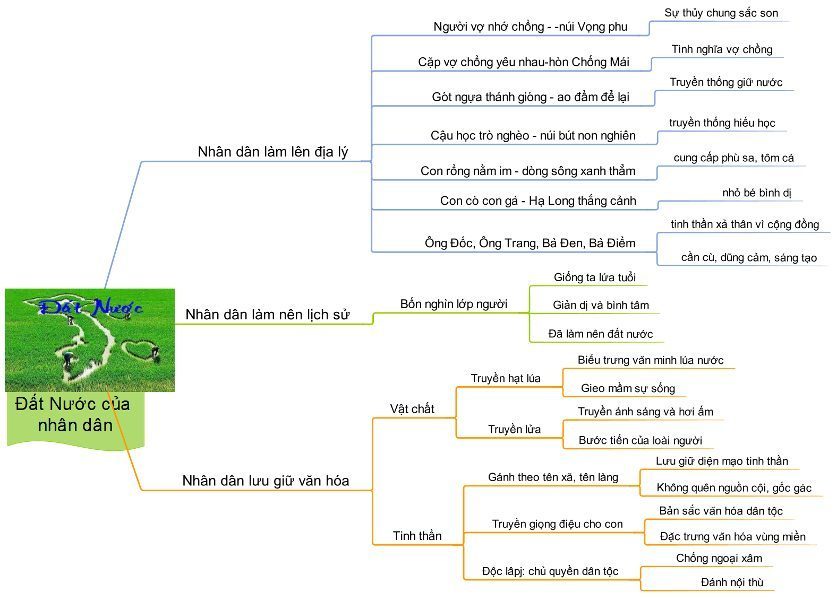
****

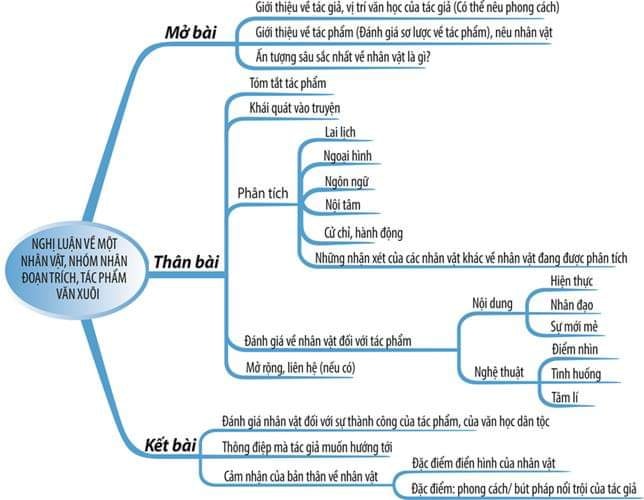
****

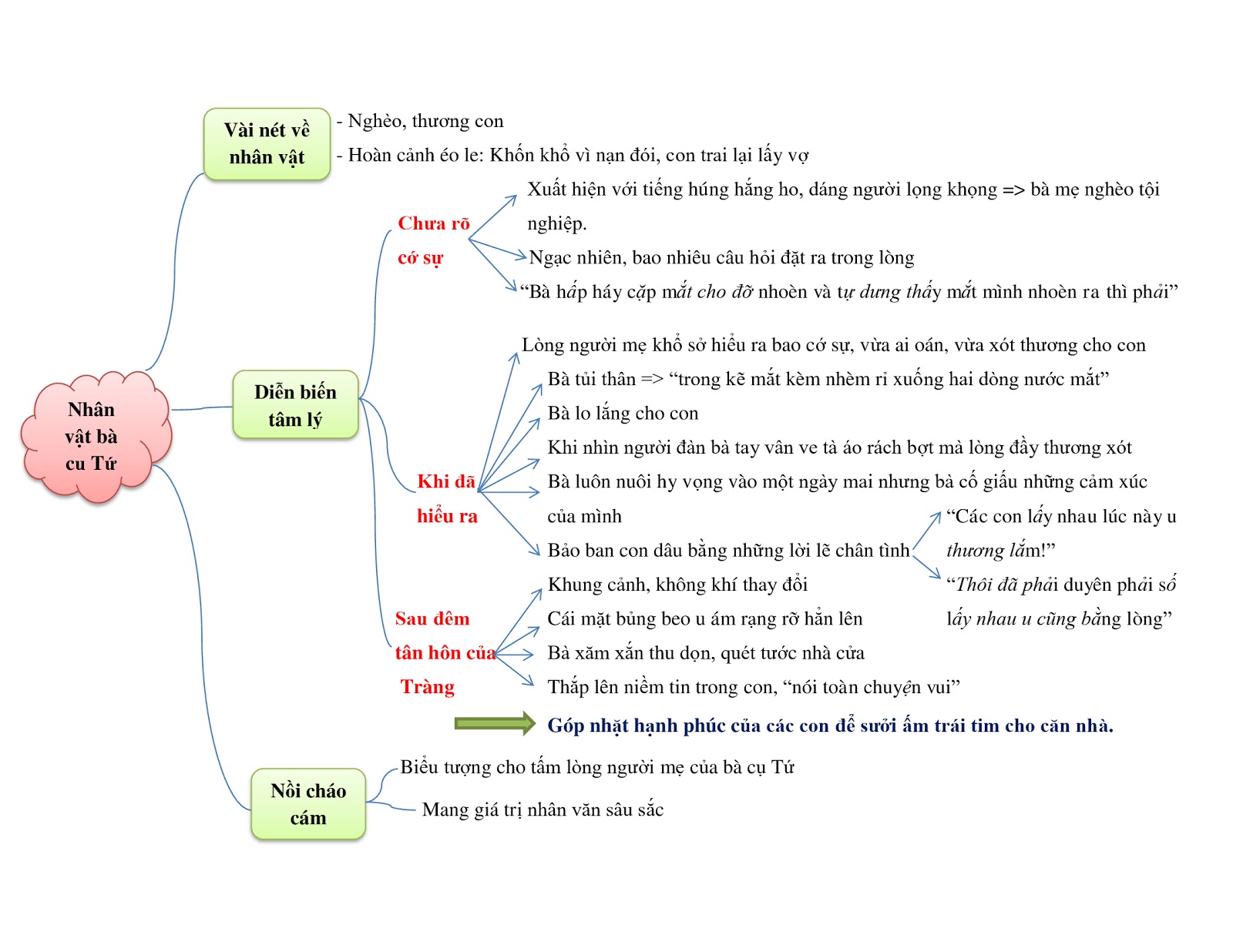
**MỘT SỐ SƠ ĐỒ TƯ DUY VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC 12**

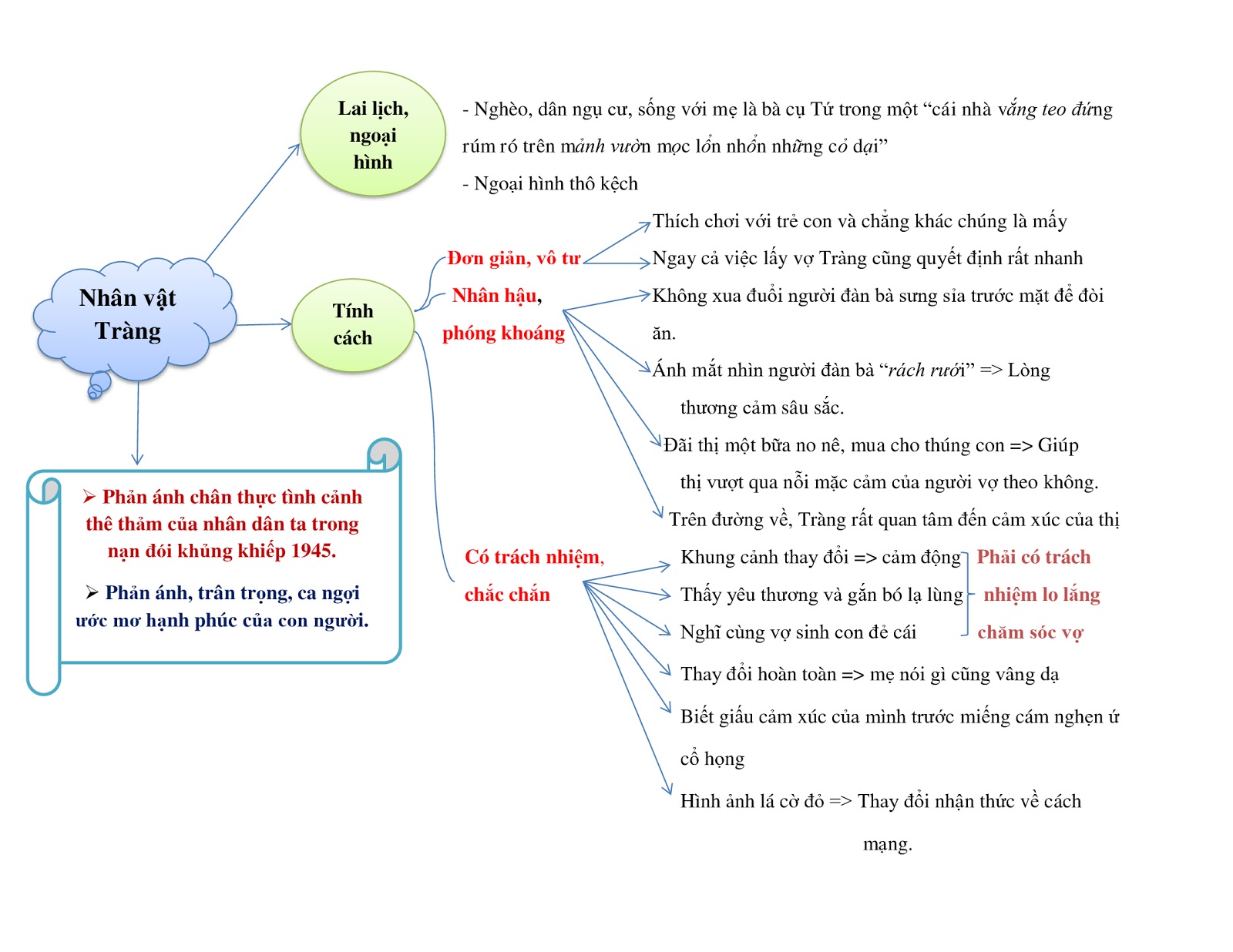
****

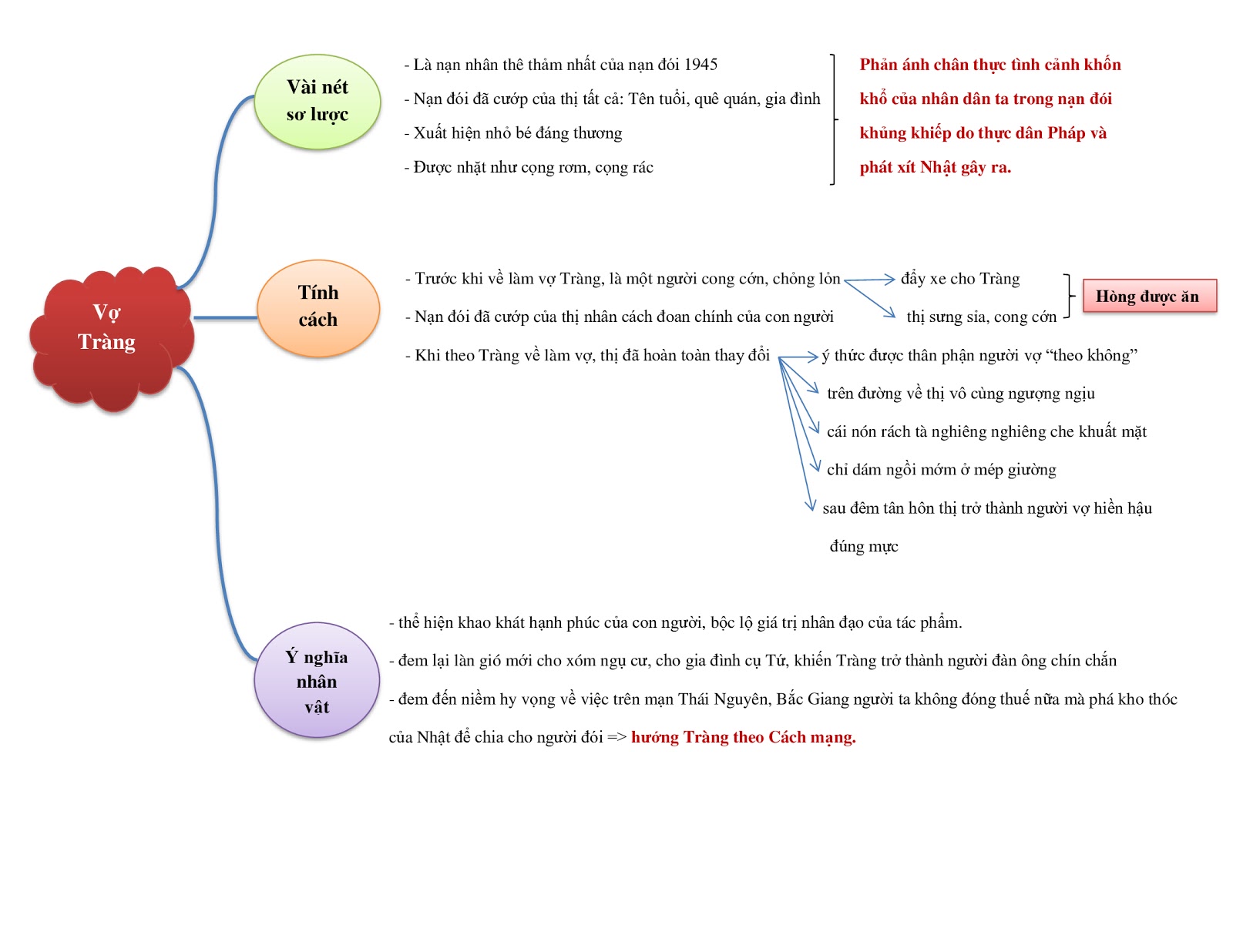
****

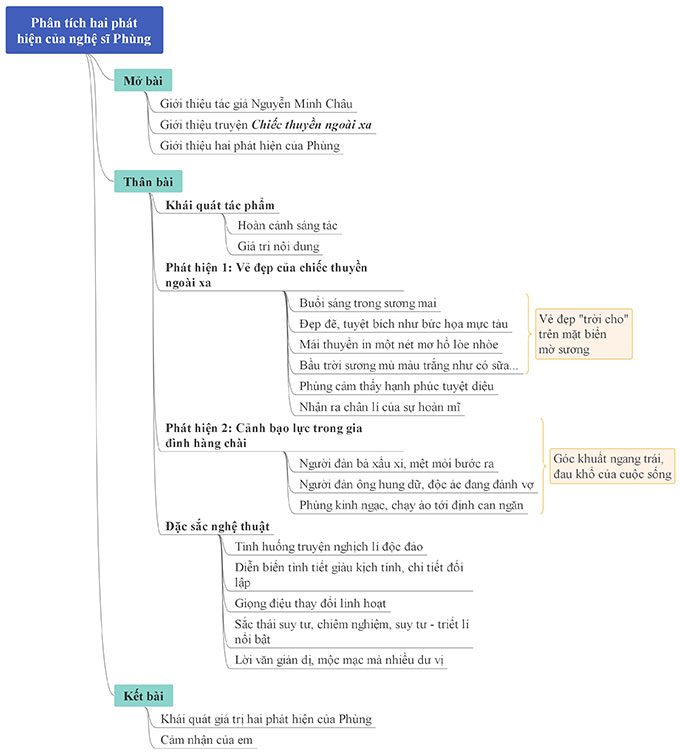
****

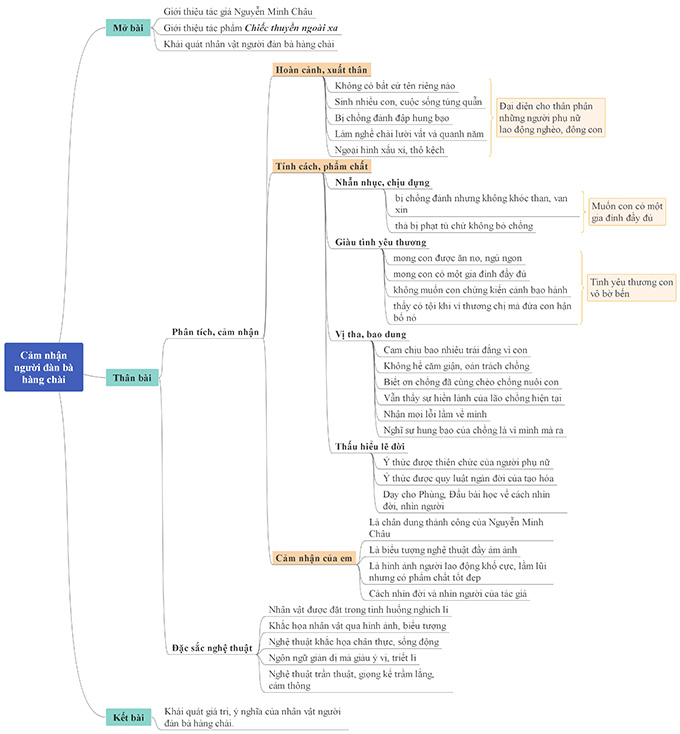
****

****

****

****

****

****